BnF Gallica

Hàn-Mc-Tu

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

Trân-Thanh-Mai. Auteur du texte. Hàn-Mc-Tu . 1942.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :
- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».
- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.
- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter
utilisation.commerciale@bnf.fr.

160
Indoch
1034

mars 42

TRAN THANH MAI

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
No 27573

HÀN MẠC TỬ

1034

NHA XUAT BAN HUÉ
47, QUAI DONG BA — HUÉ

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

TRAN THANH MAI

HÀN MẠC TỬ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 24573

8° Indoch.
1024

NHA XUAT BAN HUÉ
47, QUAI DONG BA — HUÉ

BIBLIOTHEQUE NATIONALE
R.F.
IMPRIMES

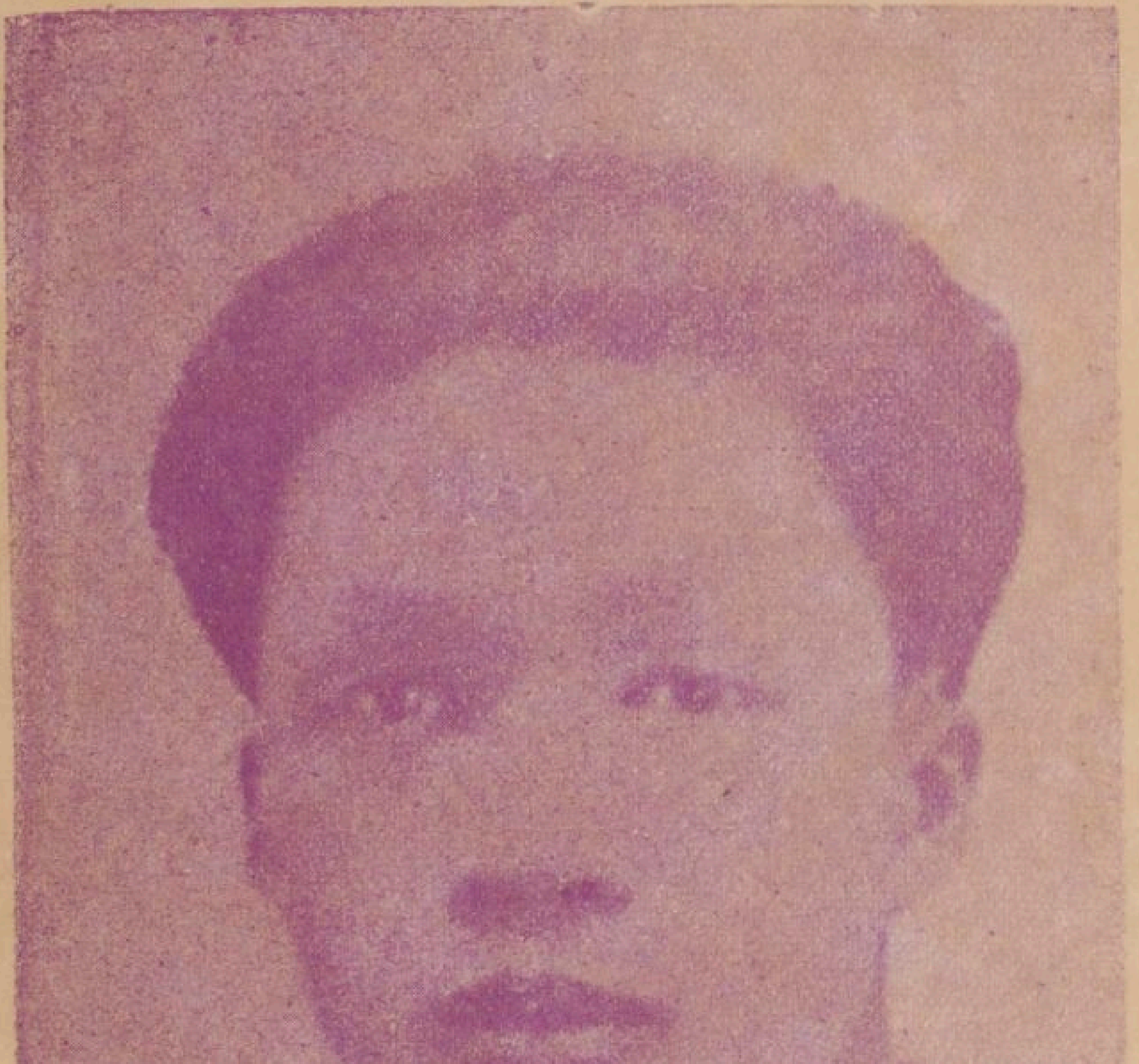

16 Indoch
1034

Thì cầu
nguyện
để
tặng anh
Lê
Khương
Trí

Bên trang 5 là hàng chữ cuối cùng của Hàn-Mạc-Tử, viết một ngày trước khi chết. Người ta đọc : « Thơ cầu nguyện để tặng anh Xê. — François Trí. — » Anh Xê, họ Nguyễn-văn, là một thanh niên hủi, bạn đồng bệnh của Hàn-Mạc-Tử.

Trời hỡi! nhớ ai cho khổ dài!
Gió trăng có sẵn làm sao ăn?
Làm sao giết được người trong mộng
Để trả thù duyên kiếp phụ phàng

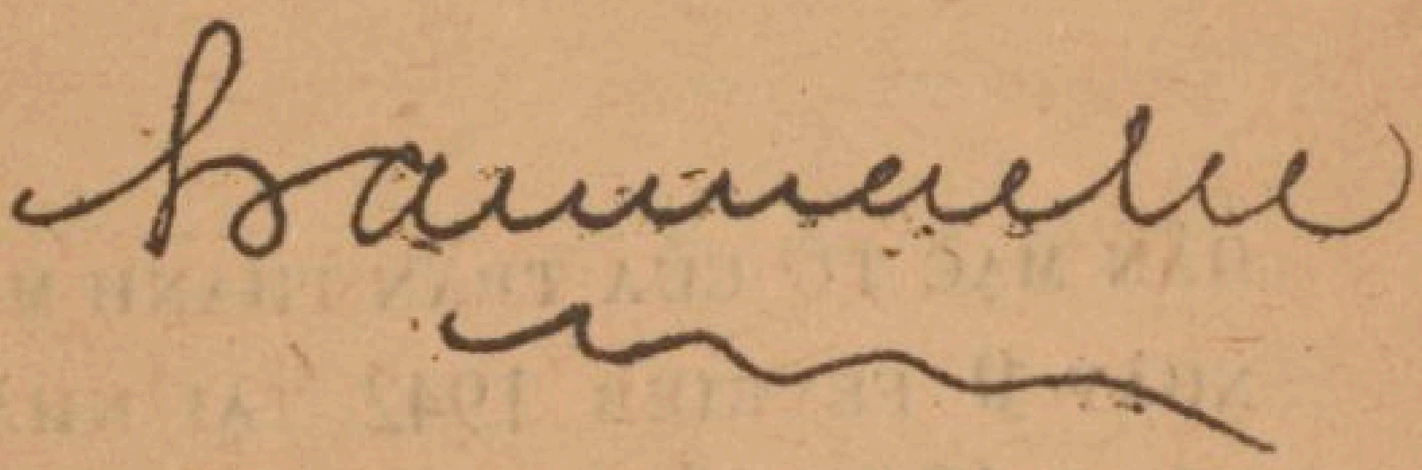

HÀN MẠC TỬ CỦA TRẦN THANH MẠI IN XONG NGÀY 9 FÉVRIER 1942 TẠI NHÀ IN RẠNG ĐÔNG 194 PHỐ HÀNG BÔNG HANOI, NGOÀI NHỮNG QUYỂN THƯỜNG, CÓ IN THÊM 1 BẢN GIẤY DÓ ĐẶT TỪ TRÊN LÀNG YÊN THÁI (BƯỞI) ĐỂ RIÊNG TẶNG GIA ĐÌNH HÀN MẠC TỬ, 3 BẢN GIẤY REGISTRE RIÊNG CHO TÁC GIẢ VÀ NHÀ XUẤT BẢN, 2 BẢN GIẤY NHẬT BẢN THỨ ĐẶC BIỆT VÀ 20 BẢN GIẤY BẢN HẠNG TỐT ĐỂ TẶNG RIÊNG CÁC BẠN THÂN.

Tặng xá-đệ Trần-Thanh-Địch mà công lao trong việc trứ tác quyển sách này chỉ có cái tình vô lượng của chàng đối với Hàn-Mạc-Tử mới sánh kịp.

T. T. M.

Cùng một tác giả

ĐÃ XUẤT-BẢN

Trông giòng Sông Vị (*phê bình văn chương và thân thế Trần-tế-Xương*)
TRẦN THANH ĐỊCH 1935

Tuy-Lý-Vương
ƯNG-LINH 1938

Hàn-mạc-Tử
NHÀ XUẤT BẢN HUẾ — VÕ DOÃN - MAI 1941

SẼ XUẤT-BẢN

Ngô-vương Quyền

Tác giả giữ bản-quyền

HAN MAC TU

TỰA

Hàn-Mạc-Tử mất đi, để lại cho tôi cái nhiệm vụ viết đời chàng.

Thuở sinh thời, chàng đã ngỏ ý ấy nhiều lần. Luôn trong hai ba thư gửi cho em tôi, Thanh-Địch chàng đã tỏ sự muốn nhờ tôi « nói đủ tất cả cái gì của thơ Trí và cái gì của lòng Trí.»

Việc đó, khi Hàn-Mạc-Tử còn sống, tôi đã không làm. Tôi không làm vì hai cớ. Một là kinh nghiệm đã cho tôi hay rằng đưa một thiên tài lên đàn danh vọng sớm quá, khi thiên tài ấy chưa kịp phát triển một cách hoàn toàn, thường có hại cho thiên tài lắm. Tài hoa như một nụ quả cây. Cứ để cho nó tự do lớn đã, chứ mó tay vào thì nó đưng ngay. Tôi không muốn làm cái giọt nước rơi trên dây pháo để làm cho nó tịt ngòi.

Lẽ thứ hai là vào khoảng năm 1938, 1939 tức là ngay giữa lúc nhà thi-sĩ muốn cậy tôi « lăng xê » mình, Hàn-Mạc-Tử cùng với các môn đệ của chàng đang chủ trương trường thơ tượng trưng, theo lối Mallarmé và Valéry bên Pháp. Sự ấy tôi hết sức

công kích. Tôi chỉ thấy trong ấy những cớ để cho kẻ bất tài vô học múa men trước lỗ mũi người độc giả khờ khạo hiền lành những mớ ngớ ngẩn và vô ý thức kết tinh. Khi có người cứ tưởng mình là Nã-phá-Luân và ngồi gạch đặc lên nền bệnh viện những họa đồ của một trận giặc khổng lồ, tại sao lại không có người tưởng mình là thi sĩ để bôi nhọ giấy bằng những phù khí của trí não loạn lạc của họ ? Nhưng mà điên hẳn như hạng người ấy vẫn còn dễ chịu hơn là những anh chàng cố đi vào lối thơ tượng trưng để làm bối rối sức lĩnh hội của người khác để vừa che đậy cái dốt của mình, vừa lòe đời bằng một cách lường gạt có tổ chức.

Hàn-Mạc-Tử thì không bao giờ bị ảnh hưởng của hai nhà thơ bí hiểm Pháp nói trên. Chàng cũng ít khi theo lối thơ bí hiểm. Nhưng chàng để cho môn đệ chàng theo nó, và chàng lại khuyến-khích chúng vào sâu trên con đường ấy. Ca tụng Hàn-Mạc-Tử thuở ấy, tức là công nhiên thừa nhận sự bí hiểm của văn thơ, nghĩa là sự phá sản của tư tưởng. Tức là mở đường cho bọn vô học mà bảo chúng: « Đừng học nữa, vô ích. Ra làm thơ đi thì vừa. Miễn đừng cho ai hiểu cả là được. » Trời ơi ! Có bao giờ mà tôi lại đi nối giáo cho bọn giặc.

Vì sao phải dấu quanh ? Có một lúc tôi quả đã vô duyên với thơ Hàn-Mạc Tử, đến nước tôi không để ý được đến chính cả những bài mà nhà thi-sĩ ấy tặng riêng cho tôi nữa, những bài cao-siêu hùng vĩ như « Thượng thanh khí ».

TỰA

Một nhà thi sĩ trứ danh người Mỹ, Walt Whitman, trong một trang tuyệt diệu, đã phê bình nhà thi sĩ cùng người Mỹ và càng trứ danh gấp mấy là Edgar Poë như thế này :

« Lâu lắm và cho đến một thời gian gần đây, thi nghiệp của Poë đối với tôi thật có ác cảm, Trước kia mà ngay bây giờ cũng vậy, tôi vẫn yêu cầu, về thơ, cho nó được trong-sáng như ánh mặt trời, tươi mát như hơi gió thoảng, cứng cát và mạnh mẽ như sức khỏe, chớ không như mê sảng, mặc dầu là nhà làm thơ đang trải qua những cơn dục tình giông tố, với lại cho có những nguyên tắc luân lý bất di bất dịch làm nền-tảng luôn luôn. Thế mà, không cần phải chịu theo những điều yêu sách ấy, thiên tài của Poë vẫn chiếm được một địa vị đặc biệt, và đến cả tôi, rốt cuộc tôi cũng phải nhìn nhận một cách hoàn toàn, và yêu chuộng nó, thiên tài ông ấy và ông ấy. »

Tôi tưởng không còn gì đúng hơn là mượn mấy lời trên để cắt nghĩa sự lãnh đạm ban đầu của tôi đối với thơ Nguyễn-Trọng Trí và sự xoay chiều của tôi ngày nay.

Nhưng nay Hàn-Mạc-Tử đã chết. Bây giờ thì tình thế đã xoay ra khác.

Bây giờ thì là việc sắp đặt cái chỗ cho xứng đáng trong bản « Phong Thần » để đưa tên người tài hoa vừa quá cố vào Sự chết, ghê gớm ở chỗ khác, ở đây vẫn có cái hay ấy.

Với những phương pháp mới, xưa nay chưa từng có trong lịch-sử văn-học Việt-nam, tôi đã phân-tích ra từng cử-chỉ, từng tính tình của nhà thi-sĩ, từng giai-thoại trong đời người. Những cái ấy, mà bề ngoài tưởng như vô bổ ích, và chỉ để kéo cho dài dòng, tựu trung đều ăn nhịp với nhau như những vòng của một sợi giây chuyền để mà ảnh hưởng đến cái đích của người viết sách muốn đi tới : cắt nghĩa thi-phẩm của nhà thơ.

Không rõ thấu hết những cái vặt vãnh thắc mắc trong đời một nhà thi-sĩ thì không sao hiểu hết được thơ của người ấy. Phương chi trong việc khám phá các nguyên nhân đã chi-phối cho sự sáng tạo một thi-phẩm, hẳn phải có một cái gì say sưa hứng thú như thấu được một điều bí mật của Tạo-hóa. Còn chi vui thích bằng hiểu thấu được thế nào là một cục tròn bầu dục, ngoài có vỏ có mầu tươi như má cô gái Huế, và trong thì có mỏng, chất nhựa nửa trắng, nửa vàng kia lại hóa ra được một con gà?

Tôi nhận thấy trong những công việc khảo cứu như loại tôi đang làm, có ba nguồn ảnh-hưởng to tác cần phải xét cho ra ngọn ngành. Ấy là ba cái ngôi bất di, bất dịch : trời, đất, người, bao giờ cũng chính nó chi phối cho sự hưng vong của mọi sự nghiệp, và nó hơi giông giống cái thuyết tam tài của nền triết học Đông-Phương.

Khảo cứu về đời thi-sĩ Hàn-Mạc-Tử, tôi phải xét rõ các thời đại chàng đã sống qua. Tôi phải viếng các xứ chàng đã ở, và sau cùng tôi phải hỏi tất

cả các người có liên lạc đến đời chàng. Và tôi nhận ra rằng học giả Tây Phương tựu-trung cũng không hành-động ra ngoài phương-pháp ấy.

Khảo cứu về đời Hàn-Mạc-Tử tôi thấy rằng nhà thi-sĩ ấy có một cuộc đời ly kỳ đặc biệt. Không phải bao nhiêu bậc thiên tài trên thế giới đều có những cuộc đời ly kỳ đặc biệt, không ! Người ta vẫn có thể vừa kéo dài một cuộc đời bằng phẳng êm ru, vừa vẫn là một bậc thiên tài. Tôi nói đi nói lại ở chỗ ấy là vì tôi thấy cần phải đánh đổ một quan niệm của thanh niên rất có hại cho họ. Thanh niên đều say mê thiên tài, và muốn thành những bậc thiên tài. Cái ấy rất hay. Nhưng thanh niên lại tưởng rằng muốn thành những bậc thiên tài phải có một cuộc đời giang hồ luân lạc, rồi thanh niên ép bức đời mình cho ra như thế, bằng cách ly dị gia đình, sống thất tha thất thểu, lăn lóc trong các hồng lâu tửu quán, phá sức khỏe, hại tinh thần.

Nhà đại thi hào Pháp Baudelaire, tác giả bất tử tập Les Fleurs du Mal, vì muốn cho được giống hệt nhà đại thi hào Mỹ Edgar Poë, cũng đâm ra rượu chè đí thõa, và suốt đời kéo lê cái xác bệnh hoạn đau thương ấy ở dọc quán đầu đường. Buồn cười nhất là Poë có một người kế mẫu hết sức ghẻ lạnh với chàng, nên chàng mới buồn chuyện nhà đâm ra lêu lổng như thế. Còn Baudelaire thì cũng có một người cha ghẻ làm đến chức đại tướng, nhưng hết sức thương yêu chàng. Nhưng thế lại trái ngược với đời Poë mất ! Baudelaire bèn làm đủ cách để cho ông ta ghét, lừa gạt ông ấy, bắt ông trả luôn mấy bận nợ, rồi lại lập mưu đâm dao vào cuống

họng làm bộ tự tử.

Về sau một đám môn-đệ của Baudelaire lại bắt chước theo thầy mà đâm đầu vào trụy lạc. Rimbaud và Verlaine là hai tay lẫy lừng nhất trong sự sống những cuộc đời ô nhục. Ngoài ra còn biết bao thanh-niên Pháp đã tự phá-hoại tương lai mình vì những gương xấu ấy, mà rốt cục lại, đời không thèm biết đến tên tuổi, vì đều là những kẻ bất tài !

Đời Hàn-Mạc-Tử cũng là một đời ly kỳ đặc biệt, đầy đau thương, đầy khổ não. Tôi nào muốn thế. Viết lại đời nhà thi-sĩ ấy, tôi không thêm thắt vẽ vời, tôi nào có muốn làm cho ê-chề, làm cho cảm-động những đoạn đời của Nguyễn-Trọng Trí, để thêm phần quan-trọng, mê luyến cho sách tôi ! Tuổi tôi đã đi quá cái ưa thích ấy. Hàn-Mạc-Tử là một thiên-tài. Tôi chỉ biết thế. Nếu như khảo-cứu đời chàng, tôi tìm ra rằng chàng có một cuộc đời phi-thường, đó chỉ là một sự tình-cờ, và chỉ là thế. Một lần nữa, tôi không có ý ca-tụng những cuộc đời kỳ lạ và không khuyên ai nên mua chác một cuộc đời như thế bằng cách tự rước cái bạc mệnh vào mình.

* * *

Các bạn độc-giả yêu qui đọc đến tập sách hèn mọn này, có thể than phiền rằng tác giả đã quá tham lam hay dễ dãi mà trích lục hơi nhiều những thơ của nhà thi-sĩ quá-cố.

Nhưng thi phẩm của Hàn-Mạc-Tử mãi đến ngày nay cũng còn là những thi phẩm viết tay, hoặc giả

trong ấy có ít bài đã cho đăng qua vào một tờ báo nào rồi. Như thế nghĩa là thi phẩm của thi sĩ hiện nay không được phổ thông một tý nào, và nếu có người đã biết đến, thì những người ấy đối với toàn thể quốc dân, chỉ là một số rất ít, số đã do một trường hợp đặc biệt nào mà được gần, hoặc một cách trực tiếp, hoặc một cách gián tiếp, nhà thi-sĩ.

Nay nếu nghiên cứu tác phẩm của nhà thơ ấy mà không đưa một ít tác phẩm ấy ra làm đối chiếu, thì những kẻ chưa từng biết Hàn-Mạc-Tử ra thế nào, làm sao mà hiểu thấu được cái hay thấm thía, cái âm nhạc réo rắt, cái linh hồn siêu việt của thi phẩm người. Bao giờ thi văn của Hàn Mạc-Tử được in ra và bán khắp trần gian, và từ người bé đến kẻ lớn, ai ai cũng đều thuộc lấy làm lòng cả, khi ấy quyền sách này sẽ dọn lại mà bỏ bớt những trích lục ấy đi, cũng không muộn.

Bây giờ tôi không muốn nói chi thêm nữa nếu không ngỏ lời cám ơn các bậc thức giả, các bạn bè xa gần, đã hết lòng sốt sắng cho tôi những tài liệu quí hóa về cuộc sống của Hàn-Mạc-Tử.

Trước hết, tôi xin trân trọng cúi dâng một tấc lòng thành kính cùng bà Nguyễn-thị-Duy, sương phụ cụ Nguyễn-văn-Toản và thân mẫu của nhà thi-sĩ. Tôi không thể quên được cái cảnh tượng đau thương tôi đã phải gợi ra cho bà khi tôi tò mò đến hỏi từng ly từng tý những chuyện thơ ấu của con bà. Tôi không thể quên cái hình ảnh gầy yếu, dịu dàng

hiền hậu ấy, khi giữa hai câu chuyện, bà và tôi, mỗi người trầm ngâm, sững sờ đuổi theo mỗi dây ý nghĩ, rồi chốc chốc, bà cứ ngó xuống đất, giữa nền nhà, vừa chép miệng, vừa thủ thỉ khóc, mà nói một mình : « Hử, hử..! Nhỏ nhoi quá đi ! » hình như bà đương nhìn một đứa con bé bỏng đang đi lúc thúc đâu dưới gậm giường, chân ghế : « Hử, hử ! Nhỏ nhoi quá đi ! »...

Bà Phước Mẹ de Saint-Venant, thuộc dòng Franciscaine de la Mission de Marie, phó giám đốc bệnh viện Qui-Hòa, là người cho tôi tài liệu về những giờ cuối cùng của thi-sĩ Hàn-Mạc-Tử. Ấy là một người đàn bà thuộc về hạng người hết sức hiếm hoi ở dưới trần gian, đã bỏ cả gia-đình, cả tổ-quốc với những gì văn-minh, xa hoa cực điểm, đã bỏ đến cả tuổi thanh xuân với sắc đẹp huy-hoàng lộng lẫy, tự đày mình ngoài trăm nghìn dặm, tự giam mình trong cái địa ngục gớm ghê rùng rợn hơn cả địa ngục của Cơ-đốc-giáo, để mong đỡ dần trong muôn một nguồn đau khổ vô hạn của loài người. Cái nhìn xanh biếc, nụ cười tươi thắm trên mặt trái soan đúc theo khuôn những vì nữ thần Hy-Lạp ấy, chỉ biết reo vào lòng người một niềm mộ đạo và kéo bao nhiêu ý về đức thuần túy cao siêu của Chúa-Trời.

Mai Đình nữ-sĩ mà số kiếp phong trần cứ đuổi đeo mãi mãi, Mai-Đình nữ sĩ mà hiện giờ tôi không biết ngọn gió đời đang thổi dạt vào nước non nào, là người thông minh nhất, và đủ đức tính nhất để

giúp một kẻ khảo cứu thành công. Nàng là người thứ nhất tàng trữ được nhiều thơ chưa in của Hàn Mạc-Tử và là người thận trọng đến từng chữ thơ của người đã được nàng tôn thờ. Đó là một tâm hồn thất lạc mà lòng hy sinh, và chí khẳng khái bỗng làm thanh cao tốt đẹp. Tôi nhớ ngày vừa qua đây tôi vào Nam-kỳ, tìm nàng trong các tỉnh nàng đã có ở qua, để hỏi lại cho chắc một việc trong đời nàng thì tôi hay rằng nàng đang ở Blao, một tỉnh hạt mới khai phá ở miền Nam Trung-kỳ. Tôi đánh điện tín nói rõ mục đích của tôi và hỏi nàng có thấy tiện cho tôi ngược Blao chăng? Ngày mai, vừa ngủ dậy thì tôi thấy nàng tất tả bước vào, và chính giữa hai hàng lệ cảm động khôn cầm, mà người đàn bà phiêu lãng ấy kể chuyện mình với Hàn-Mạc-Tử cho tôi nghe. Nhưng sự sốt sắng ấy vẫn chưa cảm động bằng khi đã trở về Blao rồi, mà sực nhớ hai chữ nhớ sai trong một bài thơ nàng đã chép cho tôi, nàng bèn làm lại một cuộc du lịch Saigon thứ hai. Lần này tôi đi khỏi một ngày. Suốt một ngày, nàng đã đợi. Tôi không biết nàng đã ăn uống ở đâu, và không thể không bùi ngùi tự hỏi ở đâu ra số tiền nàng lộ phí để đi về.

Xá đệ Trần-Thanh-Địch là người đã đóng vai trọng yếu nhất trong sự làm cho tôi nhất quyết viết quyền sách này, tôi đã ghi nhớ cái nguồn ảnh hưởng tốt đẹp ấy ra ở trang đầu sách.

Xá điệt Trần-Tái-Phùng đã giúp tôi rất nhiều tài liệu về nghệ thuật của Hàn-Mạc-Tử, chính do nhà thi-sĩ tự đưa đến bằng những bức thư Tri đã gửi

cho Phùng.

Sau cùng, tôi không quên nhắc đến nhà thơ Đường-Luật Quách-Tấn, và xin gửi một lời cũng gọi là cảm ơn đi, vì tuy rằng ông có giữ được một ít tài liệu về Hàn-MạcTử, và tuy ông quyết giữ kỹ lấy cho một mình ông, nhưng ông đã thách tội một câu nói, làm cho tôi phấn khởi mà làm việc nhiều hơn.

An Cựu, Octobre 1941

T. T. M.

DONG HOI, 1912

Có nhiều thành phố chỉ dựng lên trong một mai một chiều, như nhờ câu thần chú của một vị ảo-thuật nào. Đồng-hới trước đây 30 năm, chỉ là một chợ nhà quê của bạn kẻ chài bán các thứ cá câu ngay ở đấy nhóm họp phía ngoài thành, gần ven bề; một cái chợ thưa thớt, ở chung quanh, Chính-phủ Bảo-hộ lập nên ít cơ-quan cai-trị, một dinh lưu trú sứ, một đồn lính tập, một nhà thương, một sở bưu điện, và một nhà thương chính, tất cả đều lợp mái tranh, và lôi thôi, và bừa bãi, như hầu hết cơ-quan chính-trị ở các nơi mới khai phá.

Sở thương chính lại có phần sơ sài hơn hết. Dựng trên bãi sông Nhật-lệ, mà làn sóng

nước mặn mỗi lần tạt vào đá ven bờ thì cứ gửi lại một ít muối như để gắn bó mặn nồng thêm cái tình sông bến, nhà thương chính trông như một cái trại của một đồn-điền mới lập nào, chung quanh chủ-nhân trồng những dừa là dừa.

Ở đấy, thường cứ đi về mỗi ngày hai buổi viên thư ký Nguyễn-văn-Toản, người nguyên quán ở tỉnh Thanh, mà ông bà từ ba đời nay đã dời vào Thừa-thiên, lập nghiệp tại làng Thanh-thủy. Ấy là một người hiền lành, thùy mị, mặc dầu con nhà võ quan (ông thân thuở trước đã làm suất đội dưới triều vua Đồng-Khánh) mà sức hán-học cũng uyên thâm. Là người theo đạo Gia-Tô rất chín chắn, ông Nguyễn ngoài giờ làm việc ở sở, chỉ biết đọc những thánh kinh bằng chữ La-tinh, vui thú gia đình, chăm dạy dỗ người con trai lớn, Nguyễn bá-Nhân và hai người con gái Như-Nghĩa và Như-Lễ. Ông đang đợi một người thứ tư, thì ngày 22 Septembre bà ở cữ được một đứa bé trai.

Cách vài tuần trước ngày bà nằm nơi, nhà đoan có bắt được mấy đám rượu lậu to nên trong nhà ông Nguyễn-văn-Toản phải cất tạm không biết bao là vò thứ rượu hảo hạn ấy nữa. Cả nhà từ chủ-nhân cho đến đầy tớ,

tha hồ múc uống, uống lấy vui, uống để mà cười.

Bà Nguyễn-thị-Duy vì thế mà cũng say sưa lướt khướt. Đến ngày 22 Septembre bà ở cữ. Bà mụ bảo là bà sinh thiếu tháng. Bà cũng tin và hối hận vì mình đã uống rượu. Dẫu sao, đứa bé đẻ ra chỉ bằng con nhái chàng, nằm lỗng lẽo trong lòng bàn tay một người lớn. Hình thù nó khó trông đến nỗi làm cho ai nấy cũng phải kinh dị, và lo sợ không thể nuôi sống nổi.

Tôi nhớ lại, nhà văn sĩ Pháp Marcel Proust cũng sinh trong một trường hợp tương-tự. Ở Ba-Lê thuở bấy giờ đương có loạn, gọi là loạn Công-Xã (La Commune de Paris), bác sĩ Adrien Proust ở bệnh-viện về nhà thì giữa đường phải tên phản-nghịch bắn cho một phát súng. Proust phu nhân, đang có thai, kinh-hoảng đến chết giả đi nhiều lần, và đứa con tức là Marcel Proust mà bà sinh liền sau đó, có lẽ cũng sinh thiếu tháng nữa — ốm yếu nhỏ nhoi đến nỗi chính cha nó cũng lo không sống được.

Vì các anh chị đã lấy những tên Nhân, Nghĩa, Lễ, lẽ tất nhiên con cụ Toản cũng có cái tên sẵn sàng rồi: Trí, Nguyễn-Trọng-Trí.

Nhưng mà rồi cu cậu cũng lớn, nhọc nhằn mà lớn, cằn cỗi như cây cảnh trong những chậu sứ thường trang hoàng trước nhà ông Phán Toản.

Cuộc trực-tiếp đầu tiên của cậu bé với đời, với non sông đất nước, là sự chiêm-ngưởng trước núi Đâu-Mâu đâm cao ngất lên trời, cái ngọn núi hùng-tráng nguy nga với những mầu sắc luôn luôn thay đồi, hay trước sông Nhật-Lệ mà cơn thủy-triều lên xuống lúc hoàng hôn cũng đủ khơi động một tấm lòng ưa cô-tịch. Lũy-Thầy với lịch-sử vẻ vang siêu-việt của nó, Bầu-Tró với những chuyện yêu ma rùng rợn mà đến cả người kẻ lớn cũng thường kể lại với một vẻ sợ hãi không che dấu, ảnh hưởng ngay vào óc não yếu đuối của người con nít tí-hon.

Lại còn biển nữa. Biển, cái bí-mật muôn đời của Tạo-hóa ấy, cái quang cảnh cực-kỳ biến thay, luôn luôn nhắc nhở cho người ta cái nguồn sinh-lực tuyệt-đích của nó, biển mà ngày nào chàng cũng ra thăm và hình như đã ký kết với chàng một mối tình thân mật!

Một điều ngộ nghĩnh đáng nhận xét trong đời Nguyễn-Trọng-Trí, là chàng có một duy

nghiệp huyền-bí đối với biển, sinh ở biển, đã là con một viên công-chức thương-chính, đời trẻ trung của chàng tất nhiên phải ở các cửa bể, mà rồi chàng cũng sẽ chết trên bờ bể, nằm ngủ cái giấc ngàn năm trong khi luôn luôn tiếng sóng bể, để ru chàng, vẫn ca bài trường-hận ca muôn đời không dứt.

Dù thế nào mặc lòng, những cuộc suy-nghiệm một mình trước những cảnh tượng của trời đất như trong trường hợp chúng ta vừa thấy, vẫn có cái mãnh lực làm mòn lớp da đã quá mỏng của một tâm-hồn không được khỏe mạnh, xui cho nó dễ đâm ra mơ mộng vẩn vơ. Cái mầm thi-sĩ đã gieo từ đấy.

Thời gian qua. Ông Nguyễn-văn-Toản thi đỗ tham-tá, rồi đổi đi Sa-kỳ, đi Bồng-sơn, đi Qui-nhơn rồi lại đổi về Sa-kỳ, nghĩa là ở toàn những cửa biển là những cửa biển.

THO'
DUONG LUAT

Lần đầu tiên Nguyễn-Trọng-Trí cắp sách đến trường là tại Quảng-ngãi. Được ít năm, thân-phụ chàng bị bệnh ra điều dưỡng tại nhà thương Huế rồi mất ở đấy vào ngày 2 Juillet 1926. Việc tang tóc xong xuôi, bà Nguyễn-văn-Toản dời nhà vào Qui-nhơn ở cùng con trai lớn là ông Nguyễn-bá-Nhân làm việc ở đây, cùng các con gái cũng đều lấy chồng ở đây cả.

Thuở ấy, Nguyễn-Trọng-Trí bắt đầu bắt chước anh, làm thơ Đường luật ; hai anh em cùng nhau xướng họa không phải là không tương-đắc. Nguyễn-Trọng-Trí tỏ ngay là người có khiếu thi-văn, mặc dầu tuổi còn trẻ, mà lời thơ đã xuất sắc hơn anh nhiều.

Chúng ta hãy xem thử hai bài xướng họa của anh em nhà họ Nguyễn, làm vào thuở Nguyễn-Trọng-Trí mới mười lăm và lấy biệt-hiệu là Minh-Duệ-Thị. Ông Mộng-Châu (Nguyễn-bá-Nhân) xướng bài :

Nhạn ơi ! tung cánh giữa mưa mây
Khéo khéo đừng rơi gói buộc giây.
Cái gánh tình si ai gửi đó,
Là lời tâm sự nhạn đưa ngay.
Đưa người tháng trước hòa thơ tiễn.
Đến bến ngày xưa mấy tiệc bày,
Hỏi nhớ cũng không người bốn mắt,
Bể dâu chưa thấy, thấy gì đây ?

Người bốn mắt là tác-giả tự chỉ mình, vì ông ấy cận-thị, thường phải mang kính luôn. Nguyễn-Trọng-Trí họa lại. Ta sẽ thấy bài họa lưu-loát êm-đềm và có mạch-lạc hơn biết bao nhiêu :

Vội vàng chi lắm nhạn lưng mây
Chầm chậm cho mình gửi mối giây.
Về đến Thần-kinh khoan nghĩ đã,
Ghé miền Gia-hội tỏ tình ngay.
Suốt năm canh mộng hồn mê mỏi,
Chỉ một lòng son muốn giãi bày,
Này nhạn ! Ta còn quên chút nữa :
Con tim non nớt tặng nàng đây !

Nhưng mà không lẽ cứ để cho cái ông

thi-sĩ vị thành-niên ấy ngâm vịnh suốt ngày, hay là cứ đọc truyện Đông-châu liệt-quốc cùng là thơ của Tú-Xương và Tản-Đà, mẹ chàng không nại tốn hao, gửi ngay con ra Huế, cho vào học truờng Nhà-Dòng Pellerin.

Nhưng than ôi ! bà sương-phụ hiền lành ấy đã tính sai mất rồi ! Bà cũng đã có cái khôn của người mẹ ông Mạnh-Kha đấy ; nhưng bà lại rủi ro hơn. Ví thử bà Mạnh-mẫu có cái mỹ ý tránh cho con những sự bắt chước xấu xa đê-tiện, đã muốn « trạch lân xử » cho ông Mạnh-Tử, mà lại vô tình lựa phải một chỗ chợ búa cướp bóc mà ở, thì còn biết nói làm sao ?

. Muốn cho con khỏi chứng ngâm vịnh vẩn vơ, bà sương phụ Nguyễn-văn-Toản lại gửi con một mình ra ở Thần-kinh, cái thành Capoue Việt-nam đã đắm chìm biết bao là sinh-lực, biết bao là sự nghiệp trong cái mơ mộng êm ái muôn đời kia, thì chỉ tổ đổ thêm dầu vào lửa đó mà thôi ! Tội nghiệp ! khi cái ông Minh-Duệ-Thị chút xíu kia mà khăn gói lên đường, rá đứng đầu ngõ, nhìn bóng con dần khuất với bóng chiếc xe hãng Hảo-hưng, trong sự lưng lẽo của cặp mắt người mẹ buổi chia ly, bà những mường tượng đến hồi tái hợp, con

bà thành thân, đi về với những mảnh bằng to tướng, rồi tệ lắm, cũng làm được một chức phận như chồng bà.

Công việc đầu tiên của Nguyễn-Trọng-Trí khi đến chỗ phồn hoa đô hội, một chợ người hỗn độn ô trọc ở ngay giữa những nước non cực kỳ thanh tú, là đổi cái biệt hiệu của mình cho hợp chỗ đất hơn. Từ nay, chàng tự gọi mình là Phong-Trần.

Phong-Trần lúc 18 tuổi, phong trần với cái hình hài nhỏ nhoi kia ! Dẫu sao, thói nào tật ấy, chàng lại càng ngày càng mơ mộng già hơn. Học hai ngày nghỉ một. Khi nào thấy làm một bài tính đố hơi khó thì chàng vứt cán viết, lên núi chơi, và ở mãi đấy đến hết ngày để trả thù cái lúc phải suy nghĩ vì mấy con số rắc rối.

Những lúc làm xong được bài thơ mà chàng thấy vừa ý, chàng gửi đi đăng báo. Những báo hay đăng thơ chàng thuở ấy phần nhiều là báo Phụ-Nữ-Tân-Văn, Saigon, và các phụ-trương văn-chương của những tờ nhật-báo.

Không bao lâu, thấy trong sự học ở lớp, theo cái chương trình đã định sẵn, không có hứng thú gì cả, chàng nhất quyết bỏ học,

về nhà, ai can ngăn gì cũng không nghe.

Thuở ấy, nền kinh-tế Đông-dương đang trải qua một cơn khủng - hoảng ghê gớm. Thương-mải ngưng trệ, bao nhiêu cơ-quan sinh lợi trong nước đều phải đình đốn. Một phần đông thanh niên đi học với cái hy vọng sẽ ra làm việc nhà nước, đều chán nản không còn gan theo đuổi sự học tập mà họ cho rằng một khi thành tài cũng là vô dụng ấy. Thế rồi, chỉ nói riêng ở kinh-đô Huế, giữa đám thanh-niên, tự nhiên nẩy ra một phong-trào là vào Saigon làm báo! Chắc rằng, Nguyễn-Trọng-Trí cũng bị ảnh-hưởng nhiều về cái chuyển động lực ấy.

Nguyễn-Trọng-Trí, mà bây giờ lại đổi biệt hiệu ra là Lệ Thanh, giật ngay giải nhất trong một cuộc thi của một thi xã tổ chức.

Nào ai có thể ngờ rằng một người con nít ngây thơ mà đã có cái dọng tha-thiết ê-chề trong ấy phảng phất một thứ tình man mác, u uẩn và nhẹ nhàng, hư-hư thực thực, các bậc danh-thi đời xưa mà đến được cái chỗ thiện-mỹ tài tình ấy là cùng, không thể kể là hơn được.

Những câu như câu :

Thức ròng rã nguyệt sàn còn lạnh,
Ngủ mệt mê trời cảnh đã say...

thì không thể « Thanh-Quan » hay « Tản-Đà » hơn nữa.

Bài sau đây, trích trong quyền Một-Tấm Lòng của Ông Quách-Tấn là một trong những bài hay nhất của Hàn-mạc-Tử khi xướng họa với họ Quách :

Chẳng hẹn hò sao gặp gỡ đây?
Người thời như tỉnh kẻ như say.
Trong veo làn nước soi đôi mắt,
Xa tít quê nhà trỏ một tay.
Tâm sự mới trao bờ đã đến
Nỗi niềm chưa cạn khách về ngay.
Ba sinh duyên nợ âu là thế,
Một chuyến đò đưa nghĩa một ngày.

Chuyến đò ngang MỘT TẤM LÒNG

Về sau, sau khi đã chuyển sang làng thơ mới, Ngnyễn-trọng-Trí cũng không phụ với nàng Ly-Tao xưa. Thỉnh thoảng chàng nhận được bài thơ nào của ông Quách-Tấn gửi cho, Hàn họa lại ngay, và hình như cũng lấy làm sung sướng mà trở thăm làng cũ, dóng lại cái giây tơ từ lâu treo mãi không dùng.

Tết năm Mậu dần (1938) chàng làm bài thơ khai bút theo thể Đường luật: «Bút thần khai»

Lối thơ Đường luật của Nguyễn-Trọng-Trí thường có một giọng trầm-hùng bi-đát

rất kỵ đối với lối đoán số tướng theo khẩu khí của các bậc tiền nho.

Vẫn biết rằng đấy là một lối phỏng đoán hàm hồ, song ta không thể nhận thấy mà không kinh-dị rằng ở trong ấy vẫn có phần xác-đáng:

Ấp úng không ra được nửa lời
Tình thu tha thiết lắm, thu ơi!
Vội vàng chiếc nhạn bay qua trớt,
Buồn bã hơi may thoảng lại rồi...
Nằm gắng đã không thành mộng được,
Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi.
Ngàu tầm bóng liễu trông xanh ngắt.
Cảnh sắp về đông, mắt sẽ vơi.

(Buồn-thu)

Đọc bài này ta có thể lầm lẫn với một bài thơ nào của Nguyễn-Khắc-Hiếu. Cũng một hơi lưu loát ấy, cũng một giọng lâm ly ấy, nó gợi một thứ buồn man mác, dịu dàng, như buổi chiều có gió heo may nhẹ lùa cánh hoa bèo trên làn nước phẳng.

Đoán làm sao về thân thế của một người mà ngay khi tuổi mới mười tám đôi mươi, đã viết nên những câu như thế...

Một tiếng đàn của Thúy-Kiều cũng đủ làm cực một đời nàng.

DO'I LAM BAO

Lệ-Thanh được nồi danh ngay, trong địa hạt Nam-kỳ.

Vào khoảng 1934-1935, sau khi đã trải qua nhiều nghề, thư ký nhà buôn, trắc-lượng sở địa chính, chàng được báo Saigon là một trong những tờ có số xuất bản nhiều nhất thuở bấy giờ, giao cho phần chủ-trương trang văn-chương. Sau, chàng lại qua chủ-trương tờ Công-Luận Văn-chương, và đồng thời viết giúp những báo Trong-Khuê-Phòng và Tân-Thời.

Lúc ấy, Nguyễn-Trọng-Trí lại đổi biệt hiệu một lần nữa, mà ký tên là Hàn-Mạc-Tử. Hàn-Mạc-Tử là cái tên sau cùng của nhà thi-sĩ đã lựa lấy, cái tên sẽ thành bất

tử trong thi giới.

Ở Saigon, chàng thuê chung với ba bốn anh em một gian nhà ở đường Espagne. Nhà có gác cao, nhưng bẩn thỉu, tồi tàn quá. Riêng về mỗi một gian số 107, tầng dưới là hiệu may của một ông người Huế, gia đình và thầy thợ của ông. Trên gác cả thảy là bốn chủ: Một ông người Bắc làm tài xế, nguyên lính tùng chinh trận giặc trước, nên mỗi khi nói chuyện là ông cứ trương mãi ra cái mớ sở đắc bằng tiếng Pháp lượm ở các vỉa hè một thành phố nhỏ nào mà ông đã đóng binh ở bên Pháp ấy. Những lúc ông nói chuyện là những lúc ông vừa nằm giữa sàn ván vừa tiêm thuốc phiện hút. Ông hút cả đêm, thành thử ông nói chuyện cả đêm. Chủ thứ hai là một mụ đàn-bà người Quảng-nam, làm bồi cho Tây, cứ mỗi tối về đấy, ngủ trên một chiếc ghế bố, và cứ mớ mãi cái câu: « Cho tôi *mựn* cổ súng *séo bén, bén*! ». Thứ ba là một người đàn bà Sai-gon người ta thường gọi là « chị Năm–Lô », vì sinh về thứ năm, và là vợ một người lính mạch-lô, thuở ấy đang đi trên một chiếc tàu nào chạy trên một đường bể nào. Thứ tư là bọn Nguyễn-trọng-Trí và các bạn chàng.

Thường thường thì chúng cả thảy là bốn

người, nhưng có khi đông hơn. Chúng không mua nồi ghế bố, cũng không có chiếu, nên đêm đêm cứ quét sạch sàng ván, trải nhật trình cũ ra, ngay chỗ cạnh ngoài đường, ngó ra hàng giây điện và những cây me thiên cổ mà thân thể sù sì nức nở, làm cho người ta tưởng-tượng đến những con thằn lằn da tự nhuộm cùng một sắc với cây.

Chúng cho rằng ở như thế mới nên thơ, và lấy làm tự-mãn về cuộc sống của mình. Khi nào chúng muốn viết văn hay làm thơ, chúng cứ việc nằm sấp lại và nhờ ở ánh sáng của một ngọn đèn đường cách đấy ba cây me. Như thế kể cũng tiện. Đời xưa ông cha chúng ta vẫn nằm mà viết và có khi chỉ nhờ đến lửa đôm đốm. Nhiều khi đang ngủ lại có chuột ra gặm móng tay móng chân cho khỏi phải lo không có dao cắt. Thật đã không thiếu một chi-tiết nào để làm say mê một người giang-hồ lãng mạn.

Kể là một bọn làm báo, nhưng kỳ-thực chỉ có một mình Hàn-Mạc-Tử là có chỗ làm rồi, còn ra thì là những người đang đợi việc, hay cũng cứ tin thế đi để nuốt hột cơm của bạn cho nó trôi, chứ suốt đời họ cũng không làm cho một báo nào. Dẫu sao, bấy giờ thì họ là những vị. vũ chi giao long đã,

và trong tư-cách ấy, họ có quyền ăn bám bạn mà không thẹn. Bát cơm phiếu-mẫu, ngày sau có thể lấy nghìn vàng mà trả lại. Cái gác gian nhà số 107 đường Espagne, hay nói cho đúng, cái phần tám của gác ấy có thể gọi là chỗ tạm dừng chân, chỗ trường đình của một nhóm thanh-niên có quen biết ít nhiều với Hàn-Mạc-Tử vào Saigon kiếm việc.

Mà chàng thì dễ dãi quá, ai cũng làm thân được, ai cũng lợi dụng được, và đối với ai, chàng cũng chiều chuộng như phải chịu ơn họ. Một người đã cùng sống với Hàn-Mạc-Tử trong cuộc đời chia sẻ ấy, đã hạ bút viết một câu như thế này : « Đời của Trí có thể toát-yếu lại trong hai đặc-điểm : bẫn vô thiên số, và không bao giờ mất lòng anh em. »

Thật quả như vậy, Hàn - Mạc - Tử có một quan-niệm rất cổ quái về sự giữ phép vệ-sinh. Ấy là một kẻ mà quần áo mặc trót tháng không thay, và thân hình thì suốt năm không hề tắm gội. Con người hình vóc gầy ốm, nhỏ bé ấy thường hay đội chiếc mũ lát kiểu « ca-nô-chê » mà vận một chiếc sơ mi dài tay, rộng thênh thang vì không thể nào bỏ gọn được vào quần. Quần thì chàng hay

dùng thứ giải treo để buộc, trông như một « xếnh xáng » khách-trú. Cả áo cả quần đều đầy cáu ghét và vết nhăn. Cứ thế mà chàng đi lang thang khắp phố Saigon, không trông ngó ai, và chỉ ngâm độc thơ của mình.

Một hôm, các bạn chàng dò ra rằng chiều hôm ấy Nguyễn-Trọng-Trí sẽ được lĩnh số tiền lương nửa tháng, chúng rủ nhau chực sẵn, lúc năm giờ chiều, trước cửa tòa soạn, định chàng ra là bắt cóc ngay dẫn đi Chợ-Lớn ăn chơi một bữa cho ngả-nguê. Chúng đi bách bộ trước hàng me. Sáu giờ, sáu rưỡi, bẩy giờ, không thấy bóng dạng Hàn-Mạc-Tử đâu cả. Chúng đành về nhà ngồi đợi. Chúng nóng cả ruột khi nghĩ đến những cuộc vui dự ước. Mải khuya, cũng vẫn chưa thấy bóng Hàn đâu. Cả ngày mai cũng thế, vì hôm ấy chủ nhật.

Mãi đến sáng ngày kia, mới thấy chàng lò mò về, trông có vẻ sợ sệt như một tên tội-nhân đến trước tòa án. Các bạn chàng không nén được cơn giận nữa.

Chúng cố tạo ra một nét mặt thật lạnh lùng, hỏi :

— Số tiền nhà báo nó đã trả cho mày rồi chứ ?

— Trả rồi !

— Thế mà mày đi đâu và làm gì bây giờ mới về ?

Thế là Hàn phải thú thật rằng bọn ở tòa-soạn đã kéo chàng đi Chợ-Lớn hồi bốn giờ chiều hôm thứ bảy kia và trong số bạc 20$ của nhà báo trả, riêng phần chàng chỉ tiêu vào thân xác được có không đầy hai đồng. Thì ra cái bọn ở Tòa-soạn, chúng nó biết cái tính của « thằng-Trí » nên đã đi nước trước, qua mặt mấy ông bạn quí ở nhà rồi.

Cũng vì tính ấy mà không khi nào Nguyễn-Trọng-Trí trả xong đến cả những món nợ vặt. Càng ngày, tiền nhà và tiền thợ giặt càng lên to, con nợ trở nên gắt gao dữ tợn, các bạn chàng kiếm đường mỗi người đi một ngả, để lại một mình Nguyễn-Trọng-Trí. Người thợ ủi đành giữ luôn hai cái quần chàng đưa giặt, thêm cái mũ ca-nô-chê, và chủ nhà lấy cái va-ly.

Gia-đình Hàn-Mạc-Tử ngày nay còn kể lại với một vẻ hết sức ngao ngán chuyện người con trai phá của ấy, ra đi ăn làm lúc quá nửa năm với chiếc va ly đầy quần áo, mà đến khi tiếng pháo giao thừa nổ vang bên hàng xóm, lững thững về gõ cửa nhà với hai tay không cùng chiếc đầu không mũ, như một

cái bóng ma hiện. Và bà sương phụ, mẹ chàng, âu yếm hỏi :

— Hành lý con đâu cả ?

— Con gửi lại Saigon. Con về ít hôm thăm mẹ và ăn Tết, rồi đi ngay.

Chàng ở lại ăn Tết suốt một năm; và hành lý gửi đâu vẫn không thấy đòi về.

GAI QUE

Năm 1932, bài « văn xuôi có vần » *Tình Xưa* của Phan-Khôi tiên-sinh vứt ra giữa làng thơ, tác giả có ngờ đâu nó dội to như một tiếng sét làm điếc tai long óc đám thanh-niên thi-sĩ. Hai chữ « Thơ Mới » ra đời. Nhà thi-sĩ bất-tử Tản-Đà có nổi giận la lớn rằng đó không có gì mới cả, và môn-đệ của tác giả « Giấc Mộng Con » dù có theo thầy mà hằn học, nổi lên phản đối, đem những thơ cổ-phong từ khúc của thầy ra làm tỉ-dụ, cũng vô ích mà thôi. Thanh-niên đã quá chán nản với cái rọ Đường-Thi. Họ muốn rộng, họ khát cao. Họ thấy rằng thể « Thơ Mới » là cái bửu bối có thể đánh đổ hòn Ngũ-đài-sơn nó đang đè chụp lấy Thơ, — cái anh chàng Tôn-Ngộ-Không

ấy, mà không cho anh ta « tề thiên » !

Sự thành công rực rỡ của Thế-Lữ càng làm cho thanh niên say sưa lắm. Kế đến, Phạm-huy-Thông, Đỗ-huy-Nhiệm, Nguyễn-xuân-Huy, Nguyễn-văn-Kiện, Vũ-đình-Liên, Nguyễn-Vỹ, Thao-Thao, Lan-Sơn, Thái-A, B. Blan, chen nhau mà nhảy lên thi-đàn mới. Ở Trung-kỳ thì có Lưu-trọng-Lư, Thái-Can, Thanh-Tịnh... Bích-Khê cũng từ giã vườn thơ của Tiếng-Dân, trở về thu mình như một con rắn thay vỏ tại Thu-Xà (Quảng-ngãi) để chiêm nghiệm một lối thơ thuần túy.

Ở tận góc trời Nam, ông Lâm-tấn-Phác, không cưỡng nổi với phong-trào mới, cũng đành bỏ hồ, bỏ động của mình mà về nhập ngũ vào đạo binh cách-mệnh.

Vào thuở ấy, nhà thơ Đường Luật Lệ-Thanh (Hàn-Mạc-Tử) đang chủ-trương những tờ báo văn-học ở Saigon. Lẽ cố nhiên, tâm hồn rào rạt của chàng hứng đón ngọn gió mới với một sức bồng bột mãnh-liệt.

Quyển « Bâng-Khuâng » của Phan-văn-Dật, với cái nhạc-điệu nhẹ nhàng và cái thuần túy rất Việt-nam của nó, được Hàn-Mạc-Tử thích ưa và đã giúp nhiều cho việc chuyển gấp chàng từ địa hạt thơ cũ qua thơ mới.

GÁI QUÊ, xuất bản năm 1936 là quyển

sách đầu tiên đánh dấu cuộc thay đổi về quan-niệm thơ của Hàn-Mạc-Tử.

Cũng như « Bâng-Khuâng » của Phan-văn-Dật, GÁI QUÊ của Hàn-Mạc-Tử như khoảng vườn trùm trong một bầu sương lam nhạt, chứa một nhạc-điệu mơ màng mà lối ngũ-ngôn cổ-phong còn lưu chưa dứt thoát.

Nếu ta đem so sánh những bài như « Tiễn-Đưa » hay « Bi-Xuân-Nương » ở Bâng-Khuâng với những bài như « Tình-quê » hoặc « Lòng-Quê » ở GÁI QUÊ chẳng hạn, ta sẽ thấy lời thơ của hai bài cùng ngân lên theo một nhịp, chữ thơ rất luyện, rất nhẹ nhàng, và lột được cả tinh-thần Đông-phương, vì toàn là những chữ kiểu.

Đọc những bài ấy, người ta có cái cảm-giác sống một đời xưa cổ an nhàn, một đời mà theo lời của ông Hoài-Thanh « trời đất còn mênh mông hơn bây giờ, mà mỗi lần người ta đi xa về là hàng xóm leo tường xem mặt và đốt đuốc nói chuyện thâu đêm ».

Đây là một thí-dụ : bài « Tình quê », bài thơ chỉ có độc một vần :

Trước sân anh thơ thẩn,
Đăm đăm trông nhạn về.
Mây chiều còn phiêu bạt.
Lang thang trên đồi quê ;

Gió chiều quên ngừng lại ;
Giòng nước luôn trôi đi...
Ngàn lau không tiếng nói ;
Lòng anh dường đê mê.
Cách nhau ngàn vạn dặm,
Nhớ chi đến trăng thề ?
Dầu ai không mong đợi,
Dầu ai không lóng nghe
Tiếng buồn trong sương đục,
Tiếng hờn trong lũy tre,
Dưới trời thu man mác
Bàng bạc khắp sơn khê.
Dầu ai trên bờ liễu,
Dầu ai dưới cành lê...
Với ngày xanh hờ hững
Cố quên tình phu-thê,
Trong khi nhìn mây nước.
Lòng xuân cũng não nề.

Một hạng thiếu-niên thi-sĩ đời bây giờ có thể cho lối dùng chữ ấy là sáo. Chính Hàn-Mạc-Tử cũng biết thế, nên về sau để trả lời cho lối dùng thể thơ theo kiểu thơ của Xuân-Diệu, Hàn viết : « Vẫn biết nghệ-thuật chuộng ở sự tiến-bộ, ở sự hoàn toàn từ tinh-thần đến hình-thức của một bài thơ. Song le, ta không nên quên rằng thơ ta là thơ quốc-âm, ta phải giữ cái tinh-thần Annam của ta, hơn nữa, cái

tinh-thần Đông-phương mà sự rung cảm tâm hồn người ta là nhờ ở cái đẹp kín đáo, cái tình sâu sắc, cái buồn thấm thía... Vì thế, cho nên những sáo-ngữ : trăng, hoa, tuyết, gió, hay là những danh-từ đầy đưa trong khi hành văn (những danh-từ rất thường dùng) đều là những luận-đề bất-tử cả. Mất những danh-từ ấy, những sáo ngữ ấy, nghĩa là mất hết tinh-thần Đông-phương rồi, mất cái điện lực, cái gân chuyền tình-cảm vào người.»

Hàn-Mạc-Tử phê bình nghệ-thuật của Xuân-Diệu như thế này :

« Bao giờ Xuân-Diệu cũng ưa lập dị với những thi liệu của Tây-phương, cốt làm cho bài thơ mình có cái dáng dấp một sự duy-tân. Nhưng cuộc duy-tân ấy thất bại ngay, vì không hợp với lòng đâu, nghĩa là không cảm được người ta vậy. Phải để cho bài thơ cái cốt cách nguyên vẹn từ xưa, cái cốt cách cố hữu của nó, mới nổi cái giá trị của nó lên. Kết luận, không thể lập dị trong những sự dùng chữ kiểu cách, những « tournures » lạ kỳ để làm cho bài thơ thoát sáo, vì thoát sáo theo kiểu ấy, bài thơ sẽ mất sức rung-cảm, — kém hay.»

Tuy là nói vậy, để bênh vực cho một lối thơ mà chính mình đã làm, chứ về sau

Hàn-Mạc-Tử lại còn đi xa hơn Xuân-Diệu nữa, còn táo bạo, còn lập dị hơn nhiều, chàng sẽ lạc vào rừng tượng-trưng và siêu-thực-hiện, nó sẽ làm cho người theo chàng phải đứng chững hững ở ngoài, ngơ ngác không biết ra sao nữa hết.

Sự rung cảm ở GÁI QUÊ là một thứ rung cảm dịu dàng, chất phác của một tâm-hồn chưa muốn thoát khỏi lũy tre xanh và hình ảnh của một cô gái quê hiền lành.

Đây mới là thứ tình kín đáo của người con trai mới lớn lên, đương còn ngượng ngùng về niềm ân ái, ôm một thứ tình trong sạch thiêng liêng, hồn nhiên và ngây dại, nghe qua tội nghiệp và «dễ thương» quá:

Từ gió xuân đi, gió hạ về,
Anh thường gởi gắm mối tình quê.
Bên em mỗi lúc trên đường cái
Hóng mát cho lòng được thỏa thuê!

Em có ngờ đâu trong những đêm
Trăng ngà giãi bóng, mặt hồ êm,
Anh đi thơ thẩn như ngây dại,
Hứng lấy hương nồng trong áo em...

Bên khóm thùy dương em thướt tha,
Bên này bờ liễu anh trông qua,
Say mơ vướng phải mùi hương ướp,
Yêu cái môi hường chẳng nói ra...

Độ ấy xuân về em lớn lên,
Thấy anh em đã biết làm duyên,
Nhưng thời-gian vẫn trôi đi mãi,
Yêu dấu lòng anh ôm hận riêng.

«ÂM THẦM»

Bao nhiêu hình ảnh trong GÁI QUÊ đều là những hình ảnh mơ mộng, êm ái như những sợi tơ trời về mùa thu bay lưởng vưởng giữa đồng không bát ngát, và người con trai trong tập thơ làm những cử chỉ tưởng-tượng nhiều hơn thiết-thực, những cử chỉ tình thật chưa từng làm và không bao giờ làm. Có người con trai nào lớn lên mà không qua một thời kỳ lãng mạn? Có cái văn-chương nào phát triển mà khỏi cái thời-đại huyền ảo ấy?

Đến đây, ta đã nhận thấy được cái nhạc-điệu du dương uyển-chuyển, lời thơ êm ái tự-nhiên, nó chứng tỏ ở thi-sĩ một thiên tài đầy hứa hẹn, đủ tất cả điều-kiện để đi xa, để vượt lên cao. Thi sĩ đã tìm được con đường chính đáng cho mình. Bây giờ thì cứ mạnh dạn mà bước.

Một đôi khi con rồng con ấy, trong những cái cựa mình và tập vỗ cánh, đã trổ ra một vài ngọn phi-thường, khiến cho người ta phải kinh dị, và báo tin trước những kỳ công rực

rõ sau này, những cuộc bay lừng lẫy để chiếm cứ những cõi trời xa lạ. Cái mùi hương ở ĐAU-THƯƠNG và XUÂN-NHƯ-Ý đã phảng phất ở đây rồi. Và đọc một bài như bài « Bẽn Lẽn » của GÁI QUÊ rồi, thì về sau ta cũng không lạ gì mà được có những viên ngọc vô ngần quí giá như « Dalat trăng mờ », « Huyền ảo », hay « Đây Thôn Vỹ-Giạ ». Chỉ trong 12 câu đã kết tinh lại biết bao rung cảm say sưa mà nhất là biết bao ảo-thuật quái dị. Mỗi chữ ở trong đây đều có một linh hồn, mỗi chữ là một nguồn « hoạt-động-lực » nó bắt tay nhau mà nhảy lên một bản khiêu-vũ thần-tiên.

Trăng nằm sóng soải trên cành liễu,
Đợi gió đông về để lả lơi.
Hoa lá ngây tình không muốn động,
Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi !
Trong khóm vi-lau rào rạt mãi,
Tiếng lòng ai nói sao im đi ?
Ô kìa ! bóng nguyệt trần truồng tắm,
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe...
Vô tình để gió hôn trên má,
Bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm,
Em sợ lang quân em biết được,
Nghi ngờ đến cái tiết trinh em.

CHƯNG "NAN-Y"

Vào cuối năm 1936, Hàn-Mạc-Tử đi Huế chơi rồi trở về Qui-nhơn để đi Dalat, Nha-trang và Phan-thiết. Chàng sắp sửa lại đi Saigon để tiếp tục công việc chủ trương một tờ báo văn chương thì bỗng nhiên chàng bắt đầu thấy dấu hiệu của chứng bệnh ghê gớm.

Làm sao diễn tả nổi cái tâm-trạng của một người, khi họ biết mình phải mang lấy một trong bốn chứng mà tự cổ chí kim, ai cũng đều công nhận là « nan y »? Làm sao thấu hết nỗi khủng khiếp khi một người tự biết mình mắc phải bệnh hủi?

Đến như thế này, tưởng cũng không cần phải xét đến nguyên-nhân của bệnh nữa. Trong gia đình, bên nội và bên ngoại trở lên

mấy mươi đời, không có một người nào bị chứng bệnh ấy. Người nhà Hàn-Mạc-Tử thì tin theo một cổ-thuyết của ta, cho là vì thuở nhà thi-sĩ còn làm sở Đạc-điền (1932-1933) thường hay đi ở các làng mạc vùng quê, có khi đi qua những bãi tha ma trong buổi mưa giông mà mắc bệnh.

Nhưng chàng thì tuyệt nhiên không đả động đến vấn-đề tìm xét nguyên-nhân ấy. Ích chi ? Thực tế nằm ỳ ra đấy. Nó ghê gớm quá. Nó oan ức quá để mình không còn trí-não mà đi kiếm những trách nhiệm vu vơ.

Hình như lúc ấy có một thứ quay quắt, xót xa, một thứ tiếc rẻ về cái đời của mình, một thứ oán-hận không cùng đối với Số-mệnh, một thứ quằn quại vì như có một ngọn lửa nào đốt cháy tâm can.

Hình như lúc ấy có một thứ rùng rợn nó làm cho mình ớn lạnh, một thứ hoảng hốt tuyệt vọng, như thấy ở mắt con nai rừng, khi chạy cùng đường, ngó quanh mình chỉ thấy toàn là lòng súng và răng chó.

Đây chưa là đau khổ. Đây mới là một mối ngạc nhiên, một mối bán tín bán nghi, một sự kiểm soát lại thực-hiện. Bệnh-nhân hỏi trời, hỏi đất, tự hỏi lấy mình, và sờ soạng chung quanh mình thử xem những vật thường ngày

có còn là dày-đặc, còn có góc cạnh như thường không.

Cơn loạn lạc ghê gớm nhất của một tâm hồn chính là do lúc ấy.

Khi biết mình chắc chắn đã mắc bệnh phung rồi, Hàn-Mạc-Tử liền bỏ nhà, đi thuê một chòi tranh ở Gò-Bồi (cách Qui-nhơn 15 cây số).

Chàng bắt đầu tuyệt giao với các bạn bè. Chàng cấm người nhà loan truyền ra ngoài tin chàng thọ bệnh. Bao nhiêu thư từ gửi đến, đều không có một chữ của chàng đáp lại.

Một người bạn thân của Hàn, ông Trữờng-Xuân ở Nha-Trang, kể lại rằng :

« Những bức thư của tôi gửi ra cho Trí, đều không thấy trả lời, mà thư tôi cũng không thấy nhà bưu-chính trả lại... Ngót mấy tháng sau, vẫn không tin tức. Mải lối hạ tuần năm 1937, một người bạn gái ở Qui-nhơn vào Nha-Trang, ghé cho biết rằng Trí mắc chứng bệnh nan-y. Nghe tin ấy tôi dường như ở trong cơn ác mộng ! Nửa tin nửa ngờ, tôi viết thư theo địa chỉ mới biết, để hỏi thăm Trí xem thực hay hư. Với một bức thư đầy đau thương, Trí cho hay rằng cái tin của cô bạn không phải là ngoa. « Anh ơi ! Gần một năm nay,

muốn giấu anh, nên không viết thơ cho anh, lòng tôi hết sức đau khổ. Song thà chịu đau khổ còn hơn cho anh biết, khiến anh phải đau khổ vì tôi... Nay không thể giấu anh được nữa, đành phải nói thực cùng anh.»...»

Bệnh càng ngày càng nặng, tiến lên với sức nhanh chóng của con ngựa phi, của một bầy tằm ăn lá dâu, và cùng theo nhịp ấy, càng tăng sự hoảng hốt lo sợ của người bệnh.

Đã nhận-thức cái thiên-tài mang sẵn và cái sứ-mệnh chàng đã tự buộc cho mình, chàng nóng muốn được bình-phục ngay lập tức. Chàng săn sóc giữ gìn sức khỏe của mình, cũng chỉ vì chủ nghĩa ấy.

Cho nên không có thuốc gì người ta mách bảo mà chàng không uống. Không có cách kiêng-cử gì, dẫu khổ sở cực nhọc đến đâu, mà chàng không làm. Khắp vùng Bình-Định và nhiều khi xa hơn nữa, hễ nghe tiếng ông lang nào kha khá là chàng đến hỏi. Có khi mới uống thuốc của ông lang này được vài tuần, mà nghe mách ở chỗ khác có ông hay hơn, thế là chàng bỏ đi tìm ngay ông ấy cho kỳ được. Vì sự áy náy ấy, đã nhiều phen, Hàn-Mạc-Tử phải phạm thuốc đến hành hạ thân xác một cách thảm thê. Lắm bận, chàng mờ hẳn cả hai mắt trong năm bảy hôm như thế. Cũng có đôi ba lần chàng chết đi sống lại.

ANH-HUONG CUA BENH TRONG THI-VAN HAN-MAC-TU

Có nhiều tai nạn bất ngờ nó định đoạt được cả chí hướng, công cuộc và sự nghiệp của một đời người. Nếu một buổi mai tốt trời kia, đi qua một chiếc cầu sông cái, Blaise Pascal không suýt bị chiếc xe bò cán lên người, thì Cơ-Đốc-Giáo sẽ mất một người phụng sự đắc-lực, và nguồn văn-minh tư-tưởng của thế-giới sẽ thiệt thòi nhiều lắm. Lord Byron mà không có một cái chân què thì nền thi-ca nước Anh sẽ thiếu biết bao là nguồn cảm-hứng thuần túy cao-siêu?

Cũng như mấy cuộc gặp gỡ của thái-tử Tất-Đạt-Đa ở bốn cửa thành Ca-tì-la, đã định đoạt được cả cuộc đời đức Phật-Tổ và cả một nền văn-hóa Á-đông.

Ấy là mới nói về ảnh-hưởng của những sự tình cờ nho nhỏ đối với một đời người. Y-học Âu-tây còn đề xướng lên một thuyết-lý quan-trọng hơn nữa. Theo thuyết-lý ấy thì phần đông trong số vĩ-nhân hoàn cầu, sở dĩ làm nêu sự-nghiệp vì do ảnh hưởng ở những chứng bệnh của họ. Trong y giới Pháp, có nhiều vị bác sĩ chuyên môn tham-cứu về đời những bậc vĩ-nhân mà họ cho là chính đã mắc phải chứng bệnh thần-kinh, những người mà họ gọi là « Les Grands Névropathes ».

Lấy riêng về cái trường-hợp của thi-sĩ Hàn-Mạc Tử, thì ta phải nhận rằng thuyết ấy là đúng.

Nhưng mà cái tỉ dụ rõ rệt nhất hẳn là bệnh suyễn kinh-niên của nhà văn cận-đại Marcel Proust. Nhờ ở cái bệnh nó đóng đinh nhà văn suốt đời trên giường, Proust mới phát kiến ra thuyết « thời-gian » nó là một trong những tòa tư-tưởng lộng lẫy cao siêu của nhân loại.

Hàn-Mạc-Tử có mắc phải bệnh hoạn thì văn chương Việt-Nam mới thấy mở ra những cõi trời lạ lùng mới mẻ.

Khi bắt đầu thấy triệu-chứng của bệnh ghê gớm ấy, chàng phát điên lên thực ; song dần

dần làm quen với sự đau khổ, chàng cũng không đến nỗi tuyệt-vọng, vì chàng nhận thấy rằng sự náo loạn tâm hồn ấy chính là khởi-điểm của một nguồn cảm hứng mới, và đã thế cho chàng để đền bù lại cơn đau đớn, một nguồn cảm thụ lực vô cùng mãnh-liệt. Chàng viết :

« Tôi làm thơ ?

« Nghĩa là tôi yếu đuối quá. Tôi bị cám dỗ. Tôi phản lại tất cả những gì mà lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí-mật. Và cũng nghĩa là tôi mất trí, tôi phát điên.

« Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú. Có ai ngăn cản được tiếng lòng tôi ? »

Ở một chỗ khác, chàng cắt nghĩa sự phát-triển bồng bột mau chóng của nguồn cảm thụ-lực kia, và tự phê bình như thế này :

« Hàn-Mạc-Tử là một người điên vì bệnh hoạn. Trong thời-kỳ ấy, óc mở rất mau, các tế-bào trong não đều sinh sản thêm, dắc linh cảm người đến một vườn tư-tưởng cao-siêu lạ, và vì thế những bài thơ tân kỳ có dịp ra đời, nó ở ngoài mức trình độ hiểu biết của người thường, vì thế, người ta đọc thơ là không hiểu. Nhưng tại sao lại có sức phát-

triền bồng-bột ấy? Thì ra theo bà Annie Besant, tác-giả «La Vie Occulte de l'Homme» những bậc kỳ-tài về văn chương, mỹ-thuật, đạo-đức, đều lâm vào cơn thác loạn cả.»

Từ nay Hàn-Mạc-Tử đã có một nguồn thi-cảm mới, một nguồn thi cảm vô tận rút từ trong nguồn đau khổ vô tận của chàng. Thơ chàng náo lên với cơn máu bệnh. Trí chàng được nung nấu đến cái nhiệt-độ cuối cùng trước khi nổ tan ra hơi khói, đưa tư-tưởng chàng đến những biên thùy xa lạ, «đầy trinh-tiết và đầy thinh-sắc».

«Tôi làm thơ, chàng viết, nghĩa là tôi nhấn một cung đàn, bấm một đường tơ, rung rinh một làn ánh sáng. Anh sẽ thấy hơi đàn lả lướt theo hơi thở của hồn tôi, và chìu theo những sóng điện nóng ran trút xuống bởi năm đầu ngón tay uyển chuyển. Anh sẽ run theo khúc ngân nga của tơ đồng, sẽ để mặc cho giai-âm rền rĩ nuối không ngưng. Và anh sẽ cảm giác lạ, nhìn không chớp mắt một tia sáng xôn xao tại có vì sao vỡ. Những thứ ấy là âm-điệu thiêng liêng tạo ra trong khi máu cuồng rên vang dưới ngòi bút».

Cả thơ, cả bệnh, giậy lên một lần. Cơn bệnh hăng chừng nào, thì mạch thơ mạnh chừng nấy. Cho nên người ta không lấy làm

lạ mà nhận thấy trong văn thơ Hàn-Mạc-Tử những danh-từ, những từ-ngữ, những ý tứ về bệnh hủi. Trong tác phẩm của Hàn, người ta nhặt nhan nhản những chữ tê dại, sượng sần, da diết, đê-mê, chết điến, vô-tri...

Có nhiều câu rõ rệt lắm :

Người trăng ăn vận toàn trăng cả
Gò má *riêng thôi lại* **đỏ hườm**.

Say trăng — ĐAU-THƯƠNG

Tình đã **húp**, *sao ý vẫn còn* **sưng**
Sao giấy lại **tháo mồ hôi** *ra thế* ?

Bức thư xanh — XUÂN-NHƯ-Y

Thịt da *tôi* **sượng sần** *và* **tê điến**
Tôi đau vì rùng rợn *đến vô-biên.*

Hồn là ai — ĐAU-THƯƠNG

Và còn nhiều chỗ khác nữa.

Cũng bởi ở trong tình-trạng đặc biệt ấy, Hàn-Mạc-Tử mỗi lần làm thơ rất là khổ sở. Chàng khi nào cũng nằm mà làm thơ. Làm xong thì luồi đi, có khi chết giấc. Đến khi nào thấy đỡ, dậy được, chàng mới nhớ lại mà chép vào giấy. Chàng nói :

« Mỗi lần tôi làm được một bài thơ, là héo hắt đi một ít ở tâm-hồn, và xác thịt cũng hao mòn dần đi. Khi nào tôi òa lên khóc, hay gào thét như người điên, lúc bấy giờ tôi mới làm

thơ được.»

Ở một chỗ khác chàng lại nói :

« Tôi làm được một bài thơ là một sự khó nhọc cho linh hồn và xác thịt tôi lắm. Viết rồi một bài thơ, người tôi mệt lả đi, mặt tôi đỏ rực lên, hai mắt tròng trắng mất hết cả tinh-thần, và mấy đầu ngón tay thì tê dại đi, không cử động. Thế mà người ta cũng đành mua thơ tôi bằng tiền à?»

Đây là chàng nói khẩu-khí cho sướng miệng đấy thôi. Chứ về sau, chàng chạy vạy cho hết cái đời ngắn ngủi của mình, chàng cũng không tìm ra lấy một người chịu nhận không thơ chàng mà in nữa, chứ đừng nói chuyện mua bằng tiền. Còn như sự tê tái ngất ngư mà thi-sĩ cảm thấy mỗi lần thi-sĩ làm thơ, chính là một chứng bệnh của thi-sĩ, đấy toàn là sự thật, thi-sĩ không nói thêm chút nào.

Tôi đã có dịp nói chuyện với thi-sĩ đôi lần cả trước và sau ngày thi-sĩ lâm bệnh. Lần trước, vào cuối năm 1936, khi thi-sĩ mới cho ra quyển GÁI QUÊ. Hàn-Mạc-Tử ra Huế chơi, đến tìm tôi tại nhà tôi ở An-Cựu. Mặc dầu thuở ấy, chàng thất bại đã nhiều trên đường đời, đã từng đi nhiều nơi, sống nhiều nghề, chàng chỉ như một người học trò rụt rè nhút nhát

quá. Thêm vào đấy một thân hình nhỏ nhoi, ốm yếu, một giọng nói thủng thẳng như sợ làm ồn, thì ta đã có một hình dung đầy đủ về thi-sĩ, thuở chưa mang bệnh. Lẽ cố nhiên, lúc ấy chúng tôi đem chuyện thơ ra nói. Lắng nghe chàng đọc thơ của chàng, tôi có cảm tưởng nghe một cậu bé đọc chường một bài học ở nhà trường. Thơ dẫu hay, nhưng trong cách đọc thật không có chút gì nóng sốt, hăng hái, say đắm.

Cách ba năm sau, tôi lại gặp thi-sĩ. Lần này thì chính tôi đi tìm chàng tại Qui-nhơn. Chúng tôi lại nói chuyện thơ, nhất là lại nói về thơ chàng. Hàn-Mạc-Tử bây giờ thì khác hẳn ngày xưa, tôi không nói đến sự thay đổi về hình-thức vì bệnh hoạn, nhưng trước mắt tôi, tôi có đích thị một nhà thi-sĩ hoàn toàn kể từ kẽ tóc chân lông, một nhà thi sĩ mà sức rung cảm, mỗi khi nói đến thơ, làm cho khờ dại hẳn đi. Khi chàng đọc thơ, tôi có cảm-tưởng rùng rợn là không phải một người ấy nữa. Dung mạo chàng kém hẳn. Hình như đấy là dung mạo một người trúng phong.

Cảnh-tượng này khiến cho tôi nhớ đến một phim ảnh chiếu-bóng nhan đề là « Người khách lạ lùng » (L'Étrange Visiteur), chiếu ở Đông-Dương vào năm 1939 trong ấy, người

khách lạ lùng kia, cũng một anh chàng đau bệnh thần-kinh, mỗi khi nghe một bản đàn thì phát cuồng lên, và từ một người nhã-nhặn, hiền lành, bỗng trở nên một con quỷ-sứ. Ghê gớm nhất là khi trông thấy sự thay đổi sắc diện dần dần và rõ rệt ở trên mặt anh chàng.

Chính trong văn-thơ Hàn-Mạc-Tử, ta cũng thấy nhiều đoạn thi-sĩ nói đến sự tê tái ngất ngư mà chàng cảm-giác khi nguồn thi-hứng kéo đến. Chẳng hạn :

Tôi cảm động rưng rưng hai hàng lệ
Giòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ...

Thánh nữ đồng-trinh Maria
XUÂN-NHƯ-Y

Hay là :

Đương cầu xin ọc thơ ra dường sữa
Ta ngất đi trong khoái lạc hồn đau

Đêm xuân cầu nguyện — XUÂN-NHƯ-Y

Hoặc :

Ta cao ngâm, dọng vô cùng thanh thoát
Khiến châu thân rung động thề tơ trăng
Toan ngất đi trong cơn mê khoái lạc
Mẹ dấu yêu liền vội đến tay nâng...

(Nguồn Thơm — XUÂN-NHƯ-Y

Những cơn bệnh hoạn ấy, thật tình, nhiều phen đã làm cho người mẹ tội nghiệp của thi

sĩ vô cùng ái ngại. Bà chăm nom con như chăm một người điên mà không biết cơn hăng máu nổi lên lúc nào. Nhiều phen bà khuyên lơn thi-sĩ đừng làm thơ, đừng ngâm thơ nữa, nhưng không được. Bà đến phải cậy bà con quen biết, láng giềng, thầy thuốc, can ngăn giùm. Bài thơ sau đây là một câu trả lời cho những lời răn ấy :

Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút,
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta,
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt,
Cho mê man chết điếng cả làn da.
Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết,
Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết,
Cả lòng ai trong mớ chữ rung rinh...

Rướm máu — ĐAU-THƯƠNG

DAU-THUONG

Qua cái năm bệnh hoạn đầu, nghĩa là vào cuối 1937, Hàn-Mạc-Tử gom góp xong tập thơ đầu tiên làm trên giường bệnh, theo một thể-tài mới mà chàng gọi là Thơ điên.

Tập thơ, nhan là ĐAU-THƯƠNG và thi-sĩ đề tặng nó, một cách rất có ý nghĩa, cho mẫu-thân chàng là người đã từng hết sức đau thương để chứng kiến cuộc đau thương của chàng.

Trong ĐAU-THƯƠNG gồm ngót 50 bài thơ vừa dài vừa ngắn, hai phần ba tập nói đến trăng, hơn một nửa phần ba kia nói về hồn; chỉ một nửa phần ba còn lại là đả động các luận đề khác.

Về sau, trong những tập làm tiếp theo

như XUÂN-NHƯ-Ý và THƯỢNG-THANH-KHI, cũng hay nói đến trăng và hồn.

Trăng, *hồn* là hai cái luận-đề yêu dấu của Hàn-Mạc-Tử, hơn thế, hai cái ám ảnh ghê gớm mà thi-sĩ không thoát ly được.

Trăng đây không phải là cái trăng tượng trưng sự đoan-viên, sự thề nguyền của thi sĩ Đông-Phương. Cũng không phải là cái trăng huy hoàng lộng lẫy chúa tể ban đêm của văn hào Tây-Phương. Trăng ở đây là lấy về phương diện ám ảnh thần-bí, trăng kể về mặt phát truyền những luồng sóng điện lạ lùng có ảnh hưởng trực tiếp đến bệnh phung và riêng đến tình-trạng tâm hồn đặc biệt của Hàn-Mạc-Tử. Trăng đối với Hàn-Mạc-Tử có một mối liên-quan mật thiết như đối với nước thủy-triều.

Tôi đã tìm trong những sách y-học chuyên môn khảo-cứu về bệnh hủi. Không thấy có chỗ nào nói đến ảnh hưởng của trăng đối với bệnh ấy. Nhưng mà trong tập văn « *Chuyện người hủi ở thành A-Ốc* » (*Le Lépreux de la Cité d'Aoste*) của Xavier de Maistre — nên nhớ rằng sách viết từ năm 1811 — chúng ta lại thấy nói đến ảnh hưởng của trăng. Người Hủi ở trong ấy kể lại rằng tháng nào cũng vậy, cơn đau đớn của chàng

cứ tăng thêm hay là giảm bớt theo con trăng. Hễ bắt đầu có trăng thì chàng thường thấy đau nhức hơn nhiều, rồi dần dần, hễ trăng khuyết chừng nào thì bệnh lại giảm chừng nấy, và hình như thay đổi cả thể chất nữa. Da thịt chàng khô róm lại và trắng trẻo ra, chàng hầu như không thấy đau đớn gì nữa hết.

Tôi đã có đi viếng bệnh-viện Qui-Hòa. Tôi đã có dịp hỏi chuyện riêng từng người bệnh. Ai cũng nhận rằng cơn bệnh của họ tăng giảm không chừng, có tuần nó lặn xuống, có tuần nó nổi lên, thế thôi, chứ không ai nhận rằng đích thị là nó nương theo con trăng tròn khuyết.

Đấy cũng là một vấn-đề mà khoa-học chưa nói được cái chữ cuối cùng. Dẫu sao riêng đối với thi sĩ Hàn-Mạc-Tử, thì ảnh hưởng của trăng với bệnh chàng đã là rõ ràng chắc chắn lắm.

Trước hết, hình như trăng là một giống hồ ly, biết rằng say mê thì rất có hại cho mình mà không thể xa lánh được :

Cả miệng ta, trăng là trăng
Ca lòng ta vô số gái hồng nhan
Ta nhả ra đây một nàng...

. . . .

Bóng ai theo rõi bóng mình ?

Bóng nàng yêu tinh,
Dịp cười như tiếng vỡ pha lê
Thưa tôi không dám say mê
Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyền.
Bây giờ tôi dại tôi điên
Chắp tay tôi lạy cả miền không gian.

. . . .

Một miệng trăng ĐAU-THƯƠNG

Ảnh-hưởng của trăng đối với sức khỏe thi sĩ nhiều khi dữ dội lắm :

Gió rít từng cao trăng ngã ngửa
Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô,
Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy
Sáng dậy điên cuồng mửa máu ra.

Say trăng ĐAU-THƯƠNG

Nhưng mà đến một lúc, vì cái ám-ảnh trăng, thi-sĩ đã lạc mất cả trí khôn, biết bao nhiêu thơ của chàng từ nay chỉ là những lời nói tầm vơ, nói huyên-thiên, và reo lên lanh lảnh như tiếng cười của một người loạn óc.

Sự loạn óc vì trăng sẽ biểu diễn trong đủ các biến thể của nó. Bài sau đây sẽ chứng cứ về cái thể gọi là điên hiền. Ở đây, người điên chỉ cười nói nhỏ nhẻ, và cợt nhã với những người đứng xem mình như một trẻ con :

Trăng! trăng! trăng! là trăng! trăng! trăng!

Ai mua trăng tôi bán trăng cho
Không bán đoàn-viên, ước, hẹn hò !
Bao giờ đậu trạng vinh qui đã
Anh lại đây tôi thối chữ thơ...
Trăng ! trăng ! trăng ! là trăng ! trăng !
trăng !

. . . .

Không! không ! Tôi chẳng bán hòn trăng
Tôi giỡ đò chơi anh tưởng rằng
Tôi nói thiệt, là anh dại quá !
Trăng vàng, trăng ngọc, bán sao đang ?
Trăng ! trăng ! trăng ! là trăng ! trăng !
trăng !
Trời sáng trăng sáng khắp mọi nơi,
Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi.
Tôi lần cho trăng một tràng chuỗi
Trăng mới là trăng của Rạng-Ngời !
Trăng ! trăng ! trăng ! là trăng ! trăng !
trăng !

Trăng vàng, Trăng ngọc XUÂN-NHƯ-Y

Một phần nửa trong thi-ca Hàn-Mạc-Tử là chịu ảnh-hưởng của chiêm-bao.

Từ lúc đau, không mấy đêm là thi-sĩ ngủ yên giấc mà không chiêm-bao, và quái thay! chàng chỉ chiêm-bao thấy bay lên những vùng trời xa lạ, trong ấy trăng tràn ngập, trăng láng lai, và cây cối thì im lìm bất-động.

Những câu thơ như :

Tuy không gian không có vẻ lặng lờ
Mà ánh sáng tuồng như hơi nước chảy.

Với lại :

Và bóng trăng trong âm thanh lảo đảo
Rã lần như hương khói giấc chiêm bao.

Và :

Trời trong đây, trời rất mực quỳnh dao
Duyên thanh-tịnh, trăng tư bề vây kín...

rõ là tả những cảnh thấy trong chiêm bao chớ không bao giờ thực.

Một điềm chiêm-bao luôn luôn trở lại với Hàn-Mạc-Tử nữa là hồn, hồn mà chàng mộng thấy thường hay lìa khỏi xác để đi chơi một mình, để đánh nhau lại với chàng trong một cuộc ẩu đả để rồi cả hai đều ngất ngư chết giấc. Những đầu đề của một phần thơ chàng là : « Trút linh-hồn », « Vớt hồn », « Biển hồn ta », « Hãy nhập hồn em », « Hồn lìa khỏi xác », « Hồn là ai ? », v. v...

Sự xuất ngoại hoài hoài của hồn ấy, ta nên nhận là một điều có thực, chứ không phải do trí tưởng tượng của thi-sĩ bịa ra. Thi-sĩ chỉ ghi chép trạng-thái của mọi sự vật mà người trông thấy hay cảm biết. Kẻ làm thơ

không hay nghiên-cứu, không hay phân-tích. Ấy là một con bệnh họ chỉ khai cái chứng đau của họ thôi. Còn truy nguyên chứng bệnh là phần việc của nhà khoa-học.

Mà ai làm sao biết được chu đáo tất cả những gì xẩy ra trong óc của một bệnh nhân ? Sự hồn bỏ xác mà đi chơi của Hàn-Mạc-Tử, âu cũng là một triệu chứng của bệnh chàng, không nói đích về bệnh hủi, vì một người như chàng, có thể mắc phải nhiều bệnh trong một lúc ; hay quả thực là một trong những triệu chứng của bệnh hủi đích thị mà y-học chưa từng khám phá ra cũng nên.

Lật lại tập văn trứ-danh của nhà văn-hào Pháp, Xavier de Maistre, ta sẽ thấy có đoạn tả một triệu-chứng lạ kỳ của bệnh hủi. Đây là lời của người hủi trong truyện kể lại cái cảm giác ghê gớm hằng đêm của chàng :

« Đêm càng khuya, thì nỗi ái-ngại của tôi càng tăng, và đến lúc đêm gần tàn, thì tâm hồn tôi rối loạn đến nỗi tôi không biết rồi sẽ ra sao nữa. Tư-tưởng của tôi lộn xộn, tôi cảm thấy một cảm-giác lạ lùng mà chỉ trong những giờ buồn thảm ấy tôi mới có. Có khi hình như có một mãnh lực nào không thể cưỡng nổi lôi kéo tôi xuống một vực sâu không đáy ; có khi tôi thấy nhiều chấm đen

trước mắt, rồi trong khi tôi nhìn nó, nó giao lại với nhau, mau lẹ như chớp, nó lần đến nơi tôi và to dần ra ; không mấy chốc đã thành những quả núi đè bẹp tôi dưới sức nặng của chúng nó. Nhiều khi khác nữa, tôi thấy nhiều đám mây ở dưới đất trồi lên, vây quanh người tôi, như từng đợt sóng cứ phồng dần lên, họp lại thành đống và sắp sửa lôi cuốn tôi đi. Hễ tôi có muốn ngồi dậy để cho thoát những ý nghĩ ấy, thì tôi thấy như là bị buộc lại bởi những giây vô-hình nó lấy hết sức nghỉn của tôi. Có lẽ ngài tưởng đó là những giấc chiêm bao. Nhưng không! Tôi tỉnh táo lắm kia. Tôi cứ thấy lại luôn luôn những vật ấy, và đó là một cảm-tưởng rùng rợn nó chấp hết cả những nỗi đau khổ khác của tôi.» (*Le Lépreux de la Cité d'Aoste*).

Phương chi, Hàn-Mạc-Tử sinh trưởng ở Bình-Định và hay ngao du trong những tỉnh Khánh-Hòa, Bình-Thuận, tức là những đất gồm tất cả cái giang-sơn còn lại của người Chàm, chàng thường ngày trông thấy dấu tích của văn-hóa Chàm và thuộc làu những phong-tục, tín-ngưỡng của dân-tộc ấy, chắc thế nào chàng cũng biết cái chuyện tương-truyền rằng ban đêm, hồn người bỏ xác đi lảng vảng nơi này nơi nọ để kiếm ăn là cái

chuyện chính gốc của Hời. Có lẽ trong khi đau ốm, câu chuyện di-truyền kia ảnh-hưởng vào bộ óc mê sảng của chàng mà hóa thành sự thật chăng ?

Dẫu sao, sự thấy hồn lìa khỏi xác mà đi chơi là chuyện hàng đêm của Hàn-Mạc-Tử, cũng như chuyện những chấm đen hóa thành quả núi đè đè mình là cái triệu chứng thường thường của người hủi ở thành A-Ốc.

Ta hãy nghe Hàn-Mạc-Tử thuật lại cuộc di chơi của hồn chàng :

. . . .

Vì không giới nơi trầm hương vắng lặng
Nên hồn bay vùn vụt tới trăng sao
Sóng gió nổi rùng rùng như địa chấn
Và muôn ngàn thần phách ngã lao đao.
Cả hơi hám muôn xưa theo ám ảnh
Hồn trơ vơ không biết lạc về đâu ?
Và vướng phải vô vàn tinh khí lạnh
Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu,
Rồi sảng sốt bay tìm muôn tử khí
Mà muôn sao xa cách cõi hoang sơ,
Hồn cảm thấy bùi ngùi như rớm lệ !
Thôi, hồn ơi ! phiêu đạt đến bao giờ !

. . . .

Đêm nay ta khạc hồn ra khỏi miệng,

Để cho hồn đỡ bớt nỗi bi thương,
Nhưng khốn nỗi! xác ta đành câm tiếng,
Hồn đi rồi khôn nhập xác thê lương!

Hồn lìa khỏi xác ĐAU-THƯƠNG

ĐAU-THƯƠNG, như trên đã nói, còn có một phần thứ ba nữa, phần không chịu ảnh-hưởng của bệnh (trăng, chiêm bao và hồn) tức là phần thơ tự nhiên, làm khi thi-nhân tỉnh-táo, mạch máu luôn chảy êm ả dịu-dàng. Luận-đề thi-sĩ lựa lúc này rất giản-dị. Lời thơ dùng rất khỏe khoắn đơn-sơ. Âm-nhạc reo lên một cách thong thả nhẹ-nhàng, uyển-chuyển như một tiếng ngân thanh bai kéo dài mãi không ngừng. Những bài nho-nhỏ như bài « Dalat trăng mờ », « Huyền-ảo », « Mùa Xuân chín », « Đây thôn Vỹ-giạ », « Siêu thoát » v. v... đã đủ tiêu-biểu thiên tài bao quát của Hàn-Mạc-Tử và có thể kể trong những bài hay nhất của nền thơ Việt-Nam, của nền thơ hoàn-cầu.

BENH TRANG

Trong thời kỳ ấy, bệnh tình của Hàn-Mạc-Tử càng ngày càng tăng. Hình như từ mấy năm nay, những sự biến cố cứ theo đuổi hoài cái gia đình ấm-áp ấy.

Cả nhà, từ ngày thân-sinh Hàn mất, đương trông cậy vào người anh cả Hàn là ông Mộng-Châu Nguyễn bá-Nhân, làm thầu khoán, thì tháng Mai 1936, người ấy phải nạn ô-tô từ trần một cách oan ức, trong khi cùng với một viên kỹ-sư Công-chính đi thăm một khúc đường vừa làm xong. Gia-đình từ nay không còn trụ chống. Hai em của Hàn phải dời Qui-nhơn tha phương cầu thực. Cuối năm ấy Hàn phát bệnh. Cả gánh gia-đình đành trao về cho một mình thân-mẫu Hàn

hứng lấy với số lương hưu mỗi tháng 21$.

Mùa hạ 1938, sau khi năm bảy lần do dự, Hàn-Mạc-Tử đã quyết định vào Bố-thí-viện ở Qui-Hòa để tránh cho gia-đình một mối nợ đau thương thì bỗng nhiên được một người bạn thân ở Nha-trang gửi ra một viên lương-y, với lời hứa sẽ giúp tiền thuốc men đến bao giờ Hàn hết bệnh.

Thoạt mới uống mươi thang của ông thầy mới, bệnh giảm xuống một cách bất ngờ. Phải chăng lương-y là một vị tiên trên trời hiện rơi xuống để cứu người lâm nạn? Một lần lương y đến chẩn mạch, Hàn sung sướng và cảm động quá, ôm thầy mà khóc òa.

Bệnh giảm dần trông thấy, đến tháng điều trị thứ ba thì chàng và cả nhà đều yên trí là chàng thoát nạn. Chàng tung thư đi cho các bạn khắp bốn phương trời, tin cái tin mừng ấy, hứa hẹn sẽ đi thăm tất cả và sẽ làm vạn cái dự ước tương-lai. Than ôi! Đấy chỉ là một miếng lường gạt khắt khe của Số Mệnh. Bệnh đã là « nan-y », nào nó có buông tha ai? Sau vài tháng im hơi như ngủ quên một giấc, nó lại thức dậy, có phần dữ dội hơn xưa. Vị lương-y ở Nha-trang đành phải khăn gói ra về, để lại cho gia-đình bệnh nhân và chính chàng một mối thất vọng đau đớn.

Nhưng cứ để liều như thế mà chờ cái chết nó đến dần dần, thì mẹ chàng sao cho đành dạ? Nên bà tìm hết cách để đưa con đi ở trọ các nhà thầy thuốc quanh vùng. Mỗi ông lang, điều trị chừng vài ba tháng, thấy không hiệu quả gì, lại cũng đâm chán, mà kiếm cớ tống chàng đi. Phương chi, sự ở trọ như thế, cốt nhất là phải có tiền để cung đốn thầy cho thật phủ phê thì họa may thầy mới dung nạp cho, Hàn-Mạc-Tử lấy tiền đâu ra mãi! Cho nên chàng phải dời chỗ ở luôn. Trong một năm ta thấy chàng đi ở đậu hai ba chỗ, có năm sáu chỗ. Mà khi nào người ta chưa kịp xua đuổi chàng, thì trời lại xen vào mà làm công việc ấy. « Mấy lâu nay, Hàn viết, trời mưa lụt dữ quá, Trí phải dọn nhà đi hai ba chỗ, vì nước ngập vô tới nhà. Trí đã viết cho Đ. một bức thư dài lắm, nhưng chưa kịp gửi đi thì bị nhà dột và lụt làm ướt cả bức thư. »

(Thư ngày 7-11-38, gửi cho Đ.)

Cách một năm sau, ta thấy Hàn lại dọn về nhà mẹ, ở số 18, đường Khải-định, Qui-nhơn. Chàng báo tin cho Trần-Thanh-Địch: « Địch ơi! Độ này Trí bớt nhiều lắm, và hiện nay Trí đã về tạm ở nhà. Cái nguyên nhân là không có tiền uống thuốc, nên Trí lo buồn quá. Thôi đừng nói tới

chuyện đó nữa. » (Thư ngày 11-12-1939).

Một năm xa cách, về thấy vẻ náo nhiệt rộn rịp của thành phố mình, chàng lại viết :

« Địch ơi ! Trí về nhà, ngó ra đuòng, thấy trời tốt đẹp quá. Người ta, người thiên hạ ấy, sao mà vui vẻ quá, mà sao lòng Trí lại không háo hức chút nào cả. Địch ơi ! Tại làm sao Trí thấy một người con gái mới lớn lên xinh đẹp lạ kỳ mà Trí lại không nhìn ngắm ? Ồ ! Địch ơi ! mấy năm đau khổ, không ngờ lòng Trí lại khô héo đến thế ! »

Nhưng mà về nhà không được bao lâu, chàng lại phải đi ngay, do hai lý chính mà chàng không nói. Một là ở nhà sợ di-lụy cho bà con, con trẻ ; thứ hai là nguòi mang bệnh hủi cũng như kẻ buông đồ lậu, phải trốn tránh lẩn lút luôn, kẻo nữa lại sa vào lưới của sở Vệ-sinh Công-cộng. Nhà thương Qui-Hòa vẫn mở rộng cửa chờ sẵn những kẻ như chàng.

Ngày 23 Janvier 1940, chàng viết mách tin cho Trần-Thanh-Địch là chàng dọn nhà đi nơi khác : « Bữa nay, Trí xuống ở nhà bà thầy thuốc rồi. Ở đây nhà cửa mát mẻ quá, thanh tịnh nữa, không như ở nhà Trí ồn ào quá, nhất là mấy đứa cháu chơi đùa la hét, nói không được ».

Nhưng mà dăm tháng sau, ta lại thấy

chàng kể :

« Cuộc đời tôi trong khoảng một tháng nay rung rinh nhiều lắm. Tôi đã đi ở chỗ khác, không còn ở chỗ cũ nữa. Và chỗ này cũng gần biển, trước mặt biển, sau là sông. Nhưng phải cái nhà không được kín đáo lắm. Có một mái nắng dọi nhiều quá, từ trưa tới chiều, in lên cả mặt giường không sao nằm được. Tôi đã lấy nào là bì thư, nào là giấy nhật trình nhét khắp cả, thế mà « chạy trời không khỏi nắng ». Cả buổi chiều nếu là ở trong nhà thì phải đội mũ, còn không thì phải đi chỗ khác chơi. Cái hoàn-cảnh bất như ý ấy đã chẳng cho tôi được phút nào thật bình an, nên tôi chẳng có thời giờ để viết hay làm thơ nữa. » (*Thư đề tháng Juin, không ngày, gửi cho Trần-Tái-Phùng ở Huế*).

Khi nào chàng đau khổ quá, bất luận về tinh-thần hay về hình-thức, thì chàng lại viết thư than thở cùng Thanh-Địch, người bạn tâm-tình của chàng. Thì ra trong khi nhà thi-sĩ tung thơ ra khắp bốn phương trời, trong khi thiên hạ đều đua nhau hứng đón cái phần thưởng say sưa sang trọng của một bậc thiên-tài ban bố, riêng Trần-Thanh-Địch lại là người duy nhất, được cái vinh-hạnh không chia sẻ là thừa-tự lấy phần hương hỏa đau-thương, mà sự kiêu ngạo tầy đình của thi-sĩ khiến

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F.

chàng gói kín, cất kỹ, không cho một ai ngoài nữa hay, như người biền-lận thu dấu trắp vàng của hắn.

« Địch yêu dấu,

« Trí lúc này mệt quá, muốn viết thư cho Địch luôn mà cầm bút không nổi, viết không được dài (*Nên nhớ rằng vì những ngón tay của thi-sĩ bị co rút lại, không mềm dẻo như người thường được*). Trí yếu quá, từ hôm Tết tới nay, Trí không uống thuốc đến. Thỉnh thoảng uống vài ba thang thuốc bổ thôi. Bây giờ Trí chỉ xin Ơn Trên đưa sức mạnh thiêng liêng đến cho Trí thôi, chứ làm gì có thuốc bổ mà uống. Địch đừng buồn. Rồi Trí sẽ lành mạnh. Địch ơi! Trí khóc đây ». (*Thư ngày 3-3-1939*)

Loại như thế nhiều lắm. Chúng ta có thể theo đó mà lập một biển kê bệnh trạng rõ ràng lắm. Chúng ta biết ngày nào chàng sưng cánh tay mặt, lúc nào chàng bị mờ đi cả hai mắt và trong bao ngày, mấy lần chàng bị ngã lăn ra chết giấc v. v...

Nhưng sự ấy chắc là không bổ ích bằng sự nghiên cứu tình-trạng tâm hồn của nhà thi-sĩ, nó sẽ chỉ cho ta biết cái giá trị chân chính của bệnh nhân và biết trình độ của lòng can đảm của sự dũng mãnh có thể đi đến đâu.

CÔ - LIÊU

Bây giờ một mối buồn chán mênh mông chiếm cả tâm-hồn chàng. Mặc dầu sự đau đớn lúc này không quay quắt như hồi bệnh mới phát, mặc dầu chàng đã từng làm quen với nó, và đã từng cố học cái đức-tính nhẫn-nại, chàng cũng không thể không để lọt ra những tiếng kêu-rên thống thiết :

Lòng ta sầu thảm hơn mùa lạnh,
Hơn hết u buồn của nước mây.
Của những tình duyên thương lỡ dở,
Của lời rên siết gió heo may.

Thư đề ngày 15 Novembre 1938 gửi cho Trần-Thanh-Địch, có câu :

« Muốn viết thư cho Địch, thì không thấy nhớ lắm. Ban đêm muốn dậy xem trăng, thì

trăng chưa mọc, hay đã lặn rồi. »

Trong một thư khác, đề ngày 25 Mai 1938, lại có câu :

« Tất cả những cô gái mà Trí đã yêu, đang yêu, hay sẽ yêu, rồi cũng sẽ đi lấy chồng cả, thế có buồn không? » Thật là đơn sơ mà bi-đát một cách lạ !

Nhiều khi chàng thấy mình trơ trọi, bơ vơ quá, trong khi ở ngoài, người thiên hạ ai cũng có đôi lứa, nhộn nhàng với hạnh phúc gia-đình, chàng cũng tủi thầm cho số phận, mà không giữ được lòng thản nhiên nữa.

Một hôm trả lời một người bạn trẻ, con nhà giầu, mới bổ ra làm việc, mới cưới vợ, lại sinh làm thơ nhưng kém tài, nhà thi-sĩ đau thương đã phát cáu lên mà kêu lớn :

« Chao ôi ! Tôi không hiểu tại sao anh lại làm thi-sĩ trong khi bên mình có một cái hạnh phúc no đầy? Anh nên nhớ rằng thơ văn không bao giờ chịu làm quen với vinh-hoa phú-quý, mà chỉ thích sống với mùi thanh-đạm, lê-hoác mà thôi ! Cho nên thi-sĩ tồi như tôi, luôn luôn sống cô độc, hờn ghen tất cả những gì gọi là song đôi, là một cặp, là hai đứa, đó anh ạ ! »

Thế rồi bệnh chàng càng kéo dài chừng

nào, chàng đi sâu vào cõi cô-quạnh chừng nấy. Mơ mộng, nguyên là cái bẩm tinh của các nhà thi-sĩ, được cuộc sống riêng-biệt lẻ-loi của chàng giúp sức thêm, càng đè nặng lên trên tâm-hồn khôn giải ấy và chiếm-đoạt lấy nó một cách hiên-ngang. Hình như nhà thi-sĩ bị cái hình-phạt nặng nề ghê gớm phải mơ mộng, mơ mộng hàng giờ, hằng ngày, hằng đêm, những đêm không ngủ được — mà cơn bệnh chàng thì có mấy khi cho chàng được ngủ — mơ mộng luôn luôn không lúc nào nguôi, cũng như người Do-Thái Lang Thang, bị cái hình phạt phải đi lang thang, là đi, đi mãi. Nỗi cô-liêu của thi-sĩ càng ngày càng ghê gớm, có thể đến thành nguy hiểm nữa!

Ta hãy tưởng-tượng xem : một người con trai mới lớn, đau bệnh phung, lánh xa gia-đình, xa thành phố với ánh sáng và tiếng nhộn-nhàng của nó, ở riêng nơi một chòi tranh tối tăm bẩn thỉu tại một xóm nhà quê, như ở Gành-Ráng, trong cảnh tượng tiêu-sơ u-tịch của một thung lũng khô khan với một cánh ruộng mà lúa không bao giờ xanh, chạy dài theo một giây núi tím thẫm, lổn chổn những hòn đá to tướng như những bầy voi, những đoàn quái-thú nào từ đời thượng-cổ hiện lên đấy và nhìn xuống mình một cách lặng im, đến dễ sợ ; hay là ở Thôn-Tấn, một

dơi đất đâm ra biển, trước là sông, sau là biển, sông thì lặng lẽ phơi mình dài, óng ánh nham-hiểm như để bẫy người sẩy chân lỡ bước, hay tàn nhẫn như chờ đón những kẻ chán đời trong phút điên cuồng, bể thì cứ đưa mãi lên những luồng sóng đen uốn lộn như những con thuồng luồng khổng-lồ, và ầm ầm gào thét như kêu ca một nỗi oan-khổ muôn đời nào, ta hãy tưởng tượng xem cái tình-trạng tâm hồn của người con trai trong những đêm ấy ra thế nào ? Nếu trong trường-hợp ấy mà bệnh nhân không phát điên thật lên, thì hẳn người ấy phải có một bộ óc rất mạnh, một tấm lòng rất vững vậy. Trong đời có nhiều thứ anh-hùng. Thử đem vào cảnh ngộ ấy một viên tướng bách-chiến, đã từng lấy thành thâu lũy dưới muôn cơn lửa đạn và coi cái mạng sống, bắt đầu từ mạng của mình, như một mãnh lông hồng, có ai dám chắc người ấy sẽ giữ được điềm tỉnh như trong những buổi chiều hôm người thăm lại bãi sa-trường ngổn ngang thây muôn ngàn tử-sĩ, và ầm ỹ tiếng rên siết của những kẻ chiến thương ?

Đối với Hàn-Mạc-Tử thì những đêm cô-liêu như thế không phải là ít, những đêm phải thức chong, phải đày ra ngồi mơ mộng bên bờ mây nước. Chàng phải lẳng lặng rình nghe

cái hiu-quạnh thấm dần vào trong cơ-thể như là một liều thuốc độc, chạy đến chỗ đường gân nào, mạch máu nào là hay biết đến đó, cho đến bao giờ nó nhập tận quả tim, chiếm được buồng óc, là phải ngã dụi xuống mà thôi !

Sự im lặng vắng vẻ ghê gớm đến thi-sĩ ngồi mơ-tưởng một mình, mà cứ cảm thấy bóng người lảng vảng ở đâu đây, đến nỗi thi-sĩ không thể tin được rằng quả thật mình đang trơ trọi. Nếu như vắng vẻ thật là vắng vẻ, và im lặng chỉ là im-lặng, nghĩa là không chứa đựng một vật gì, không tố-giác sự hiện-diện của một loài giống gì, dẫu là ma nữa, thì sao tâm-hồn ta lại cảm thấy nó đè nén ta được nặng thế, sao mắt ta thấy gì nó linh-động nhiều thế, và tai ta nghe gì ồn đến ù điếc đi như thế ? Trong nỗi cô-liêu hoàn toàn, thi-sĩ vẫn thấy có người đi trên nước. Thi-sĩ thấy có một bóng người nào cứ đeo mà ngồi khít bên lưng mình, như một con ma, như con hầu của ông cố-đạo trong một truyện của Somer-set Maugham, rồi cả hai người nhất định cứ lặng thinh rình nhau, chờ nhau đến nín cả hơi thở nữa, như nhát dọa nhau, thi gan nhau xem ai sợ trước. Điều dễ sợ nhất là thi-sĩ hồi lên, nghĩa là chịu thua, nghĩa là thú nhận

cơn khủng-khiếp của mình. Thi-sĩ hỏi trong một tiếng kêu méo mó vì sợ :

Ai đi lẳng lặng trên làn nước ?
Với lại ai ngồi khít cạnh tôi?
Mà sao ngậm cứng thơ đầy miệng
Không nói, không rằng, nín cả hơi?
Chao ôi ! Ghê quá trong tư tưởng !
Một vũng cô liêu cũ vạn đời !

Cô-liêu ĐAU-THƯƠNG

Điều ghê gớm nhất là tâm-hồn thi sĩ loạn-lạc đến không biết rằng bóng người kia chỉ là cái kết tinh, cái hóa-thân của một sức tưởng-tượng căng lên đến tột bực :

Chao ôi ! Ghê quá ! Ôi ghê quá !
Cảm thấy, hồn tôi ớn lạnh rồi !

Biết bao lần trong tâm hồn loạn lạc ấy, ý nghĩa hủy bỏ đời mình đã đến với thi-sĩ, nhưng ý nghĩ ấy lại làm cho thi-sĩ sợ hãi hơn là nỗi cô-đơn của chàng, không phải vì chàng sợ cái chết, nhưng vì chàng là người đạo Thiên-chúa, chàng coi sự tự-sát là tội lỗi to nhất trong các tội lỗi một người phàm tục có thể làm. Thế cho nên trong những đêm đau khổ như thế, chàng không biết làm gì hơn là trở lại buồng kín của mình, rồi thắp một ngọn nến con con, để cho có ánh sáng, để cho thấy bớt cô quạnh, chàng quỳ xuống bên góc

phên, chàng vừa khóc nức nở vừa cầu-nguyện Đức Chúa với những lời tha-thiết hoảng hốt, trong khi ngọn nến bị gió lọt vào cánh phên thưa, cũng run lẩy bẩy, cũng kêu răng rắc như tụng niệm theo và cũng hoảng hốt để sa ròng ròng những giòng lệ sáp.

Bao giờ nước mắt khóc đã hầu khô, thân thể quỳ xuống đất đã rã rời mệt mỏi, mà ngọn nến cũng đã tự thiêu cháy hết mình rồi, thì chàng thấy lòng nhẹ nhàng hơn, êm ấm hơn, hình như Chúa đã có ban ơn lành xuống thực, chàng mới lặng lẽ lên giường nằm.

Những cơn khủng hoảng ấy không phải chỉ trong lúc chàng đi ở trọ xa gia-đình mới có. Chính những buổi ở nhà, có mẹ, có chị em, cháu chắt, chàng cũng cứ một mình khóc thầm cái trơ trọi của mình, không hề cho một ai hay biết nỗi rối loạn của tâm hồn. Kiêu ngạo quá, chàng dấu sự đau thương của mình như người làm tội dấu tật xấu của họ.

NGHEO TUNG

Bệnh tình càng trầm-trọng chừng nào thì Hàn lại càng đi sâu vào cảnh túng bấn chừng nấy. Số tiền nợ các ông lang lên đã nhiều. Mẹ chàng hình như chạy cũng không kham nữa. Bà con, một người chị ruột hiền từ, một người anh rể hào hiệp cũng đã kiệt lực. Nhà thơ Quách-Tấn là vị Mạnh-Thường-Quân của Hàn-Mạc-Tử cũng không thể giúp đỡ hơn sức nghỉn của ông ta. Ở đây tôi muốn dành riêng một đoạn về công ơn của tác-giả « Một-Tấm-Lòng » và « Mùa-Cổ-Điển » đối với Nguyễn-Trọng-Trí, gọi là một lời cảm tạ tuyên-bố giữa toàn-thể các bạn làng văn.

Quách-Tấn và Hàn-Mạc-Tử quen biết nhau do một mối duyên thơ cực kỳ ngộ-nghĩnh.

Ấy là vào khoảng năm 1931, Quách-Tấn là nhà thơ Đường-luật trong các báo An-Nam Tạp-Chí, Phụ-Nữ Tân-Văn v.v... Các bạn đọc hẳn còn nhớ thuở ấy, Nguyễn-Trọng-Trí còn cho đăng những bài thơ Đường ở báo Phụ-Nữ Tân-Văn dưới biệt hiệu là Phong-Trần, hay khiêm tốn hơn nữa là P. T. (Qui-nhơn). Hết sức cảm-xúc vì khí văn của Trí, lại thấy đề địa chỉ Qui-nhơn là chốn chôn dau cắt rốn của mình, Quách-Tấn, lúc bấy giờ tòng-sự tại Nha-trang, viết thư cậy một bạn qnen ở Qui nhơn cũng là một nhà thơ, hay ít ra là một kẻ yêu thơ, để ý tìm xem P. T. là ai. Cuộc tìm-tòi tận tâm của bạn Quách kéo dài ngót bốn năm tháng mà tung-tích của nhà thơ bí-mật vẫn chưa khám phá ra. Một hôm người bạn Quách đi nhà thương khám bệnh. Trong phòng khám bệnh cũng còn đông người, vài ông phán, dăm cậu học-trò. Viên y-sĩ lại là người vui vẻ, mà cũng yêu thơ. Khám xong người bạn Quách, y-sĩ còn lưu luyến nói chuyện thơ chơi, và sự tình-cờ lại xui hai người nói đến thơ của P. T., hỏi nhau nhưng không ai biết P. T. là « thằng cha nào » mà có lời thơ hay đã « bất nhơn ». Bỗng nhiên trong đám học trò, có một cậu người nhỏ, gầy, để tóc dưỡng rẽ, vẻ mặt xanh xao, mà sự cảm động này lại càng làm xanh thêm, rụt rè

bước tới trước mặt quản-đốc và nhỏ nhẻ nói bằng giọng Huế : « Thưa P. T. tức là Phong-Trần, mà Phong-Trần là... em đây ! » Không đợi nói, các bạn cũng đã đoán là ông bạn Quách đánh một phóc về nhà, và với tất cả sự kiêu căng chính đáng của một nhà trinh-thám thành công, ông ta tin ngay cho Quách biết chuyện vừa xẩy ra. Thế là Quách-Tấn và Nguyễn-Trọng-Trí bắt đầu làm quen rồi trở nên đôi bạn tri kỷ.

Sau khi biết tin Hàn-Mạc-Tử lâm bệnh (biết chậm một năm, vì Hàn nhất thiết giấu bạn) chính Quách-Tấn là người đi tìm danh-y đưa ra tận Qui-nhơn để chữa cho Hàn và đứng ra chi hết các khoản thuốc men để Hàn dùng. Về sau vị danh-y chạy, Quách không còn biết làm chi hơn là gửi mỗi tháng mười đồng cho bạn. Sự giúp đỡ ấy ban đầu còn làm cho Hàn-Mạc-Tử tủi hổ, vì chàng vốn mang nhiều lòng tự-ái quá.

Cuối năm 1938, chàng viết cho Trần-Thanh-Địch :

« Hôm vừa rồi Quách-Tấn có ra Qui-nhơn thăm Trí, một hai bắt Trí phải nhận sự giúp đỡ của anh ấy mỗi tháng 5$. Và khi anh ấy ra về, có nhờ một người làm tòa-sứ ở đây đưa đến cho Trí một phong thư, trong ấy có

kèm 5$ của anh ấy biếu Trí.

« Địch ơi ! Trí đã nhiều lần hết sức từ chối nhưng anh ấy cứ không nghe. Vậy Địch ơi, Địch nghĩ thế nào, trả lời cho Trí biết. Khổ lòng Trí quá, Địch ơi ? »

Nhưng sau dần dần quen, sự nhận tiền của Quách không làm cho Hàn - Mạc - Tử ngượng và áy náy nữa. Không những thế, mỗi lần nhận được tiền Quách giúp, là chàng mừng rỡ như đứa trẻ được mẹ cho quà. Chàng không thể nín mà không mách cho Trần-Thanh-Địch biết:

« Quách-Tấn lại gửi cho Trí thêm 10$ để làm tễ thuốc bổ. Thế là Trí sống rồi, không còn lo ngại gì nữa. Địch ơi! thích chưa, thích quá Địch ơi! Trí vui mừng mấy bữa nay, ngâm thơ vang cả lên, mấy cô gái láng-giềng « xinh như mộng » cũng cười vang lên và bảo là Trí điên! Địch ơi! Trí mà điên thật đấy à? Xê ra không Trí cắn cho một miếng phun đựng máu lên! Ha! Ha! Địch ơi! thơ đang reo trong mạch máu Trí đây! »

Nhưng mà thời gian vẫn đi qua. Bệnh của Hàn-Mạc-Tử vẫn kéo dài. Nhà Mạnh-Thường-Quân Quách-Tấn về sau gặp nhiều việc bận rộn ở gia đình, cũng không thể trợ cấp mãi

người bạn khốn nạn nữa. Mà chàng thì nhất thiết không đời nào chịu mở miệng hỏi ban bạn. Duy chỉ khi nào đau khổ vì cơn nghèo túng quá, chàng rợt nỗi lòng cho người bạn tâm tình của chàng, Trần-Thanh-Địch, vì chàng biết Địch cũng nghèo túng như chàng. Giá Thanh-Địch giàu có hay ít ra, có thể giúp chàng thì chàng hẳn lại bịt kín vết thương lòng về phía ấy nữa ngay. Lòng tự-ái, tính kiêu-ngạo hay chơi nhiều kiểu oái oăm như thế.

Thế là về lối sau đây, không còn có ai giúp đỡ được cho nhà thi-sĩ khốn nạn nữa. Bây giờ thì lâu lâu, có người gửi kèm theo thư thăm của họ ít cái tem để cho Hàn có thể gửi trả lời. Có khi chàng chậm trả lời cho ai, là vì chàng đã dùng con tem của người này để gửi đi một địa-chỉ khác về một việc cần thiết hơn. Các bạn chàng biểu nông nỗi ấy, nên hễ ai thấy thi-sĩ chậm trả lời thư mình, thì lại gửi thêm tem, thế là chắc được thư xin lỗi và cắt nghĩa rõ sự sử-dụng của con tem trước. Khi nào chàng có nhiều tem, thì chàng lại tin các bạn biết để đừng gửi nữa.

Suốt hai năm 1938-1939 chàng băn khoăn về việc xuất bản tác phẩm của mình. Thuở ban đầu theo như chàng đã tưởng, thơ chàng gom góp xong rồi là các nhà xuất bản sẽ

dành nhau mua mà in, mà bán, vì sẽ chạy như tôm tươi, và nó sẽ là một tiếng sét nổ vang trong làng thơ Việt-nam. Thuở ban đầu, chàng còn nói khẩu-khí : « Thơ của Trí mà người ta cũng đành mua bằng tiền à ? » Chàng viết thư đi khắp, hỏi các nhà xuất bản, hỏi các bạn chàng. Chàng lại còn ngây thơ đến nước đưa trước ra những điều kiện của mình cho người nào nhận in thơ ấy. Chàng không ngại ngùng mà bắt buộc :

« *1·) Phải trả tiền nhuận bút cả tập thơ —*

2·) Phải để dành cho tác giả 100 quyển —

3·) Phải chia tiền hoa hồng khi bán xong sách —

4·) Phải in thật đẹp và bằng giấy Xốp —

Ngoài ra còn phải in riêng cho tác giả 5 quyển bằng Vergé Baroque Crème đánh số từ I đến V và hai quyển giấy vải Charta Bona đánh số A và B ». (nguyên-văn).

Có lẽ là tất cả các xuất bản gia không một ai chịu thiệt đi một con tem để trả lời chàng nữa. Còn các bạn chàng, thì có vô số người hứa nhận in, có lẽ để cho chàng vui lòng chăng ? Trong số đó, có nhiều người quả có thừa tư cách làm một nhà xuất bản cho chàng. Thế mà hết người nọ đến người kia,

lời hứa hẹn chỉ trôi xuôi như giòng nước. Ai cũng phục thơ chàng, nhưng ai cũng cho rằng xuất tiền ra in thơ ấy, là một việc hỏng! Thảm thương nhất là hy-vọng của chàng cứ xôn xao, náo nức, cứ nhóm rồi lại tắt đi mãi mãi theo những lời hứa. Chàng có một đức tin rất hăng hái. Hễ nghe ai hứa một lời, là chàng quấn quít mừng rỡ thật tình như một đứa trẻ con. Ta có thể nói là chàng treo cả sự sống chàng vào người đã hứa cho đến khi biết rằng đó là một chuyện hão hờ mới thôi. Nhưng rồi đến lượt kẻ khác nữa, rồi chàng lại cũng cứ thế, không vì bài học trước mà chán.

Ngày 24 Juillet 1938, chàng viết thư cho Bích Khê, lúc bấy giờ còn chưa viết xong quyền « Tinh-Huyết » nữa :

« Bích-Khê anh ơi ! Anh có đau khổ lắm không ? Bao giờ thì chết ? và còn lâu hay đã gần rồi ? Tôi cũng đang chết đây, nhưng vẫn thản-nhiên lắm. Tôi mong anh sống đã, sống để đọc tập thơ điên ĐAU-THƯƠNG của tôi trước khi chết ».

Thế mà rồi chàng phải giới thiệu « Xác-Thu » của Hoàng-Diệp ra năm 1937, viết bài ca tụng « Điêu-Tàn » của Chế-Lan-Viên ra năm 1938, đề tựa cho « Tinh-Huyết » của Bích-

Khê ra năm 1939, và đề bạt cho « Một-Tấm-Lòng » của Quách-Tấn ra cùng năm ấy. Trong khi ấy chính tác-phẩm của chàng thì vẫn không ra được.

Ngày 24 Février 1939, chàng viết thư cho Địch để nói nỗi thất vọng của mình :

« Mấy bữa nay không viết thư cho Địch là vì nhiều lẽ : trời lạnh quá chừng, không biết nhờ ai đi mua hộ tem gửi thư, với lại mấy bữa nay Trí vừa buồn vừa chán, vì tập Thơ-Điên lại chẳng ra đời được nữa rồi ! Cái anh bạn ở Nha-trang cũng đánh trượt như anh bạn Ph. ở Huế... Thế có khỉ không ? Địch ơi ! Trí lấy làm khổ tâm quá ! »

Tuy thế nhưng rồi chàng lại chạy chọt ở chỗ khác, để mong xuất bản những tập thơ khác, XUÂN-NHƯ-Ý, THƯỢNG-THANH-KHÍ, CẨM-CHÂU-DUYÊN. Chàng lại soạn trước lời quảng cáo cho thơ chàng, trù tính việc cho đăng lên các báo một khi bản thảo của chàng đã có người nhận đưa in. Quảng cáo rất hùng hồn, gọn gàng mà kêu như tiếng khánh, khêu gợi vô cùng nữa. Nhưng rồi không có báo nào đăng hết, vì chàng lại « bị đánh trượt » như bao lần trước. Một độ chàng đã để cả hi-vọng vào nhà xuất-bản Đời-Nay. Chàng loay hoay khổ sở tự tay chép được một bản Thơ-

Điên ĐAU-THƯƠNG, gửi cho một nhà thơ danh tiếng ở Hà-nội, và có thế lực đối với xuất bản cục. Bẵng tin đi có mấy tháng trời, hỏi mãi, chàng mới nhận được thư trả lời là tập ấy nhà thơ danh tiếng kia đã « vô ý » đánh mất đi rồi !

Từ đấy, chàng mới đành coi việc xuất bản văn-thơ mình là cái mộng-tưởng không thể thành hiệu được, cũng như sự lành bệnh của mình.

MONG - CAM

Một mối thất-vọng lớn của Hàn-Mạc-Tử nữa, lá nỗi chàng bị tình-phụ.

Hiện bây giờ chưa tiện nói rõ về tung-tích về đời tư của người đàn-bà đã ghé xờ vào đời Hàn-Mạc-Tử. Hiện bây giờ họ đương có gia-đình riêng, tất nhiên có bổn phận riêng, cùng những mối e dè cấm kỵ buộc theo đó. Ngày sau, khi thời gian đã xóa nhòa mọi thứ tình của một thuở, khi Thần-Chết đã đưa vào chỗ hư vô bao nhiêu công việc, đã mở thả ra hết bao nhiêu định lệ, người ta sẽ thả hồ mà nghiên cứu, mà phân-tích, mà tiểu-thyết-hóa cuộc tình-duyên này. Tài liệu không thiếu. Tình tiết đầy ly-kỳ, say đắm. Hiện bây giờ thì ta hãy tạm, bằng lòng đại khái qua loa thôi vậy.

Ấy là câu chuyện một đôi trai tài gái sắc yêu nhau, câu chuyện muôn đời ấy mà! Người con trai là Hàn-Mạc-Tử, người con gái, ta hãy cứ theo nhà thi-sĩ mà gọi là Mộng-Cầm đi, mặc cái tên thực của họ. Hai bên đã thề nguyền cùng nhau những lời mà ta biểu là thiết tha đằm thắm lắm. Thường thường thì họ hay gặp nhau ở hai tỉnh : Qui-nhơn và Phan-thiết. Họ đưa nhau đi chơi bờ bể, họ đi viếng các danh-lam thắng-cảnh, nhất là Lầu-Ông-Hoàng. Rồi họ xa nhau. Họ nhớ nhau, và tặng ảnh cho nhau. Họ coi như một cặp vợ chồng chưa cưới. Tin Mộng-Châu, anh của thi-sĩ bị chết về nạn ô-tô, làm cho nàng thiếu nữ phải phát cuồng lên, đòi để tang cho kỳ được. « Lệ-Thanh anh ơi! Nàng ấy viết, (Ấy là trong cái thuở nhà thi-sĩ còn lấy tên là Lệ Thanh) Lệ-Thanh anh ơi! Em không thể ra tận ngoài ấy để đưa linh-cữu « ông anh cả » về nơi an nghỉ cuối cùng. Vậy anh cho phép em thành-tâm cư tang cho ông anh một năm cũng như anh, nghe anh. Ở trên mấy từng mây, vong-linh ông anh cả nếu có linh-thiêng, nên nhận người đang cầm bút *biên* mấy hàng trên đây là người em dâu chắc chắn, nhất định của ông anh rồi. Vậy ông anh nên phù hộ cho chúng em thương nhau cho đến bạc đầu... »

Đùng một cái, một buổi mai ngủ dậy, nhà thi-sĩ thấy mấy đầu ngón tay tê dại đi và không thẳng ra được, và soi gương thì thấy da mặt sượng sần mà hai gò má đã đỏ ửng. Chàng tuyệt-giao với bạn hữu, với cả Mộng-Cầm, sau khi thú thực với nàng nỗi đại biến của mình. Lẽ tất nhiên chàng cũng lấy lời cao-thượng xin cởi những ước hẹn ngày xưa và dâng trả sự tự-do lại cho nàng. Và cũng lẽ tất-nhien, nàng vùng vằng giận-dỗi, mắng chàng là tàn nhẫn, khinh bỉ nàng, và sau rốt an ủi chàng tĩnh duỡng và thề bồi lại một lần nữa đậm đà hơn.

Sáu tháng sau có tin nàng đi lấy chồng

Cái phản động-lực của thi-sĩ mà ngày nay chúng ta có thể nhận-thức được, là chàng giở lại đống thư cũ của cố-nhân, rồi ngoài lề, ngay những chỗ nàng thề thốt chung-tình hung lắm, chàng đánh những dấu hỏi (?) và những dấu cảm-thán (!) to tướng. Có chỗ chàng phê : « Lạy Trời ! Em X... đã phụ tôi, khi thấy tôi đau yếu, lâm phải tai-nạn. Nghĩa là em X... đã phạm lời thề thốt ra trên mảnh giấy này. Tôi lạy Trời xóa bỏ lời thề ấy đi, đừng hành phạt em X... tôi, tội nghiệp ! »

Kể cũng khí trẻ con, cách làm cao-thượng ấy ! Giá nhà thi-sĩ đã sẵn lòng tha thứ thì cứ

việc xé đốt cho tan hết những tang chứng của cuộc phụ phàng kia có được không ?

Nhưng xét cho kỹ, thì chàng cũng không đáng trách. Chàng chỉ là một người. Cũng như không đáng trách sự đi lấy chồng của người con gái. Cái thời kỳ người đàn bà thủ-tiết thờ một người chồng chưa cưới, bỏ trăm năm vì một lời nguyền, thời kỳ ấy đã qua, hay chỉ nằm trong pho sách luân-lý. Phương chi, ngoài ra còn biết bao nhiêu lý do để biện hộ cho sự đi lấy chồng của Mộng-Cầm. Mỗi một chứng bệnh của Hàn-Mạc-Tử cũng đủ nói giúp nhiều cho nàng rồi. Duy có cái nàng đi lấy chồng có hơi gấp đấy thôi.

Dầu sao, về phần nhà thi-sĩ, chàng không quên được hình ảnh của người yêu, và sự đau khổ về cuộc tình duyên lỡ dở ấy lại là một nguồn cảm hứng để cho thi-sĩ kéo ra nhiều điệu nhạc trầm hùng. Ấy là những tiếng kêu não nuột nhất, những giọng gào thét đoạn trường nhất mà một người bị tình-phụ đã thốt nên :

Trời hỡi ! Nhờ ai cho khỏi đói ?
Gió trăng có sẵn, làm sao ăn ?
Làm sao giết được người trong mộng,
Để trả thù duyên kiếp phụ phàng ?

Lang-thang — XUÂN-NHƯ-Y

Chàng buồn. Chàng uống rượu. Uống say ngã ra, tưởng có nàng đứng sau nâng đỡ, như những đêm nào ấy. Té ra say quá mà không nhớ là nàng đã đi lấy chồng tự bao giờ rồi... Ấy là luận-đề bài « Say chết đêm nay ».

Nhưng mà tiếng kêu than ảo não hơn hết là khi thi-sĩ đến nơi đã vì đó mà giấy lên cuộc ái-ân, nơi đã chứng-kiến mối tình đầu của chàng. Phan-thiết ! Phan-thiết ! Cái tên khêu gợi làm sao ! Nó dội lên như một lời trối trăn thống thiết :

. . . .

Rồi ngây dại nhờ thất tình chỉ hướng,
Ta lang thang tìm tới chốn Lầu-Trăng.
Lầu-Ông-Hoàng, người thiên-hạ đồn vang,
Nơi đã khóc, đã yêu thương da diết..
Ơi ! Trời ơi ! là Phan-thiết ! Phan thiết !
Mà tang-thương còn lại mảnh sao rơi !
Ta đến nơi — Nàng ấy vắng lâu rồi !
Nghĩa là chết từ muôn trăng thế-kỷ.
Trăng vàng ngọc, trăng ân-tình, chưa phỉ
Ta nhìn trăng khôn xiết ngậm ngùi trăng.
Ta vãi tung thơ lên tận sông Hằng,
Thơ phép-tắc bỗng kêu rêu thống thiết
Hỡi Phan-thiết ! Phan-thiết !
Mi là nơi ta chôn hận nghìn thu !

Mi là nơi ta sầu muộn ngất ngư !

Phan thiết! Phan thiết! — XUÂN NHƯ-Y

Lâu lắm, mối tình thương tiếc Mộng-Cầm vẫn trì-cửu, và vẫn giữ phần tha-thiết xoắng-vó như buổi ban đầu. Lúc thi-sĩ đã có Mai-Đình nữ-sĩ ở bên mình, Hàn-Mạc-Tử vẫn không thấy giảm sút sự quay quắt của lòng nhớ nhung kia. Trong thuở bệnh tình trầm-trọng nhất, trong lúc người chàng tiều tụy đến trông ra thân tàn ma dại, — vì cơn bệnh — nhà thi-sĩ còn có cái liều lĩnh đổ tội ấy cho sự thương-nhớ Mộng-Cầm, và người ta bắt buộc phải nhận thấy trong ấy một cái gì cảm-động đến đau-đớn :

Ng. hỡi Ng. muôn năm sầu thảm,
Nhớ thương còn một nắm xương thôi !
Thân tàn ma dại đi rồi...
Rầu rầu nước mắt, bời bời ruột gan,
Thấy gió là ôm ngang lấy gió,
Tưởng chừng như trong đó có hương
Của người mình nhớ mình thương...
Nào hay gió tạt chẳng vương vấn gì !
Nhớ lắm lúc như si như dại,
Nhớ làm sao bải hoải tay chân.
Nhớ hàm răng — nhớ hàm răng
Mà ngày nào đó vẫn khăn khít nhiều...

. . . .

(mất độ 20 câu)

. . . .

Dẫu đau đớn vì lời phụ rẫy,
Nhưng mà ta không lấy làm đều !
Trăm năm vẫn một lòng yêu,
Và còn yêu mãi, rất nhiều em ơi !

Tôi tưởng nên nói rõ vì sao bài thơ trên lại mất ngót 20 câu. Bài ấy ra đời trong một ngày không may. Nó đã gây một cuộc bất hòa trong gia-đình thi-sĩ.

Nguyên thuở ấy — như trên đã nói — thi sĩ có một người bạn gái, Mai-Đình nữ-sĩ, ở bên mình. Lẽ cố nhiên là nàng không bằng lòng bài thơ, và một cuộc cãi cọ đã giấy lên. Bà sương-phụ mẹ thi-sĩ hay chuyện, muốn xử cho yên, bèn lấy bài thơ thi sĩ vừa mới chép ra đó mà xé mất. Nói cho đáng, người xưa hay câu nệ, bà nghe những chữ quá nặng nề, quá « trệ » mà con bà đã tự tặng cho mình, chính bà, bà cũng lấy làm chột dạ.

Nhưng Mai-Đình nữ sĩ là người yêu thơ. Về sau nàng có hỏi lại thi-sĩ, thì chàng đã không nhớ được toàn bài nữa. Thế rồi chàng quên một ít, bài thơ đến tay chúng ta, do Mai, chỉ còn có thế. Viên ngọc đã sứt mất đi một miếng.

Trong khi ấy thì cái người bỏ đi lấy chồng

kia ra thế nào ? Lẽ cố nhiên là họ có chồng thì phải sinh con nở cái, gây ra nhiều bổn phận mới, nhiều bắt buộc mới. Lại thêm một cuộc đời phong-lưu trưởng-giả tập thêm cho nàng nhiều cuộc giải-trí mới, còn thì giờ đâu mà nghĩ đến người-khốn nạn vứt đi ?

NHƯNG NGƯƠI DAN BA DA KINH QUA VAO DƠI HAN - MAC - TƯ

Từ ngày mang cái thất-vọng Mộng-Cầm tuy chàng đối với người cũ vẫn giữ tấm lòng chung-thủy của mối tình đầu, như nhiều đoạn trong thơ hay thư tâm-tình của chàng đã chứng nhận, người con trai mới lớn ấy vẫn khát-khao thứ rung-động êm ái của tình yêu.

Nếu như không có một người thiếu-nữ nào chịu để cho chàng yêu, và chịu trả lại chàng một mối tình chân thật, thì chàng lại yêu trong mộng-tưởng, yêu hão hờ. Cái thầy ảo-thuật ấy cũng đủ dại-dột và si-mê để tin rằng cái vật mà mình tưởng-tượng ra lại là có thật.

Để khuây-khỏa sự khát khao ân-ái của mình, nhà thi-sĩ có thể tự cho rằng tất cả đàn

bà đẹp trong thế-giới đều có lòng yêu mình, có điều họ chưa tiện nói ra !

Bên láng giềng có một cô thiếu-nữ nào vừa chết, một trong « những cô láng–giềng xinh như mộng » đã từng được nhà thi-sĩ nhắc đến, thi-sĩ liền có một ý nghĩ vừa ghê rợn vừa cảm-động biết bao :

. . . .

Xác cô thơm quá, thơm hơn ngọc
Cả một mùa xuân đã hiện hình !
Thinh sắc cơ hồ lưu-luyến mãi,
Chết rồi, xiêm áo trắng như tinh.

— Có tôi đây ! hồn phách tôi đây !
Tôi nhập vào trong xác thịt này,
Cốt để dò xem tình ý lạ
Trong lòng bi-mật ả thơ-ngây.

— Biết rồi ! Biết rồi ! Thôi biết cả !
Té ra nàng sắp sửa yêu ta !
Bao nhiêu mơ ước trong tim ấy,
Như chực xuân về thổ lộ ra...

Cô gái đồng trinh ĐAU-THƯƠNG

Nhiều khi một cái tên quen thân cũng đủ khêu gợi cho thi-sĩ một mớ u hoài và đủ làm cho chàng say sưa trong chốc lát. Bài « Người Ngọc » trong ĐAU-THƯƠNG và mở đầu bằng hai câu :

Ta đề chữ NGỌC lên tàu chuối
Sương ở cung Thiềm gió chẳng thôi...

là do sự nhớ một người bạn gái biết nhau hồi ở Phan-thiết mà làm ra.

Bài « Đây Thôn Vỹ-Giạ » ra đời là do một bức ảnh của một người thiếu-nữ ở Huế, cô K. C. gửi tặng :

Vườn ai mướt quá xanh như ngọc,
Lá trúc che ngang mặt chữ điền...

Với lại :

Giòng nước buồn thiu hoa bắp lay,
Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó ?

Hay là :

Áo em trắng quá nhìn không ra,
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh...

quả là những cảnh-tượng chỉ nhìn trong ảnh mà thôi vậy.

Ngồi ở trong nhà nhìn ra, chỉ thấy một cô gái qua đường đi ngang trong một buổi mai nắng chói, thi-sĩ cũng đủ cảm hứng để viết nên một bài thơ say sưa như bài « Nắng Vàng ».

Một bức thư mầu xanh của một người quen khác gửi cho chàng, đã làm chàng ngất ngây chỉ vì cái mầu xanh ấy mà thi-sĩ cho là

mầu của Huyền-Diệu, và mầu ấy lại do tay một người đàn bà gửi đến, lại mang những « giòng chữ nửa hư và nửa thực », những « lời nao nao như hàng lệ rưng rưng » : *(Bức Thư Xanh)*.

MAI-DINH
NU'-SI

Khoảng mùa thu năm 1938, một sự huyền-diệu đích-thị xảy đến cho Hàn-Mạc-Tử. Một người bạn gái từ miền lục-tỉnh ra mang tặng một số tiền nho nhỏ.

Vì chàng nhất định không nhận, nàng cũng nhất định không nghe, và nàng tỏ rõ sự quả quyết của mình bằng cách vào buồng cất va-ly và xuống bếp tìm rổ xách đi chợ.

Về người đàn bà này, ta có thể nói nhiều hơn, ta có thể kể chuyện rõ ràng mà không ngần ngại phải phạm đến « danh giá » của một kẻ nào, đến cái mà họ chưng lên làm danh-giá.

Vì ở đây chúng ta gặp được một người đàn bà không cần dư luận, một người trong

hạng người thành thực nhất của xã hội, họ đã đánh nhịp vào chế-độ, vào lễ-nghi, vào mọi thứ do người đặt bày ra để mà che lấp sự giả-dối của người. Ở đây ít ra chúng ta cũng có thể trải lòng thực ra với nhau, vứt lên mặt nhau những chữ sống-sượng mà không sợ phật lòng nhau, phải không Mai ?

Nàng ấy tên Mai, Lê-Mai. Nàng quê quán ở Thanh-hóa, hãy để yên cha mẹ nàng một nơi — những người ấy hiện còn sống cả — đừng làm phiền họ. Đời của Mai, nàng đã tự tay làm lấy, nàng chịu trách-nhiệm về nó một mình.

Mai có học, viết quốc ngữ thông, nói tiếng Pháp được, làm thơ hay, thường có nhiều bài đăng báo.

Nàng nguyên có một cuộc tình duyên rắc rối, một trong ngàn vạn cuộc tình-duyên mà các cô gái Việt-nam ở thế-kỷ thứ 20 đang than phiền và đã làm đầu đề cho biết bao nhiêu là truyện ngắn, truyện dài, đến cả bao nhiêu là thư tâm-sự gửi đi hỏi các nhà báo tự nhận là thạo đời. Tức là câu chuyện cha mẹ gả con gái cho một người mà cô con gái không ưng, vì đã trót yêu một người khác trước.

Nàng cũng thế và nàng đã làm theo một cơn xung máu quá lãng-mạn, và đã bỏ nhà ra

đi trong cái ngày tốt đẹp gia-đình nàng sửa soạn đám cưới. Nàng tìm đến người yêu, lúc ấy mới vỡ lẽ là anh chàng không yêu mình chi cả. Thất vọng. Đau-khổ. Nhưng lòng kiêu căng lại không cho nàng trở về với gia-đình. Nàng đi phiêu-lưu vậy. Và từ đấy, gió đời cứ đưa tấp nàng tới bến kia ghềnh nọ, Kontum, Gia-lai, Dalat, Nha-trang, Phan-thiết, Saigon, Nam-vang.

Năm 1937, nàng kinh quá Qui-nhơn. Nghe danh thi-sĩ Hàn-Mạc-Tử, mạch thơ dấy động trong lòng cô gái đi giang hồ. Hai ba lần, nàng định tìm đến ra mắt thi-sĩ nhưng lại thôi, nàng cũng không rõ vì cớ gì. Nhưng cái ý định ấy có người mách lại với nhà thi-sĩ. Hàn-Mạc-Tử liền gửi tặng người tri kỷ chưa quen một quyển GÁI QUÊ. Chính lúc ấy là lúc nàng sửa soạn lên đường vào Nha-trang, và chính ôm quyển GÁI QUÊ nghiền ngẫm mấy bài thơ trong ấy mà nàng trải qua cái đêm bực nhọc ở trên xe hỏa. Cái việc nhỏ ấy khiến cho nàng cảm hứng được bài « Biết Anh ».

. . . .

Còn anh, em đã gặp anh đâu!
Chỉ cảm vần thơ có những câu
Âu-yếm, say sưa đầy cả mộng,

Xui lòng tư-tưởng lúc đêm thâu.

. . . .

Kịp nghĩ miệng đời hay mỉa mai,
Tảng lờ ngừng bước và im hơi.
Mộng hồn em gửi theo chiều gió
Để được gần anh ngỏ ít lời.

. . . .

Ở Nha-trang, nàng đến thăm Quách-Tấn và đưa bài ấy cho Tấn xem. Tấn lại gửi ra Qui-nhơn cho Hàn-Mạc-Tử. Tử cảm-động vô cùng, viết thư vào thăm Mai, thì nàng lại đã đi Phan-thiết mất. Trí cảm-hứng ra bài « LƯU LUYẾN » :

Chửa gặp nhau mà đã biệt ly
Hồn anh theo rõi bóng em đi.
Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió
Lưu-luyến bên em chẳng nói gì.

. . . .

Anh đã ngâm và đã thuộc làu
Cả người rung động bởi thương đau.
Bởi vì mê mẩn, vì khoan khoái,
Anh cắn lời thơ để máu trào.

. . . .

Em đã nghe qua, em đã hay,
Tình anh sao phải chứng mê say.
Anh điên, anh nói như người dại
Van lạy không gian xóa những ngày...

. . . .

Từ đấy, cuộc giao-thiệp bằng thư tín giữa nhà thi-sĩ và Mai cứ tiếp-tục.

Đầu năm 1938, nàng về Thanh-hóa thọ tang cho một người bà con rồi trở vào Qui-nhơn. Mai vào Qui-nhơn và quyết đến thăm Hàn cho tận mặt. Nhờ người ta mách cho, nàng đã biết trước là thi-sĩ mắc bệnh hủi. Nàng đến ba dạo, ba dạo nhà thi-sĩ không chịu cho thấy mặt. Chàng chỉ ngồi trong buồng kín nói ra. Chàng ngâm thơ cho nghe. Rồi Mai lại cáo từ ra về. Nhưng Mai không chán nản. Nàng càng sốt sắng hơn. Nàng vận-động đủ cách để trông cho được gặp mặt người hủi tài hoa kia, mà nàng chắc là phải ghê tởm lắm. Đáng lẽ phải đi Saigon ngay, nàng vẫn ở nán lại Qui-nhơ.

Nàng viết cho Hàn-Mạc-Tử : « Nếu anh không mắc bệnh này thì Mai không bao giờ lại thăm đâu. Đã tưởng-tượng bao nhiêu cái rùng rợn của người đau bệnh ấy rồi, nên không sợ. Cứ cho gặp đi ! Vì không bởi vì lẽ gì mà Mai giảm bớt tình yêu đâu...» Ngay bấy giờ, nàng đã nói đến tình yêu rồi đấy. Nhà thi-sĩ giữ vững không sờn. Chàng hẹn hãy đợi cho vài tháng để đi Gò-Bồi uống thuốc cho thực lành mạnh rồi về hãy cho gặp mặt.

Nhưng mà đợi lâu quá, chẳng thấy chàng đi đâu hết. Mai nóng cả ruột. Qui-nhơn không phải đất dung túng được nàng. Nàng chỉ là một gái bơ-vơ cô-độc mà sự đói rét vẫn rình chờ. Ở nán lại Qui-nhơn bấy lâu nàng đã hy-sinh cho hồn thơ nhiều lắm! Nàng thử một lần cuối cùng nữa. Hàn-Mạc-Tử mới chịu ra ngồi tiếp chuyện, nhưng bắt buộc nàng phải bịt mắt lại và lấy danh dự mà thề rằng trong suốt buổi gặp gỡ nàng sẽ không kiếm cách nhìn trộm chàng.

Sẵn khăn chế bịt cho người cô mới mất, nàng lấy che mắt lại và ngồi đợi. Một tiếng bước chân khệnh khạng nặng nề và không vững từ buồng đi ra. Hàn-Mạc-Tử ngồi lại bàn và hai người nói chuyện với nhau lần đầu. Họ nói lâu. Hàn-Mạc-Tử ngâm thơ mình. Chàng cảm-động đến nghẹn cả lời. Nàng thì khóc nức nở. Về sau Mai sẽ bảo rằng cuộc nói chuyện hôm ấy là cái kỷ-niệm quí báu nhất trong đời nàng, và không vì một sự hạnh-phúc gì trên trần-gian mà nàng chịu đổi thân thế nàng cùng cái kỷ-niệm ấy.

Mấy hôm sau, vì có lời mẹ chàng và Hiếu, em trai chàng nói vào, vả không còn nghi ngờ ở lòng thành thực của Mai nữa, Hàn-Mạc-Tử mới tiếp nàng tự do, không che

đậy gì nữa.

Lúc bấy giờ vào khoảng hè năm 1938. Nàng từ giã nhà thi-sĩ để đi, bảo là để « thu xếp cho xong một đôi công chuyện bỏ dở ở Phan-thiết và Saigon ». Nàng hẹn chừng vài tháng nữa thì trở về ở lại với thi-sĩ để săn sóc thuốc men cho chàng tận tay.

Hoa phượng nở, rụng đỏ cả mặt đường. Ở đọt những cây dừa già cao lõng khõng như những cô gái già chưa quên được nết làm đỏm, õng ẹo nghiêng mình soi bóng xuống gương nước sông im lặng, đôi chim cu cườm vẫn không mỏi cổ nhắn nhủ cảnh thu sắp về. Hàn-Mạc-Tử đã đổi chỗ ở ba bốn lượt thì một hôm, đầu trùm khăn theo kiểu đàn bà miền Nam, tay xách va-ly, Lê-Mai vui vẻ bước vào. Bất giác nhà thi-sĩ tính nhẩm trong trí cái thời-gian từ khi Mai từ giã ra đi đến ngày hẹn trở về tức là bây giờ : Hai tháng vừa đúng ! Làm sao một người đàn bà phiêu lưu, lãng mạn, phóng túng, giang-hồ, không có cái gì bắt buộc phải làm theo một cái gì, ừ, làm sao người ấy lại đứng đắn được đến thế, lại thành tín được đến thế.

Nàng có mang theo một món tiền mà với muôn ngàn dè dặt, nàng đưa tặng cho nhà thi-sĩ để chàng uống thuốc, và quyết định ở luôn

tại nhà chàng.

Hàn-Mạc-Tử không còn biết xử trí ra sao nữa hết. Nàng yêu chàng thực tình chăng? Quả tim đã rạn của chàng khiến chàng phải nghi ngờ về sự bồng bột ấy. Và chàng không thèm giấu giếm ý nghĩ của mình.

Nhưng Mai mặc kệ. Nàng đã ở đấy, nàng cứ ở mãi, không đi nữa. Nàng đi chợ, nấu ăn, sắc thuốc, giặt quần áo cho nhà thi-sĩ.

Một đôi khi, chạnh tưởng đến thân thế của mình, đến cảnh ngộ mình :

. . . từ ngộ biến đến giờ
Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa,

người đàn-bà lỡ bước ấy vụt thoáng thấy một làn sóng ân hận vồ chộp lấy lòng:

Còn đâu nữa anh ơi tình duy nhất,
Của tim em hồi còn hãy thơ ngây,
Nay xóa mờ tan tác đám mây bay ;
Theo giòng nước hững hờ trôi đi mất...

Nàng tâm tâm niệm niệm sẽ đem hy-sinh cái đời của mình vào việc thờ-phụng chàng — nàng đã thề với chàng như vậy — nàng tự thề với nàng như vậy. Muốn nhớ luôn luôn đều ấy, nàng viết nó lên giấy, đề nó vào trong thơ nàng.

Rắn rỏi, nhà thi-sĩ đáp lại, nửa bỡn nửa thực:

. . . .

Viết bằng chữ là thơ không kín đáo.
Giơ tay thề mà ai chứng lòng cho
Tôi thương em không cần phải so đo,
Vì trinh-tiết há bằng hương vạn đợi?
Không dò xét, mặc cho lòng giả dối
Tôi cười thầm tình ái dại vô song.

Đánh lừa — ĐAU-THƯƠNG

Hình như thi-sĩ đã trở nên khắc-nghiệt. Nhưng không. Đấy là cái mặt nạ ở ngoài để che sự rung động mà chính thi-sĩ lấy làm thẹn mà nhận thấy lòng mình còn có.

Chàng vui lòng để cho nàng ở lại.

Hàn-Mạc-Tử không thể hờ hững trước một mối tình chân-thật và tội nghiệp như thế. Chàng trả lời lại nàng:

Cười cho lắm cho dầm dề nước mắt
Chết ruột gan mà ngoài mặt như không.
Anh nhìn Mai chua xót nửa tấm lòng
Không biết nói làm sao cho da diết...

. . . .

Đây Mai-Đình tiên-nữ ở Vu-sơn
Đem mộng xuống gieo vào muôn sóng mắt!
Nàng, ôm nàng hai tay ta ghì chặt
Cả bài thơ êm mát lạ lùng thay!
Ta là người uống muôn hận sầu cay

Nàng là mật của muôn tuần trăng mật.
Ôi! khoái trá thấm dần vô thể chất!
Hồn trong xương ảnh-hưởng đến mê tơi
Quí như vàng, trọng như ngọc trên đời
Mai, Mai, Mai là Nguyệt-nga tái thế...

Tuần trăng mật kéo dài đến hơn hai tháng. Một nhà thơ phung với một cô gái đi giang-hồ, một cốt chuyện ly kỳ làm sao! Một luận đề đối ngẫu khêu gợi làm sao! Giá như cụ Victor Hugo còn sống, có lẽ cụ còn thích hơn cái luận-đề Marion de Lorme của cụ nữa.

Nhà Hàn-Mạc-Tử nghèo. Nghèo quá đi nữa kia. Lẽ cố nhiên là Mai cũng phải chịu gánh lấy một phần khốn khổ ấy, ngoài sự đau đớn bệnh hoạn của người yêu.

Chừng nào mà người trong nhà không phải than phiền về sự có mặt nàng ở đấy thì nàng cứ ở. Ngoài công việc săn sóc đỡ đần cho người bệnh, khi rảnh rang nàng lại giở nghề ngâm vịnh cùng người yêu. Nếu đầu đề thơ có động chạm đến kẻ cố-nhân của nhà thi-sĩ thì nàng không ngại ngùng mà nỗi ghen thật sự. Đoạn trước đã nói câu chuyện xô xát nhau vì bài thư « Thân Tàn Ma Dại ». Nàng phân bì :

Mộng Cầm hỡi! Nàng là tiên rớt xuống.
Hay là vì tinh tú giáng trần gian?

Diễm phúc thay, sung sướng biết bao vàn
Đầy đủ quá, nàng thương chăng kẻ thiếu?
Tôi là kẻ thiếu nhiều và thiếu lắm
Đã ra người hành khất bấy lâu nay
Mà người đời toàn ban vị chua cay !...

Chẳng những nàng ghen với Mộng-Cầm mà thôi, lại còn ghen trăng ghen gió nữa, ghen trăng chính nói về nghĩa đen đấy. Ai cũng biết Hàn-Mạc-Tử thường bị con trăng ám ảnh một cách đặc biệt. Hễ đêm nào có trăng là không thể nào chàng hờ hững với trăng được. Mai-Đình nữ-sĩ, như tất cả các người đàn bà biết tự-trọng, lấy thế làm bất bằng.

Nàng muốn rằng khi đã có nàng một bên rồi, thì nhà thi-sĩ không được chú ý đến bất kỳ cái gì ngoài nàng nữa.

Hôm nay sáng tỏ cung Hằng
Khiến lòng em nhớ đêm rằm bên anh
Hãi hùng, em sợ trăng thanh,
Vắng em, anh lại tư tình cùng trăng !

. . . .

Trên kia đã nói tuần trăng mật của cặp tình-nhân đau khổ ấy kéo dài được hai tháng. Gia-đình Hàn-Mạc-Tử đang ở vào cái thời kỳ khốn đốn nhất. Nhà thi-sĩ thiếu tiền uống thuốc, thiếu đến cả tiền ăn. Mai, con người ngoài ấy bỗng nhiên tự thấy mình thừa. Một

ngày kia, nàng khuyên chàng nên vào Qui-Hòa ở, nàng xin đi theo, chịu cùng ở luôn trong ấy. Nguyễn-Trọng-Trí hẹn để vài bữa, thong thả nghĩ cho kỹ đã. Đêm ấy, Mai thấy chàng không ngủ. Sáng ngày chàng trả lời rằng chàng nhất định ở nhà thôi.

Vài hôm sau, Mai với chàng từ giã nhau. Hai người cùng ôm nhau khóc. Tình thế bắt buộc như vậy. Và có lẽ số kiếp Mai cũng thế. Đi lang thang và đau khổ ! Nhưng từ nay, mặc dầu ở đâu, chân trời ven biển, con người lưu lạc ấy vẫn giữ một mối tình thiêng liêng đối với thi-sĩ mà sự không làm khuây khoa vui-vẻ được suốt đời nàng sẽ là một mối tiếc hận vô-cùng.

Từ đấy, lâu lâu, ở tự một góc trời xa xăm nàng lại gửi về thi-sĩ một bức thư, trong ấy như một người con gái ngây thơ đầy nũng nịu, nàng tả nỗi nhớ nhung và ghen tức vì sự xa cách gây nên.

Để đùa cho vui, chàng đem lời trong một thư nàng, sắp đặt lại thành thơ. Ấy là bài «Thao Thức » đầy linh động và mầu tươi, nó tỏ rõ thiên-tài của thi-sĩ hết sức rào rạt :

« Lạnh quá ánh trăng không sáng mấy
« Cho nên muôn dặm ở ngoài kia
« Em đang mong mỏi em đang nhớ

« Bức rức lòng em muốn trở về...

« Nhưng xa xuôi quá biết làm sao ?
« Lấy tri tương tư đo được nào ?
« Em mới vùng vằng em thở dốc
« Tình thương trong dạ cứ xôn xao.

« Thôi em chán quá, em buồn quá !
« Anh của em giờ cười với ai ?
« Nói những gì đâu, tức tối lạ !
« Em hồ nghi mãi, giận không thôi... »

Lạnh quá ánh trăng không sáng mấy,
Cho nên chăn chiếu vẫn so le. —
« Nếu hay thương nhớ là thương nhớ
« Em dại gì đâu, ngủ thiếp đi. »

CUOC SONG HANG NGAY

Từ lâu, Hàn-Mạc-Tử đã tập được đức-tính an vui trong nguồn đau khổ. Chàng đã tự tạo cho mình một cuộc đời tạm gọi là yên ổn, mà mỗi ngày trời đều đều trôi theo một chương trình ấn định sẵn. Ta hãy nghe chàng kể công việc của chàng trong một ngày :

« Buổi mai ngủ dậy, Trí đọc kinh trước hết, kế dơ tay lên, dơ tay xuống tập thể thao, rồi súc miệng rửa mặt và lên giường ngồi đợi... ăn. Ăn xong, Trí lại đọc kinh. Rồi đi bách bộ trong nhà và ngâm thơ vang lên. Ngâm độ nửa giờ như thế, rồi lại giường nằm nghỉ 15 phút, rồi không đọc thơ Baudelaire hay Lamartine thì lại hí hoáy viết hoặc thơ hoặc thần, hoặc gạch đặt lên giấy những chữ

Mộng-Cầm. Thế là nhớ thương xa vắng dồn lại trong lòng, Trí lại lặng yên để mơ tưởng và nghĩ đến câu thơ của Mộng-Cầm :

...Rồi có khi nào trong phút giây,
Trăng lên khỏi núi, gió đùa mây,
Thì anh nên nhớ người năm nọ,
Xưa đã cùng anh sống những ngày...

« Từ 10 giờ đến lối 10 giờ rưỡi là Trí lại đi nằm và nửa giờ sau, đọc kinh và ngâm thơ. Buổi trưa ăn cơm xong, cũng tráng miệng bằng cách ngâm ít bài thơ rồi thì đi ngủ cho tới ba giờ chiều. Lại đọc kinh, lại ngâm thơ, lại làm thơ, lại nhớ, lại nằm. Buổi tối, sau khi ăn xong, cũng vừa đi bách bộ, vừa ngâm thơ một cách sung sướng nhất đời. Cả ngày chỉ ngâm thơ và đọc kinh là nhiều hơn cả. Ngày nào cũng như ngày ấy, không thấy buồn lắm, và ngày nào cũng mong mỏi một cái gì, một hình ảnh, một bóng người đến viếng, một phong thư, một tờ nhật báo... »

Trong khi đi sưu tầm tài liệu về nhà thi-sĩ, tôi có tìm thấy ở trong một nhà trọ của chàng, một mẩu báo dán lên khung cửa sổ tre, đã nhầu nát vàng vọt, và nhìn lối in chữ và hình ảnh tôi biết ngay là báo « Vì-Chúa ». Đoạn bài đăng trong mẩu báo ấy nói về nguồn an-ủi trong bệnh tật, cho rằng sự đau ốm là do

Đức Chúa Trời ban xuống cho ta, để thử lòng ta, nên chẳng những là ta phải chịu một cách nhẫn nhịn mà lại còn nên vui vẻ bằng lòng nữa. Chắc rằng mẫu báo ấy đã từng làm bài kinh nhật-tụng của Hàn-Mạc-Tử và đã có ảnh hưởng tốt đẹp đối với chàng.

Thế là Hàn-Mạc-Tử đã học được cái đức nhẫn nại của Cơ-Đốc-Giáo mà chàng là một tín đồ rất nhiệt-thành.

Musset thì nói : « Không có gì làm cho ta cao quí hơn là một mối đau thương lớn ». Vigny thì dặn : « Rên siết, khóc lóc là đớn hèn ». Trần-Loan-Anh giải vây cho Tiết-Cương xơng, cũng dỗ dành chồng thương tích đầy mình, bằng câu : « Gian nan là nợ anh hùng phải vay ». Chính Hàn-Mạc-Tử, trong cái thuở đau khổ nhất của mình, cũng đi khuyên kẻ khác : « Gian nan lao khổ là trường luyện chí anh hùng, muốn thành một kỳ nam tử, phải trải qua tất cả điêu đứng, tủi nhục ». (Thư ngày 11 Septembre 1939).

Yên lặng ! Chỉ một mình mình biết, một mình mình hay ! Yên lặng như cô gái giang hồ kia, khi đã trở về già, mang theo một chứng bệnh mắc phải tự thuở truy-hoan :

Buồng em vắng vẻ một mình em.
Gió lạnh, người quen biếng lại tìm.

Cô độc, đời em cô độc mãi !
Đố hề em thốt tiếng gì thêm.

. . . . . . : . . . .

Cũng có lúc những tư-tưởng buồn chán bi thương rào rạt quá, tràn ngập cả tâm hồn, thì cái áo điềm nhiên an phận không che đậy cho khắp được nữa. Trong giấy má chàng để lại, ta thấy rõ sự gượng gạo, một niềm chua xót nhẹ nhàng mà chàng quên không để ý đến.

Kể lại việc dọn nhà một lần nữa để đi ở đậu một chỗ khác chàng viết :

« Ở đây, tôi chẳng có sách vở báo chí gì cả, thủy chung chỉ có một cuốn Rousseau, coi hoài coi mãi. Khổ nhất là không có viết mực để viết, sắm bao nhiêu bọn con nít trong nhà nó cũng phá, và mỗi khi thiếu là mượn cùng cả xóm mà không có.

« Tuy cực khổ thế mà tôi vẫn an vui, ngày nào cũng có cười cả. Nếu là không cười với ai, thì lại cười với một mình, xem ra thú vị không biết mấy ? »

Trong câu nói đơn sơ ấy, người ta nhận thấy một mối si gan ghê gớm, khiến cho người ta phải rùng mình, như đứng trước một cái gì không thuộc giống người, một thứ gì của yêu quái đưa ra để mà nhát người thường.

Hàn-Mạc-Tử là người mang một tình-trạng tâm-hồn hết sức phiền phức, mâu-thuẫn nữa, một tâm-tính kỳ lạ nó làm cho nhà thi-sĩ sai lạc hẳn cái quan-niệm về hạnh-phúc ở đời. Hàn-Mạc-Tử đã từng cảm thấy những sự trái ngược mà các nhà phê-bình của John Keats gọi là những nỗi đau khổ trong nguồn vui sướng, và những nỗi vui sướng trong nguồn đau khổ (les douleurs de la joie et les joies de la douleur). Đời của nhà thi-sĩ trứ-danh ở đầu thế-kỷ thứ 19 của nước Anh ấy thật đã giống hệt đời Hàn-Mạc-Tử của chúng ta. John Keats ho lao. Hàn Mạc-Tử phung. Cả hai đều đau khổ da diết đến nước không còn phân biệt được khi nào là hoan lạc, khi nào là đau-thương. Cả hai đều khóc khi người khác cười và đã cười về những đều mà người khác phải khóc.

Cho nên cái vui và cái buồn kia của những thiên-tài bệnh hoạn ấy là những đều khó mà lường được, và chỉ tổ làm cho người phàm thêm kinh dị mà thôi. Nỗi chua xót chất chứa trong mấy hàng chữ của Hàn-Mạc-Tử đã chép trên, chưa rõ rệt tha thiết bằng ở bức thư sau đây gửi cho Trần-Tái-Phùng. Sau một đôi câu châm biếm đầy ý-vị, đầy tinh nghịch, Hàn vui hẳn lên, quên lửng đi

trong giây lát nỗi thống-khổ của mình, rồi hình như sực nhớ lại, chàng liền viết :

« Ha ha ! Chao ôi ! Hôm nay thế mà cười ngã nghiêng, ngã ngửa, không biết có phải là vui nhiều lắm không ? Anh Phùng ơi ! Anh thử đem hơ lửa cái thư này xem thử có tiếng gì rên siết không :

« *Hôm nay vui quá, anh Phùng ơi !*
Buồn xa không đến, lệ không rơi ;
Buồn không thắt ruột, tình không lại,
Cười, nói, làm sao cho hả hơi ? »

Đau-Thương giam cầm không kỹ, thoát lọt ra trong một biến-thể mới, dị kỳ, quái gở, thật đã đáng rùng mình.

Tuy nhiên có một cái may lớn cho Hàn-Mạc-Tử là bẩm-sinh chàng có đức-tính hoát-đạt, vui vẻ. Không bao giờ chàng phải bực tức lâu vì một việc gì mà trong ấy chàng không cố tìm cho ra một lý-do, để mà bằng lòng. Một cái không chi cũng có thể làm cho chàng đương buồn trở nên vui, mà vui một cách thẳng thắn, thật tình !

Người con trai bệnh hoạn ấy có một tính tình dễ thương quá đỗi. Không bao giờ vì đau khổ của mình mà chàng đâm gắt gỏng với người trong nhà, mặc dầu xưa nay chàng vẫn là con nuông. Biết mình đã làm tội gia-

đình nhiều, khi nào đối với mẹ, với chị em, chàng cũng tươi vui, nhũn nhặn. Đối với tôi tớ, láng giềng, chàng hết sức mềm mỏng.

Hồi chàng ở trọ tại xóm Gành-Ráng cứ mỗi buổi sáng mai là có thằng Hành người nhà bới phần cơm cả ngày cho chàng. Chàng thường ăn cơm với độc một vị cá kho. Bệnh chàng buộc phải thế. Một hôm loay hoay sửa soạn thế nào, Hành quên mất chén cá. Chàng dặn người ở về giấu chuyện ấy đi, chẳng lại bị mẹ chàng rầy, rồi suốt hôm ấy, đành ăn cơm trộn với nước chè. Ngày mai thấy có bới món cá sở-trường, chàng tỏ vẻ thích chí lắm, bảo : « Bữa cơm này chắc ngon bằng hai. Chỉ thấy cá là đã rỏ cả nước miếng. Hôm qua Hành không quên bới cá, làm chi hôm nay tôi biết thèm ? »

Nơi con người ấy mà Số-Mệnh ác-nghiệt cứ theo đuổi một cách tàn khốc nhường kia, trời còn phú cho một tính dễ dãi, hòa nhã, giúp thêm vào một khiếu mẫn-tiệp tài tình. Nói được một câu nói hay, tìm được một lời ý-nhị, chàng đủ thấy tự mãn, và lấy làm vui thích lắm rồi. Và vì thế, chàng không hề bỏ lỡ một dịp nào để mà khôi hài. Bàn về thơ của chàng, chàng viết cho bạn :

« Trong những bài thơ gửi cho anh đây có bài « Lượng Vàng » (thuộc tập THƯỢNG-

THANH-KHÍ) mà tôi thích nhất là hai câu chót.

Lượng vàng ai bán
Nửa đài Cô tô!

«Anh thử tưởng-tượng xem người ta định mua phía nào, phía có Ngô-vương hay là phía Tây-Thi. Và lượng vàng đây, tôi muốn nhờ anh đưa chị xem thử nó là vàng thập hay vàng bát và có thể nào đem ra tiệm cầm bán được không? Nói chơi đấy, chứ đây là vàng trăng, thứ vàng lấy ở cung Quảng-hàn, chứ không phải như vàng Sầm-sơn đâu.»

Hồi nghỉ hè năm 1940, chàng ở nhà trọ trên nhà quê về Qui-nhơn thăm mẹ, chàng viết:

« Tôi thuê xe dạo cùng cả thành-phố, tôi có gặp mấy chị học-sinh Đồng-Khánh trên ga đi về. Có chị đi không muốn nổi, chắc là đói bụng lắm.»

Cũng nhân dịp nghỉ hè ấy, gửi thư hỏi thăm chuyện Huế, chàng dò la:

« Lễ phát phần-thưởng ở trường Đồng-Khánh, anh có đi xem đến không? Thế một khi người ta ra về hết, thì cái trường ấy mới nghĩ thế nào? Có ai bỏ sót lại thứ gì chăng? »

Thật là không còn ai có thể «thi-sĩ» hơn thế nữa.

XUAN NHU Y
THUONG
THANH KHI

Qua một năm điên cuồng, trong thời kỳ ấy mạch thơ của Hàn-Mặc-Tử luôn luôn được khươi động, nghệ-thuật của thi-sĩ đã tiến lên nhiều. Hồn thơ của thi-sĩ càng ngày càng xa cõi thế-gian và mọi thứ tình tứ của người thường, như một làn trầm hương bốc tỏa lên cao, cao mãi, khi thơ của thi-sĩ cũng vượt ra ngoài cả bầu không khí trần-gian mà dâng lên tận những tầng khinh khí thiên không, những vùng trời, cao khiết đến không hề nhuốm lấy một hạt bụi nhỏ, thanh-tịnh đến không hề rộn lấy một tiếng động chạm. Cũng như con tằm tự xây cho mình một cái nhà vàng, thi-sĩ tự tạo ra một cõi thiên đàng diễm-lệ (hơn cả thiên-đàng của Cơ-Đốc-Giáo, một Cực-lạc-

quốc mà A-Di-Đà có thể thèm thuồng, một thế giới làm bằng mầu sắc và hương hoa, ở đấy tụ họp tất cả bao nhiêu say sưa, đắm đuối, bao nhiêu ước hẹn chờ mong, nghĩa là bao nhiêu tình-cảm, bao nhiêu ý thơ, những thứ ấy đều ngả ngớn múa men trong hằng-hà sa số là hào-quang, là âm nhạc.

Ấy là tính-chất cốt yếu của hai tác phẩm thơ kế tiếp sau ĐAU-THƯƠNG, một là XUÂN-NHƯ-Ý gom góp xong vào đầu năm 1939, một nữa là THƯỢNG-THANH-KHÍ, họp thành tập vào đầu năm 1940.

Ta hãy nghe thi-sĩ cắt nghĩa cái ý chủ-yếu của mình, cái ước vọng mới là làm cho thơ vượt hẳn ra ngoài mức thường-tình :

« Cho mau lên! dồn ánh nguyệt vào đây! Lời thơ ta sẽ sáng trưng như thất-bảo, tình cảm ta sẽ nóng rang như mặt trời, ý tứ ta sẽ cao cường hơn ngọn núi...»

« Đưa ra, nào là nhạc thơm, hương gấm mộng ngọc và hoa trinh-bạch, đàn ly-tao, tranh tuyệt-phẩm...»

« Đưa ra, nào là gió chia-biệt, trăng đoàn-viên, chim tứ chiếng, mây giang-hồ, và nào là trời thành sắc, lòng nhũ-hương, niềm mộc dược!

« Vẫn là chưa bưa, chưa đã chưa nguôi

được chi muôn sao!

. . . .

« Loài người hãy cảm ơn Thi - nhân đã đổ hết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong khi miệng vẫn tươi cười sốt-sắng.

« Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió. Hãy dâng cho một tràng chuỗi trăng sao... Thi nhân sẽ vừa say sưa, vừa điên cuồng, ọc ra từng búng thơ sáng láng, phương phi như một mùa Xuân-Như-Ý. »

Cái ước vọng ấy, thi-sĩ đã hoàn toàn đạt được. Hơn thế nữa, sau đây các bạn sẽ thấy rằng thi-sĩ đã đi quá cái ý muốn của mình, đã vì quá say sưa trong không-khí mới mà lạc mất con đường tốt đẹp của mình.

Nhưng bây giờ ta hãy xét qua những chỗ nhờ đó mà thi-sĩ thành công trong quan-niệm mới đã.

XUÂN-NHƯ-Ý là tập thơ ca-tụng cái xuân thơm tho tốt đẹp của trời đất, không phải là cái xuân tầm-thường chán nản của hầu hết các thi-nhân đông-phương xưa nay, mà là cái xuân mầu-nhiệm, phương phi, như chưa bao giờ ai từng thưởng-thức.

Ta hãy nghe thi-sĩ ca-tụng cái giờ xuân

nở, cái giờ đầu tiên của năm mới, cái phút đầu của nửa phần sau đêm giao-thừa :

Trí đương no và khi xuân đương khỏe,
Nhạc đương say và rượu vẫn còn thơm ;
Nên muôn cánh thủy-tiên chưa dám hé
Trong phút giây trân trọng của linh-hồn.

. . . .

Tứ thời xuân ! tứ thời xuân non nước !
Phút thiêng liêng nhuần gội áng thiều quang.
Thiên hạ bình, và trời tuông ơn phước,
Như triều-thiên vờn-lượn khắp không-gian

. . . .

Và ta hãy nghe thi-sĩ tưởng-tượng cái mùa xuân đầu tiên, mùa xuân thứ nhất khi mới có quả đất :

. . . .

Mai này thiên địa mới tinh khôi,
Gió căng hơi và nhạc lên trời,
Chim khuyên hót tiếng đầu tiên hết,
Hoa lá hồ nghi sự lạ đời.

Trái cây bằng ngọc, vỏ bằng gấm,
Còn mặt trời kia tợ khối vàng...
Có người trai mới im như nguyệt,
Gió căng hơi và nhạc lên ngàn.

Thuở ấy càn khôn mới dựng nên,
Mùa thơ chưa gặt, tốt tươi lên,
Người thơ phong vận như thơ ấy

Nào đã ra đời ngọc biết tên ?

Xuân đầu tiên

Những tư-tưởng cao siêu thanh-khiết đã tạo ra những lời thơ cao siêu thanh khiết ấy, phần nhiều là ảnh-hưởng ở nguồn tin-tưởng vô cùng nơi đạo Thiên-Chúa. Hàn-Mạc-Tử bảo Bích-Khê rằng : « Sáng tạo là điều kiện cần nhất, tối yếu của thơ, mà muốn tìm nguồn cảm-xúc mới lạ, không chi bằng đọc sách về tôn-giáo cho nhiều. Như thế thơ văn mới trở nên trọng-vọng, cao-quí, có một ý nghĩa thần-bí ».

Trong bài tựa XUÂN-NHƯ-Ý, chàng đã kêu gọi đến phép tắc mầu-nhiệm của Đức Chúa-Trời :

« Lạy Chúa-Trời tôi ! Hãy ban cho tôi hằng hà sa số là ơn lành, ơn cả. Thơ tôi sẽ rất no, rất ớn, rất nư, trọng vọng như tài-hoa, cao sang như nhân-đức, chói chan vô vàn phước-lộc...

« Ôi ! Trời bạo-nhiên đây không phải công trình châu báu của người sao ? Lòng vô-lượng đây không phải do phép tắc mầu-nhiệm của đấng Vô-thủy, Vô-chung ? »

Chính trong cơn bệnh hoạn của chàng, mỗi lần chàng chết đi sống lại (trong mấy

năm bệnh, chàng bị chết đi sống lại đến bốn năm lần) là chàng đều cảm thấy bà Thánh-nữ đồng-trinh Maria đến cứu chàng cả, cho nên hơn hết cả muôn vì thần thánh, Thánh-mẫu Maria là đấng đáng cho chàng ca tụng : Việc ấy chàng đã làm trong một bài thơ tuyệt-diệu, mà tôi muốn làm sao cho thấu đến tòa Khâm-mạng toàn cõi Đông-dương, đến cả Tòa-Thánh đức Giáo-hoàng La-mã. Những bài thơ của Hàn-Mạc-Tử về loại đạo-hạnh như bài này có thể đặt chàng ngang hàng với nhà đại-thi-hào Pháp Paul Claudel.

. . . .

Maria ! Linh hồn tôi ớn lạnh !
Run như run thần-tử thấy long-nhan,
Run như run hơi thở chạm tơ vàng...
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn tríu-mến.

. . . .

Hỡi sứ thần thiên-chúa Gabriel,
Khi người xuống truyền tin cho Thánh-nữ,
Người có nghe xôn xao muôn tinh-tú ?
Người có nghe náo-động cả muôn trời ?
Người có nghe thơ mầu-nhiệm ra đời
Để ca tụng, — bằng hoa hương sáng láng
Bằng tràng-hạt, bằng Sao Mai chiếu rạng
Một đêm xuân là rất đỗi anh-linh ?

. . . .

Cho tôi thắp hai hàng cây bạch-lạp,
Khói nghiêm-trang sẽ dâng lên tràn ngập
Cả Hàn-giang, cả mầu sắc thiên không
Lút trí khôn, và ám ảnh hương lòng,
Cho sốt sắng, cho đê mê nguyền-ước...
Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phước,
Cho tình tôi nguyên vẹn tợ trăng rằm
Thơ trong trắng như một khối băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu ;
Cho vỡ lở cả muôn ngàn tinh đẩu
Cho đê mê âm nhạc và thanh hương,
Chim hay tên ngọc, đá biết tuổi vàng,
Lòng vua chúa cũng như lòng lê-thứ
Sẽ ngây ngất bởi chưng thơ đầy ứ
Nguồn thiêng liêng yêu chuộng Mẹ Sầu Bi...

. . . .

Thi-sĩ vì quá say sưa trong bầu không khí lạ của cõi trời mới chiếm, nên quên mất đường lối đi về, con đường nó còn dính líu với người thế-gian. Thi-sĩ đã đi lạc đường ra ngoài mức, ngoài trình độ lĩnh-hội của người thế-gian, nghĩa là ngoài cả lĩnh-hội của chính thi-sĩ nữa. Như viên phi-công trẻ tuổi kia, say sưa vì cái hơi rượu vinh-quang, sau khi đã thành công trong một cuộc phi thường mạo hiểm, cứ muốn đi xa hơn nữa, lên cao hơn nữa, cứ muốn chinh-phục thêm những

trời mới, đến nỗi một ngày kia lỡ trớn đi mãi không về, mà rồi không ai biết con người tài-hoa ấy ra làm sao nữa.

Một nửa phần XUÂN-NHƯ-Ý và hầu hết THƯỢNG-THANH-KHÍ đều làm bằng một lối thơ bí-hiểm khó mà suy-nghiệm cho ra nghĩa. Thuở sinh-thời Hàn-Mạc-Tử, đã có người nêu lên cái vấn-đề không hiểu thơ ấy và mượn chính tác-giả cắt nghĩa giùm, Hàn-Mạc-Tử trả lời : « Giải nghĩa văn thơ, thật là một vấn đề to lớn và phức tạp quá, và cứ theo như lối thơ tôi làm đó, thì phải giảng giải đến bao nhiêu trang giấy mà rốt cuộc chưa chắc người ta đã hiểu được tí gì ! Nói như anh, thấy một cành hoa mà mường-tượng ra một mùi hương, thấy một làn tinh trắng mà hình dung được cái gì thanh sạch ở thế-giới khác, thế là đầy đủ rồi. Vì tất cả thi-vị là ở đấy... Và như thế, sự cắt nghĩa đối với thơ là vô ích. Người ta cảm biết một cách tự nhiên ».

Có một sự sai lầm to tát trong quan-niệm làm thơ như trên.

Mặc dầu một tư-tưởng có cao-siêu đến đâu, nó đã ở trong một óc người mà ra, tất phải có một cái gì liên-lạc đến người, ít ra cũng phải nằm trong phạm-vi lĩnh-hội của

người thì tư-tưởng ấy mới là chân chính, có giá trị.

Không có tư-tưởng gì mà người đương thời không lĩnh-hội được mà phải chờ đợi đến những thế-hệ sau mới khám phá ra! Sự cắt nghĩa của những người gọi là sấm-truyền xưa nay chỉ là một sự lường gạt chưa tố cáo. Nguyễn-Bỉnh-Khiêm đứng về phương-diện tiên tri, và Nostradamus chỉ là những phường véo không cười, những kẻ khôi hài họ thành công vì sự ngu dại của người đời sau.

Một lời nói là có nghĩa, hay không, thế thôi. Nó đã không có nghĩa thì thời-gian không bao giờ cho nó được một cái nghĩa. Người đời sau không thông-minh gì hơn người đời trước. Sức lĩnh hội của ta không dồi dào gì hơn của người một ngàn năm xưa, và vì thế mà thơ Lý-Bạch, Đỗ-Phủ hay Mạnh-Hạo-Nhiên hay vào năm 900, đến khoảng về sau năm 1900 cũng vẫn được người ta khen ngợi bằng cái nhiệt-độ thuở nhà Đường.

Ấy là một điều ngộ nhận mà tưởng rằng người đời sau có thể hiểu thấu một điều mà người đời nay không hiểu. Hàn-Mạc-Tử thường viết: « Những người có tài, nghĩa là đi ra ngoài cái sáo củ và lề lối xưa, thường

hay đi trước sự tiến bộ. Tác-phẩm của họ chỉ làm cho những thế-hệ kế tiếp sau xem mà thôi. Chứ ở thời-kỳ này người hiểu thơ cho chín chắn vẫn là một thiểu số ». Ấy là thi-sĩ lầm. Không có sự tiến-bộ ở trong một vấn-đề hiểu thơ. Chỉ có sự thay quan-niệm thưởng-thức bài thơ, chỉ có sự người đời sau lấy cục đất mà cho nó cái thị-giá của cục vàng thì lúc bấy giờ tất nhiên nó phải hóa ra cục vàng. Thơ cũng thế. Tôi không bảo chắc là người đời sau sẽ bài xích lối thơ bí-hiểm như lối thơ hiện bây giờ một số đông thi-sĩ đang hùa theo, tôi cũng nhận rằng người đời sau có thể say mê lối ấy như hiện giờ ta say mê truyện Kiều, như ngày trước các ông cụ nho say mê lối thơ khẩu khí. Tôi đã nói, đó chỉ là một sự thay đổi về quan-niệm, một phù-khí của thị-hiếu, nhưng tôi quả quyết rằng đó không phải là tiến bộ, đó không phải là chân giá trị.

Thiên-tài của thi-sĩ nằm ở đâu? Hẳn là ở chỗ diễn-tả ra được rõ ràng minh-bạch những điều mà trí óc đã tưởng-niệm để cho những kẻ cũng đồng tưởng-niệm như thi sĩ, hay là chưa từng tưởng niệm đến, cũng có thể hình dung được các điều ấy. Tôi như tuồng đã nói ở đâu đây, ví người văn sĩ với một viên y-sĩ hộ sinh

đưa ra ngoài một cái thai khó khăn, làm cho một cái vật mờ ám, hỗn độn, bí mật bị giam cầm ở trong một bọc kín, trở thành một hình-tượng đẹp đẽ phương phi, hình tượng của Đức Chúa-Trời ! Cả một thi-phái ở Pháp về cuối thế-kỷ 19, thi-phái tượng-trưng của Mallarmé, chỉ là sự biểu lộ mối lo ngại vô ngần của thi-nhân tự thấy mình không diễn tả nổi những đều trí não tưởng-tượng ra. Cái hình ảnh tượng-trưng đẹp đẽ nhất để tiêu biểu cho thi-phái tượng trưng, ấy là một con bạch-nga bị mắc kẹt trong một hồ nước đá, quẩn quại đau thương hết sức mà không cất cánh cao bay được. Tư-tưởng của thi-sĩ, hoài thai trong bộ óc, cứ bị vương vấn mãi không thể nào thoát vụt lên đến chỗ thuần túy hoàn-toàn.

Để kết luận cho quan-niệm của mình, phái tượng-trưng cho rằng muốn cho thơ lên tới cái mức thuần-túy, phải làm cho nó bí-hiểm, tối tăm. Ngoài những ý tưởng kỳ-dị phi thường, sự cố ý làm tối nghĩa ấy đã đưa Mallarmé đến lối đổi cả mẹo luật, câu không có verbe mệnh đề cắt hai, phía giữa chen vào vài ba chữ không dính líu gì hết, bỏ cả dấu chấm, dấu phết, đổi cả lối in chữ, chữ hoa không nằm ở đầu câu nữa, mà ở sau

chót, hay ở một chữ thứ ba, thứ năm. Tiếng nói bây giờ chỉ thành những dấu hiệu, những notes âm-nhạc. Người đọc càng không hiểu chừng nào càng tốt chừng nấy.

Ấy đại-khái lối tượng-trưng, lối siêu-hiện-thực của Mallarmé và môn-đồ người.

Hàn-Mạc-Tử, nói cho đúng, quả không bị ảnh-hưởng trực-tiếp của Mallarmé hay là của ông Hàn-Lâm Valéry, người đã thừa tự lấy phần hương-hỏa của ông thủy-tổ lối thơ bí hiểm trao cho. Hàn-Mạc-Tử chưa từng đọc Mallarmé hoặc là Valéry, hay gián-hoặc có đọc thì cũng chỉ đọc sơ qua mà thôi.

Có điều này rất ngộ-nghĩnh là thi-sĩ chính bị ảnh-hưởng ở Bích-Khê, tác-giả « Tinh-Huyết », là người bạn của Hàn-Mạc-Tử và đã tôn Hàn làm thày mình.

Bích-Khê thì thuộc lòng Valéry, đã từng nghiên-cứu Verlaine, Rimbaud, và tự cho mình là hiểu Mallarmé lắm.

Cũng như Hàn-Mạc-Tử, Bích-Khê là người ở phái thơ cũ chuyển sang, và là người chịu ảnh hưởng nhiều nhất của Hàn, đồng thời với Hoàng-Diệp và Quỳng-Dao. Đầu năm 1938, Bích-Khê gửi thử cho Hàn-Mạc-Tử ít bài thơ mẫu mới làm. Hàn-Mạc-Tử khen hay và từ đấy đem lòng khuyến-khích người môn mới,

« Cái hy-vọng của tôi, Hàn-Mạc-Tử viết, sốt sắng quá, nóng nẩy quá, đã một lần đưa tôi vào sự thất-vọng chán-nản và tức bực. Gần cuối năm ấy (1938) chàng gửi ra cho tôi nhiều thơ, mà tôi chẳng lựa được bài nào cả. Tôi gửi lại chàng kèm với bức thư mà tôi đã dùng rất nhiều lời khiêu khích mỉa mai (cốt làm cho chàng tức) quả nhiên chàng giận run người lên và vội trả lời với tôi rằng : « Trong sáu tháng sẽ trở nên một thi-sĩ phi-thường, bằng không sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện làm thi-sĩ nữa. » Ngờ đâu sự hắn học của chàng đã bật nẩy thiên-tài của chàng ra, không đợi đúng sáu tháng, chỉ trong vòng ba tháng thôi, chàng đã viết được một tập thơ bằng máu huyết, tinh tuỷ và châu lệ, tất cả say sưa đắm đuối của một tâm-hồn thi-sĩ ». Ấy là tập thơ Tinh-Huyết làm theo lối tượng trưng, và chính là tập thơ đã ảnh-hưởng đến Hàn-Mạc-Tử vậy.

Để giới-thiệu lối thơ mà Hàn mới theo, Hàn viết : « Với những cảnh-trí, sự-vật rất tầm-thường, hơn nữa, tội lỗi nhuốc nhơ, rùng rợn, mà thi-nhân trái lại thấy ở những chỗ ấy là cao siêu, là nhân đức, là thơm tho, khoái lạc... Thí dụ cái sọ người. Ta không kịp rùng rợn với mảnh óc trắng trợn, với hàm

răng như tinh, thì thi-sĩ đã vội bảo ta đấy là bình vàng, chén ngọc, chứa bao chất ngào ngạt, say dại, uống đến ngất người đi cả tủy thơm, cả não mát... Cái sọ người không còn là cái sọ người nữa. Mất hết cả sự ghê rợn của sự chết, sự hãi hùng tàn phá của thời gian đối với sự vật. Để còn lại hình ảnh của « khối mộng », của « buồng-xuân », của « hồ-nguyệt ». Trước kia thối tha nhơ nhớp bao nhiêu thì bây giờ lại thơm tho, sạch sẽ, đến muốn cắn vào hàm răng trắng dễ, đến muốn rút hết chất gì ngon ngọt ở miệng, chất gì mát mẻ ở mắt, ở hai lỗ hũng, ở cái hố sâu hoắm..» (Tựa « Tinh-Huyết » của Bích-Khê).

Cái quan-niệm của Hàn-Mạc-Tử về lối tượng-trưng là thế.

Bây giờ hẳn chúng ta đã biết rằng sự du-nhập, sự thái-dụng một quan-niệm như thế trong thơ-văn Việt-Nam phải là tai hại lắm. Tai hại ở chỗ hiện bây giờ, một số người vô học-thức, muốn vừa lòe đời, vừa che đậy cái dốt của mình, đều đổ xô về lối thơ bí-hiểm ấy. Về sự bí-hiểm, sự vô-ý-thức này, tôi đã có tang chứng rõ-ràng. Mà tang chứng ấy, chính do ở người chủ trương sự nhập cảng nó, là Hàn-Mạc-Tử mà có mới là xác đáng cho! Tôi

có thấy trong tập thư của Hàn-Mạc-Tử, một câu rất buồn cười. Nó ngắn lời, nhưng mà dài nghĩa làm sao! Sau một bức thư, gửi cho một người bạn, chàng viết vào khoản tái bút rằng: « Bài thơ của X. hay quá. Tôi đọc cảm động và hiểu nhiều lắm. » Nên nhớ thêm rằng ở dưới hai chữ *hiểu nhiều,* thi-sĩ đã gạch hai gạch mực để quả quyết lời nói của mình! Thật thà thay thi-sĩ! Chứ đấy chính là sự thú nhận cái mù-tịt của thi-sĩ rồi còn gì? « *Hiểu nhiều lắm* » tức là không phải hiểu tất cả, nghĩa là không hiểu tí nào hết. Có ai đọc xong bài « Qua đèo ngang » của Bà Huyện Thanh-Quan hay bài « thi hỏng » của Tú-Xương mà đi mách với bạn là mình hiểu nhiều lắm không? Không biết tác-giả bài thơ, được phê-bình một cách xa xôi như thế có lấy làm bực mình cho cái thiên-tài của mình không?

Ở nước Pháp, không kể những người ở trong phái phản-đối kịch liệt lối thơ tượng-trưng của Mallarmé và Valéry, đến những nhà làm sách hợp tuyển dạy học trò, những người khảo-cứu văn-học-sử, cũng đều công nhận hai nhà văn ấy lắm khi có ý phỉnh-phờ độc giả theo lối « chơi ngẳng », lối « véo không cười » của người Anh.

Ở nước ta hạng thi sĩ bí-hiểm chỉ là một

bọn lường gạt thật tình, chúng khinh thị ra mặt người đọc sách của chúng, cũng như những tên phù-thủy, những tên thầy mường chữa bệnh theo lối đọc chú bằng một thứ tiếng họ bịa đặt ra.

Hàn-Mạc-Tử hoàn-toàn thành-công ở chỗ khác, đã hỏng ở chỗ này. Cũng may mà phần thơ bí-hiểm trong thi phẩm chàng không phải là phần quan-trọng nhất và cũng may mà một nguồn thơ mới khác vào khoảng đầu năm 1940, một nguồn thơ chân chính, và may mắn xiết bao, đến vừa kịp để lôi người lạc lối về đường phải.

CAM CHAU DUYÊN

Mai đã không biểu-tượng được mối tình trong sạch cao quí, tức là không gây nên được thứ rung-động nhẹ nhàng, bâng khuâng và thiêng liêng, mà lòng một người con trai nào cũng vẫn khát khao thèm muốn, người con trai ấy cũng thấy thiếu một cái gì dính-líu đến một người thiếu-nữ đồng-trinh, cho dẫu chỉ là một cuộc liên-lạc cách biệt cũng được, một cái tên cho kêu, một « kỷ-niệm bằng một trang sách, một giải lụa, hay một bông hoa hường ép khô. »

Thấu rõ tâm-trạng của nhà thi-sĩ, một hôm vào cuối năm 1939, bạn chàng, Trần-Thanh-Địch, gửi thư giới-thiệu với thi-sĩ một người thiếu-nữ Huế, bảo là tên Thương-Thương.

Tôi nói « bảo là », vì kỳ thực, đấy chỉ là một cái tên mượn. Thanh-Địch đã chụp lấy cái tên đầu tiên đến dưới ngọn bút của chàng, cái tên của một người cháu gái còn nhỏ thường rất mến phục thơ của nhà thi-sĩ, cái tên mà ngay lúc ấy chàng quả không ngờ tốt đẹp và khêu gợi đến cái trình-độ như Hàn-Mạc-Tử sẽ cho nó. Thanh-Địch là một người mạnh khỏe, làm sao tưởng-tượng được sự xoay trở của mọi sự việc qua một bộ óc bệnh hoạn ?

Dẫu sao, cái người thực mang tên ấy hoàn toàn không hay biết gì hết ! Tuy nhiên, người kia kể cũng có lỗi chút ít : có ai lại mang một cái tên diễm ảo, gợi ra những hương vị não-nùng thế bao giờ. Âu cũng là cái quả báo của những tên đẹp. Chả trách ông bà chúng ta xưa chỉ đặt cho con cháu những tên : Vện, Vàng, Thúi, Dáy.

Thế là bắt đầu một cuộc giao-thiệp bằng thư tín giữa nhà thi-sĩ và người con gái ấy, hay nói cho đúng, cô bé em ấy, vì thuở ấy Thương-Thương chỉ là một cô bé mới lên 12 tuổi, một cuộc giao-thiệp thưa thớt và nghiêm trang, trong ấy người con gái, vâng theo lời chú, trả lời qua loa nhà thi-sĩ ở trong phạm-vi văn thơ.

Ấy thế mà một nguồn thơ mới ở Hàn-Mạc-Tử cũng dấy lên được, hết sức bồng bột dồi dào.

Ngày 23-1-1940, nhà thi-sĩ viết :

« Thương-Thương, cái tên thi vị quá chừng. Thương-Thương là một bài thơ, hơn nữa, một nguồn thơ bất-tuyệt. Những hàng chữ đơn sơ của em cũng rung cảm được tâm hồn anh. Em chúc cho anh « khi nào cũng phải rào rạt bởi muôn ngàn cảnh vật xung quanh để viết ra những bài thơ huyền-diệu ». Thế là em lầm rồi. Thơ bao giờ cũng tại tâm chứ không tại cảnh. Mà nói đến tâm, tức là nói đến nguồn Thương-Thương đấy. Thế bây giờ em đã hiểu chưa ? Cảnh là điều giả dối, phù-vân, mà tâm mới chân thành, trường cửu. Ở lòng anh có Thương-Thương, nghĩa là có Thơ, có nguồn thơ vĩnh viễn đấy. »

Ngày 11-3-1940, chàng lại viết :

« Từ nay hình ảnh em sẽ đến với anh mãi trong trí-tưởng. Em sẽ là Nàng-Thơ của anh. Cứ nghĩ đến em, thế là vui sướng lắm rồi, quên hết cuộc đời tân-khổ, gian lao. Mà sau này, văn-thơ anh ảnh-hưởng ở em, nếu có chút giá-trị gì đối với văn-học, cái công của em không phải là nhỏ. »

Một mối tình vô cớ, mông-lung, vơ-vẩn,

nổi lên trong lòng người con trai đau khổ ấy. Lắm khi trong cái thanh vắng tịch-mịch của gian nhà hẻo-lánh, tâm-hồn bệnh hoạn của chàng tưởng-tượng đến bóng người mà chàng chưa từng trông thấy, rồi một mối buồn nhớ không đâu cũng kéo đến tràn ngập cả ý chàng.

Chàng cũng tự biết mình cảm một nỗi vô duyên, nhưng ai tự chủ được cơn phát triển của lòng ? Chàng vừa hổ thẹn mà để cho nước mắt tràn ra !

Sầu lên cho tới ngàn khơi
Ai đâu ráo lệ, chưa lời nói ra !
Chiều nay tàn tạ hồn hoa
Nhớ Thương Thương quá xót xa tâm bào!
Tiếng buồn đem trộn tiêu tao
Bóng em chờn chợ trong bao nhiêu màu.
Nghe ai xé lụa mà đau
Gió than niềm gió biết đâu hẹn hò.
Đừng ai nói để thương cho
Lỡ ra lạnh nhạt đền bù sao cam ?
Chiều nay chẳng có mưa dầm
Mình sao nước mắt lại đầm đìa tuôn ?
Ồ ra lụy ngọc nôn nôn,
Có bao giờ hết nỗi buồn vô duyên.

Nỗi buồn vô duyên THƯƠNG-THƯƠNG

Nửa đầu 1940, Hàn-Mạc-Tử dùng để viết

những bài thơ do nguồn Thương-Thương mà nẩy nở ra, và hai kịch thơ, tất cả nhà thi-sĩ đã tính góp lại làm thành một tập dưới nhan-đề là THƯƠNG-THƯƠNG. Nhưng sau vì một chuyện lôi thôi nho nhỏ, chàng đổi ra gọi là CẨM-CHÂU-DUYÊN. Hai kịch thơ, một là DUYÊN-KỲ-NGỘ, một nữa là QUẦN-TIÊN-HỘI. Chúng ta không thể bỏ qua mà không xét đến hai tác-phẩm tân-kỳ có một không hai ấy của văn-học Việt-Nam. Chúng ta có thể tự hào rằng đến cả văn-học Thái-tây, danh tiếng lẫy lừng nhất thế-giới như những kịch Anh của Shakespeare, và Lord Byron cũng không ăn đứt được.

Ấy là những kịch thơ vui mà cốt chuyện rất đơn sơ để cho khỏi nói là không có gì hết.

DUYÊN-KỲ-NGỘ là chuyện nhà thi-sĩ Hàn-Mạc-Tử đi tìm một nguồn thơ mới lạ, lạc lối vào một chỗ nước non thanh-tú, trong ấy những suối, những chim, và những tiếng tiêu theo hầu chàng, gặp gỡ nhau, chào mời nhau trong những lời thanh-tao kiều-diễm, rồi đồng thanh ca-ngợi tài hoa của chàng bằng những khúc hát mê ly.

Lời Suối Reo :

Ồ sự lạ ! Đã muôn đời thế kỷ

Đất Linh-sơn in dấu vết phàm-nhân !
Ta reo lên với đàn thông rủ rỉ,
Cho lay bay tình ý ở xa xăm.

Xin mời chàng tài hoa thi-sĩ đó
Ngồi xuống đây bên thảm ngọc vườn châu.
Hai tay chàng thử vốc vào nước nọ,
Mát tê đi như da thịt nàng dâu... .

Lời Chim Hót :

Ơi chàng kia thực ra chiều phong vận
Hãy nghe ta cao hót khúc bình-an !
Này mặt nhật tròn vo đương sáng láng,
Gió đương lên, đương quyện tiếng lòng ngân.

. . . . : . . . . , ...

Chàng Thi-Sĩ say-sưa đáp lại :

Nắng càng cao lòng ta càng hừng-hực,
Thơ lên rồi, bay quá giải nhàn vân,
Mùi hương đâu trong lời ca sực nức,
Giợn hư vô, rung-động cả phong-trần. .

Rồi bỗng nhiên linh-cảm nhắc cho chàng hay rằng có sự lạ sắp xẩy ra, tức là có Nàng Tiên sắp đến, chàng kêu :

Ôi chao ! Mê ! toàn châu thân khoái cảm
Như đêm xuân uống phải rượu Quỳnh-tương !
Không đâu mà có điều chi vừa chạm

Đến tâm-linh để báo hiệu phi-thường ?

Thế là nàng Thương-Thương ra. Rõ là một vì tiên-nga, một nàng Bạch-Tuyết vô cùng ngây-thơ, trong sạch : ngơ-ngác như buổi xuân đầu tiên trong vũ-trụ, nàng tự hỏi :

Mây bay, theo với mây bay
Mình sao ra nước non này mà chơi ?
Sáo ơi, dìu dặt khơi vơi !
Buông mau âm điệu để rời nhân-gian
Nắng cao, ý muốn lan tràn,
Ở đây vắng vẻ, cây ngàn suối reo.

. . . .

Thế rồi hai người gặp nhau. Thế rồi mối tình-duyên bắt đầu nhóm đượm. Bao nhiêu mê man, bao nhiêu say đắm, bao nhiêu tình-tứ thanh-thoát cao siêu thay đổi giữa một trời nồng hương âm-nhạc, reo lên như châu báu chạm nhau, trong khi cả suối, cả chim đều phụ họa theo, làm một ban hợp xướng vô cùng uyển-chuyển.

Nhưng mà rồi chàng nhớ ngay đến địa-vị thất thế của mình, đến cảnh-ngộ tuyệt-vọng của mình.

Bây giờ đây khóc than niềm ly-hận,
Hỡi Thương-Thương người ngọc của lòng anh !

Ta nhìn em với bao lời ta thán,
Khiến hoa chim nghe được cũng không đành.

Thế là chàng vĩnh-biệt nàng, mang tiếng tiêu ra đi với một tấm lòng héo don sắp chết :

Anh chỉ ngó say em trong chốc lát
Để hồn thơ rào rạt với mây bay
Gần em luôn để hưởng bao khoái-lạc —
Thưa em, không, anh đâu dám mê say !

Một mai kia, ở bên khe nước ngọc,
Với sao sương, anh nằm chết như trăng.
Không tìm thấy nàng tiên mô đến khóc,
Đến hôn anh và rửa vết thương-tâm...

Đại khái ý tứ, lời thơ và nhạc điệu của bản kịch DUYÊN-KỲ-NGỘ là thế.

QUẦN-TIÊN-HỘI là bản kịch nối tiếp theo chuyện DUYÊN-KỲ-NGỘ. Kịch này viết chưa xong. Nó có phần diễm-ảo, « tiên cốt » hơn kịch trước nữa. Nhưng tựu-trung văn-khí và âm-nhạc cũng giống như DUYÊN-KỲ-NGỘ. Cốt chuyện tóm tắt như thế này : Nhà thi-sĩ Hàn-Mạc-Tử không chịu đựng nổi sự chia ly với nàng Thương-Thương, bèn cũng đi tu tiên, rồi cải trang làm một vị tiên-nữ, lấy tên là Huyền-Tiên, nhập vào Quần-Tiên-Hội là chỗ nàng Quỳnh-Tiên (tức là Thương-Thương) nhóm họp cùng bạn đồng-đạo, để

cùng nàng nối lại cuộc tình duyên không dứt được. Sau khi dự tiệc hội Bàn-Đào và uống rượu Xuất-thần-tửu, do những con vượn mời dâng, chàng ra đứng xem các tiên-nữ xuống tắm ở hồ sen, trong khi riêng chàng không tắm, lấy cớ là say quá. Chàng mê man đứng nhìn Quỳnh-Tiên mà sắc đẹp điêu hồn làm cho tất cả các bạn đồng-đạo phải say sưa chọc ghẹo. Chàng nghe nàng tiên Hoa-Khôi hát :

Liên hồ đây, bốn mùa xuân cả bốn,
Ngát hương đưa trong gió sớm chơi vơi ;
Làn nước mát và chưa bao giờ bợn
Vết phong trần đưa lại ở xa khơi.

(Nàng hái lấy một hoa sen rồi đánh nhẹ vào đôi vú của Quỳnh-Tiên).

Ghê thay cho cô Quỳnh-Tiên diêu động,
Xuống đây mà đứng sựng để làm duyên,
Bao nhiêu cá lặng chìm theo tăm sóng,
Bao nhiêu hoa thầm sợ vẻ hồn nhiên.

Có Thiềm-Tiên và Nguyệt-Tiên, có lẽ là hai vị tiên đã đứng tuổi, họ tự thấy có bổn phận phải la rầy em út :

Thiềm-Tiên và Nguyệt-Tiên (đồng reo lên):

Đây mùi đạo vẫn còn thơm ngan ngát,
Mà ai cho các chị nói tình yêu ?
Ai cho thỏa bao niềm mong rào rạt,
Mà ai cho lòng ngọc tỏa phiêu phiêu ?

Nhưng mà các vì tiên non đã quá say sưa vì mối tình hoài mới khươi đượm, nào có chịu nghe những lời nghiêm-huấn khô khan kia ! Hoa-Khôi là nàng tiên yêu quái đã đánh thức cơn rung động ở lòng các tiên-nương, đánh phịp vào lời can ngăn ấy :

Hoa-Khôi (vỗ tay cười).

Đã lâu rồi chúng ta xa trần tục,
Nỗi thầm thương chôn kín, khổ bao nhiêu?
Nên say sưa mơ lòng theo náo nức !
Yêu nhau đi ! Tình gái, dịu dàng yêu?

Chư-tiên đồng vỗ tay tán thành, nhiệt liệt hoan-nghênh, rồi đồng thanh ca hát, nô đùa và làm trăm trò nghịch ngợm ở trong hồ. Trên bờ hồ, nàng Tiên không chịu tắm (tức là chàng thi-sĩ trá hình) vẫn tần ngần đứng nhìn chị em đồng đạo một cách say sưa mê dại. Đôi mắt nàng có lúc sáng rực lên, có lúc lờ đờ như đắm bao khoái lạc, khiến cho chim anh-vỗ và chim họa-mi để ý dò từ lâu, sinh nghi..

Chim Anh-Vỗ bảo Họa-Mi :

Mi ! Mi ! Mi ! có nghe trong gió thắm,
Có nghe không tình lạ thoảng mùi trai ?
Có nghe không, lòng ai ra ấm ấm,
Không như lòng cô gái ở Bồng-lai ?

Họa-Mi (gật đầu) :

Mùi vị ấy, bay từ cô gái ấy,

(Họa-Mi lấy mỏ chỉ về nàng Tiên đứng trên bờ).

Anh-Võ :

Nên ran ran lòng dạ ở xung quanh.

Họa-Mi :

Để ý xem nước da cô thắm dậy

Anh-Võ :

Và đôi môi biểu lộ hết xuân-tình.

Bấy giờ bóng trăng ngà mới lên, các tiên cùng thong thả bước ra khỏi nước. Lại một dịp cho Huyền-Tiên say sưa sửng sốt lặng nhìn các tiên-nương trang phục. Màu áo tươi mát quá làm nổi bật các tòa thiên nhiên lồ lộ. Ăn vận xong. chư-tiên lại rủ nhau biểu-diễn một lớp khiêu-vũ. Chư-Tiên mời Huyền-Tiên vào dự cuộc, nhưng nàng từ chối, chỉ vì không gặp được người bạn kỵ-binh ưng ý. Chư-tiên càng ngày càng nghi thêm về loài giống của nàng.

Hoa-Khôi (cười rộ và mỉa mai):

Chị em ơi ! « chàng » làm duyên thái quá,
Không hài lòng khi nói đến Tình-Yêu !
« Chàng » giả bộ không ưa trò lơi lả,

Không ưa nhìn bao vẻ gấm hoa thêu!

Nhưng Quỳnh-Tiên đã hiểu hết cả rồi, nàng Quỳnh-Tiên mà ngày nay cũng trở nên ranh mãnh, dạn dĩ ra nhiều, nàng thấy cần phải can-thiệp để đưa người tri-kỷ ra khỏi bước khó khăn.

Quỳnh-Tiên (nói gần như nửa chơi nửa thực)

Xin cứ gọi em tôi là thi sĩ,
Nếp thơ hương hồ dễ sánh giai-nhân?
Huyền-Tiên hỡi! sao em không hội ý?

(Nàng đưa mắt đắm đuối nhìn Huyền-Tiên)

Đôi ta xưa vầy hiệp nợ châu-trần!

(Các tiên không hiểu được thâm ý của Quỳnh-Tiên phá lên cười như vỡ).

Huyền-Tiên (gật đầu mỉm cười)

Nương nương ơi! biết nhau từ độ ấy,
Tóc xanh thêm và tình đậm đã nhiều...

Chư tiên vỗ tay cười vang và kéo Huyền-Tiên lại với Quỳnh-Tiên, mở cuộc nghê-thường khiêu-vũ. Rồi thì cặp nào cặp nấy đeo nhau, múa men xoay lộn, trong khi cả mọi thứ nhạc xanh, nhạc vàng, nhạc điều, chim anh-võ, chim họa-mi, cùng tiếng Tiêu theo hầu chàng thi-sĩ đồng nổi lên xướng họa trong một điệu hòa-nhạc êm ái mê ly :

Chim Anh-Võ : (hót theo)

Tao-phùng duyên đến bây giờ lại thấy !

Họa-Mi :

Lòng nghiêng qua, sóng mắt muốn xiêu xiêu !

(Trên lùm mây cao, văng vẳng tiếng Tiêu ra)

Tiếng-Tiêu :

Ta là khúc Phượng-cầu-hoàng năm trước
Đem ân-tình rãi khắp cả trời duyên
Cho Quân-Thụy lấy nàng Thôi-thuyền-quyên,
Xuân vô cùng đến ngàn năm ơn phước...

Đoạn sau cùng là những lời ái ân trao đổi giữa từng cặp, trong khi các tiên-nữ ôm nhau quay tít trong trận múa của xiêm áo nghê-thường và trong lời nhịp nhàng của các thứ nhạc, ở trong ấy chư tiên mặc dầu đang say sưa, mê luyến, cũng không quên nhắc cho nhau những bước đi khiêu-vũ cho đúng phép:

Thở nhẹ hơn đừng vội bước chân mau !

Nhưng mà Huyền-Tiên và Quỳnh-Tiên vì quá mê man sung sướng, không còn biết gì nữa, chỉ riết vào nhau và hôn nhau bằng một cái hôn hầu như không bao giờ dứt. Thế là chàng thi-sĩ đã vụng về mà tự tố-cáo sự lộn

sòng của mình.

Kịch chỉ viết được đến đấy. Hàn-Mạc-Tử chưa kịp viết tiếp. Nhưng ý-định của chàng đã sẵn sàng. Chàng đã nói trước cái luận-đề chàng sẽ theo đó mà viết tiếp bản QUẦN-TIÊN-HỘI:

« Ba đoạn sau mà tôi tính viết, nó như thế này: bọn tiên xúm lại vây hai người trong vòng vấy và bảo rằng « người con trai » ấy là của trời cho, là « của chung » chứ không phải « của riêng » gì Thương-Thương. Nếu không bằng lòng, phải « chia » ra (chia ra 9 phần cả thẩy, thế thì còn chi người ta nữa! (nguyên-văn của Hàn-Mạc-Tử). Thế rồi bọn tiên nổi ghen lên. Hai người ấy phải rủ nhau đi trốn. Bọn tiên háy được liền hè nhau đang đêm « hạ san » tìm bắt cho kỳ được cặp uyên-ương ấy, nghĩa là **bọn tiên chạy theo tình yêu**, trở về thế-gian, bỏ lại những động mây bây giờ thành ra hoang-vu cô-độc. Và những động ấy tủi thân than kể không biết bao nhiêu mà nói. Với lại, ở động tiên con trai, hay tin bọn tiên con gái về thế-gian lấy chồng, chúng bắn cũng đâm ra buồn bực, rồi cũng trở lại đời cả. Và vì thế người ta mới hiểu rằng tại làm sao bây giờ, ngày nay còn dấu-tích tiên-động mà tiên-đực

tiền cái thì đi mô hết cả thảy. Ha! Ha! »

Cái gì ngăn cản thi-sĩ tiếp tục công việc đã khởi-đầu một cách hoàn-mỹ như vậy? Thật là một câu chuyện đau đớn thương tâm chàng đã gặp trong cái đời đen bạc của mình.

Có ai có thể ngờ rằng câu chuyện chơi của Trần-Thanh-Địch bịa ra để mong an ủi nhà thi-sĩ trong bước mạt-lộ của chàng, lại thấu đến tai gia-đình người thiếu-nữ mang cái tên huyền-diệu kia! Một người anh của cô Thương-Thương thật, thấy cần phải lảnh cái nhiệm vụ bảo-tồn danh-dự cho em út, vội viết thư phân trần cùng Hàn-Mạc-Tử và xin đừng nhắc nhở đến cái tên ấy nữa. Ngoan ngoãn, nhà thi-sĩ vâng lời. Đây là cái miếng cuối cùng của Định Mệnh dành tặng cho chàng, cái quả đấm mà rồi chàng không dậy được nữa. Kịch thơ QUẦN-TIÊN-HỘI thế là mất đứt cái đoạn sau cùng.

Không biết giận ai, vì không phải lỗi của Trần-Thanh-Địch, người mà dẫu sao cũng đã cho chàng biết bao là ấm áp, là êm dịu, là rung động khoan khoái, cũng không phải nốt là lỗi của gia-đình Thương-Thương, nhà thi-sĩ xấu số quay lại giận mình, giận cái tài-hoa của mình. Từ nay, nguồn thơ của thi sĩ bị ngưng trệ, để mà tắt hẳn, nếu không tìm ra

một nguồn cảm-hứng khác. Nhưng tìm chưa ra, thì nhà thi-sĩ đã kiệt-lực nằm xuống, và lần này thì để cho « hồn lìa khỏi xác » thật, ôm luôn theo tận đáy mồ mối hận khôn cùng diễn-tả.

NGUON
CAM - THU - LUC
O' HAN MAC TU'

Sau khi đã nghiên cứu qua tất cả tác-phẩm của Hàn-Mạc-Tử chúng ta cũng nên xét đến nghệ-thuật của nhà thi-sĩ, đến quan-niệm của người đối với thơ, ảnh-hưởng hiện bây giờ và về sau này của thi-sĩ đối với lịch-sử văn-học Việt-nam.

Thi-sĩ Tây-phương thường nhìn cảnh tượng của Tạo-vật, bằng con mắt của họa-sĩ, họ chú-trọng đến hình-thức, mầu-sắc, kỳ dư đến những cảm-tưởng rung động mà hai thể ấy gây nên. Thi-sĩ Đông-phương, thứ nhất là thi-sĩ đời Đường, thì kín đáo hơn, và vì thế, thâm thúy hơn. Nhưng lời thơ họ chẳng qua là những tiếng thở dài không cầm hết, và chỉ có thế.

Hàn-Mạc-Tử thì lại khác hẳn.

Hàn-Mạc-Tử là một nhà thơ duy nhất sống bằng sự chiến đấu giữa tình cảm của chàng và cảnh-tượng của Tạo-vật.

Đứng trước một cảnh-tượng, chàng không hay nhìn, hay ngắm, nhân thế không hay khen ngợi, ca-tụng. Vì nhìn ngắm, hay khen ngợi, ca-tụng, tức là để mình đứng ngoài cảnh vật, giữ cho mình cái địa-vị khách-quan. Sự hoạt động ghê gớm của tinh thần chàng, cái khí-lực bồng bột của tâm-hồn chàng không cho chàng được thế.

Một khi được để trước mặt một cảnh-tượng nào, là chàng bỗng nhiên tự thấy cần phải chiến đấu, với bao nhiêu hăm hở, bao nhiêu hung tợn của một tâm-hồn kỳ-lạ. Cũng như hai con quái-thú thuở càn-khôn mới dựng, không thấy nhau thì thôi, hễ trông thấy nhau thì nhập cuộc đánh nhau ngay, đến thành lầy, thành hồ, đến tan xương nát thịt, đến bao giờ một con đã chết rồi, mà sự giận dữ, sức đấu của con kia cũng còn làm cho nó rung rẩy một mình.

Trước một bản đàn đang kéo chẳng hạn, Hàn-Mạc-Tử nào có nghe âm thanh réo rắt ra thế nào, chàng còn có thưởng-thức nhạc-điệu du-dương, hay hùng tráng, hay bi ai?

Không ! Vừa nghe tiếng tơ dấy lên — lẽ cố-nhiên là tiếng tơ do một nhạc-sĩ tài tình gảy — là chàng mang nguồn cảm-thụ ra dàn thành thế trận, óc não chàng đã sẵn sàng để nghênh chiến; rồi cứ thế mà chàng dụ cho âm-thanh cứ đi dần vào các đường gân, thớ thịt, vào tận những giây muôn vàn vi-tế của bộ thần-kinh. Trong khi ấy tim chàng tê tái, mắt chàng đứng tròng, cả người chàng cho đến kẽ tóc chân lông đều rung động bằng một luồng sóng điện thần-kinh.

Một điều đáng chú ý là trong bao nhiêu trận chiến-đấu với những lực lượng rung cảm, Hàn-Mạc-Tử bao giờ cũng đành giữ lấy phần bại về mình. Vì chàng là một người yếu đuối, một bệnh-nhân kia mà.

Cũng như cái anh chàng bé tí hon hiếu-chiến kia không biết tự lượng sức mình mà chỉ nghe theo thúc dục của cơn máu nóng, sau mỗi cơn bại trận, chàng nằm đờ, ê chề, uể oải, tê dại hẳn đi, và bao nhiêu giác-quan đều lặng lờ chỉ còn thoi thóp vừa đủ để kiểm điểm lại sự thiệt hại mà ghi chép lấy hiệu-quả thôi.

Hãy trở lui về vấn-đề nghe một bản nhạc.

Xưa nay, cái người biết nghe đàn đến lưu danh thiên-cổ, hẳn là cái anh chàng Chung-

Tử-Kỳ. Nhưng mà sức cảm của anh chàng đến đâu ? Nghe một khúc đàn người ấy nghĩ đều núi cao ; nghe một khúc khác, y nhớ đến nước chảy. Chỉ từng ấy cũng đủ làm cho cái anh nhạc-sĩ Bá-Nha ôm hận suốt đời, và trong văn-học, ngôn-ngữ Đông-phương, bỗng nhiên thêm một danh-từ mới, chữ « tri-âm », cái chữ khi không mà có một giá-trị ghê gớm.

Đến vị Thầy trong nền thi-ca cũ của ta, cụ Nguyễn-Du, khi nghe đàn, cụ cảm như thế nào :

Khúc đâu Hán-sở chiến trường.
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.
Khúc đâu Tư mã phượng cầu,
Nghe ra như oán, như sầu phải chăng.

Hay là :

Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.

Lời thật đẹp, ý thật cao, nhưng nghệ-thuật diễn-tả của Nguyễn-Du chỉ là một nghệ-thuật hoàn-toàn khách-quan. Chúng ta sung sướng vì có những câu thơ đẹp, nhưng sức cảm vì nghe thấy nàng Kiều đàn quả không có gì.

Nghệ-thuật Hàn-Mạc-Tử thì khác hẳn. Ở chàng ta thấy cảm-thụ-lực khi nào phát triển cũng đến tột bực. Bao nhiêu tình tứ trong người chàng đều căng thẳng ra, khi nào cũng sẵn sàng để thâu nhận những ảnh hưởng ở ngoài. Khi chàng nghe một điệu đàn, tinh-thần chàng mở rộng toát hết các cửa, chàng đứng ra hứng đón thanh âm như một người lỡ đường bị mưa ướt cất nón dăng tay mà so gan với cơn giông tố. Chàng để cho tiếng nhạc thấm dần trong cơ-thể, qua mỗi lần xương-thịt, là phải đánh dẹp, phá hoại, như đạo binh ngoại xâm qua mỗi cửa ải của một nước. Thế rồi người chàng thổn thức, toàn thân run rẩy đê mê, ngây ngất từng cơn. Người ta có cái cảm-giác quái gở là thi-sĩ đeo vào tiếng tơ cùng rời cái nhấn của nhạc-sĩ, mà quay cuồng lăn lộn trên mấy từng không :

. . . .

Rồi muôn xuân đã nư chiều thổn thức,
Đều run lên như thể tấm hồn mơ.
Ai gieo chi thương tiếc giữa đường tơ,
Cho lỡ dở vang lên từng tiếng nấc ?
Nguồn sáng láng lờ đi trong sự thật,
Trong ảo huyền và trong cả mê-ly.
Ai nỡ nào cắt nghĩa tới hàng mi ;
Là ứ lại ; là trào ra nước mắt ?

Bằng trăm tiếng vẽ ra trăm màu sắc ;
Với đôi tay, nàng trút hết đê mê,
Dạ lan hương bừng mở cánh e dè,
Trong khúc nhạc rên đều hơi gió tới.
Đàn ngọc đã rít lên chiều nã nớt.
Tôi kêu rêu, van khóc, lạy Nàng thôi !
— Hãy uống đi, cốc rượu ngấm đầy hơi,
Chan chứa vị nồng say đêm hiệp cẩn !
Nàng ! Lạy Nàng hãy nghe tôi cầu khẩn !
Hãy khoan tay cầm lại trí tương-tư
Đang chờn vờn trong nguồn sáng ngất ngư,
Đang lướt mướt ở trong màu hoa lệ !
Trên cung bực, hẩm mau niềm ngọc kể,
Với lòng run, ngưng hết cả thanh-âm,
Cho lửng lơ chới với điệu phong-cầm,
— Cho tôi bớt bồi hồi trong một phút.

Đàn ngọc ĐAU-THƯƠNG

Ở một mục trên, tôi đã có nói đến ảnh-hưởng của trăng đối với tâm-trạng Hàn-Mạc-Tử. Nay xin đan-cử ra đây một vài đoạn của một bài văn xuôi của Hàn để chứng tỏ thêm cái sức cảm-thụ vô cùng mãnh-liệt ở nơi nhà thơ lạ lùng ấy. Bài ấy, nhan đề là « Chơi Giữa Mùa Trăng », là một bài văn mới lạ, xưa nay trong văn-giới của toàn thể hoàn cầu cũng chưa ai từng nghĩ đến nó, hay đến có thể để ngang hàng với những bài hay nhất thế giới,

cả Đông-phương và Tây-phương. Trích một ít đoạn của bài ấy ra đây riêng lòng tôi cũng tự thẹn vì đã ham hố quá chừng, nhưng quả thực vì nó hay một cách lạ lùng, không biết ngừng đến đâu cho khỏi tiếc :

CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG

...Chị tôi và tôi đồng cầm một mái chèo con, nhẹ nhàng lùa những đống vàng trôi trên mặt nước.

Chị tôi cười nả nớt, tiếng cười trong như thủy tinh và thanh-khiết lạ thường. Luôn luôn cứ hỏi tôi và đố tôi cho kỳ được : « Này chị đố em nhé, trăng mọc dưới nước hay mọc trên trời, và chúng mình đi thuyền trên trời hay dưới nước ? » Tôi ngước mắt ngó lên trời rồi ngó xuống nước và cũng cười đáp lại : « Cả và hai chị ạ. » Sướng quá, thích quá, chao ôi, hai chị em lại thỉnh thoảng rú lên cười làm náo-động luồng tinh khí của hạo nhiên.

Vậy chúng tôi bằng ánh sáng, bằng huyền diệu, chưa đủ, Ngư-lang và Chức-nữ, chúa của đêm trung thu còn sai gió thu mang lại gần chúng tôi một thứ mùi gì ngào ngạt như mùi băng phiến ; trong ấy biết đâu lại không phảng-phất những tiếng kêu rên của thương nhớ xa xưa... Thuyền đi êm ái quá, chúng tôi cứ ngờ là đi trong vũng chiêm-bao, và say sưa và ngây-ngất vì ánh sáng, hai chị em như đê mê, không còn

biết là có mình và nhận mình là ai nữa. Huyền ảo khởi-sự. Mỗi phút trăng lên mỗi cao, khí bậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ, và trí-tuệ, và mộng, và thơ, và nước, và thuyền dâng lên, đồng dâng lên như khói... Ở thượng tầng không-khí, sông Ngân-Hà trinh bạch đương đắm chìm các ngôi sao đi lạc đường. Chị tôi bỗng reo to lên : « Đã gần tới sông Ngân rồi ! Chèo mau lên em ! Ta cho thuyền đậu ở bến Hàn-giang !»

Đi trong thuyền, chúng tôi có cái cảm tưởng lý thú là đương chở một thuyền hào quang, một thuyền châu ngọc, vì luôn luôn có những vì tinh tú hình như rơi rụng xuống thuyền...

Trên kia, phải rồi, trên kia, in hình có một vì tiên-nữ đang kêu thuyền để quá giang...

Thình thình vùng trời mộng của chúng tôi bớt vẻ sáng lạng. Chị tôi liền chỉ tay về phía bến đò thôn Chua-Mo (1) và bảo tôi rằng : « Thôi rồi ! Trí ơi ! con trăng nó bị vướng trên cành trúc kia kìa, thấy không ? Nó gỡ mãi mà không sao thoát được, biết làm thế nào, hở Trí ? » Tôi cười : « Hay là chị em ta cho thuyền đỗ vào bến này, rồi ta trèo lên động cát với tay gỡ hộ cho trăng thoát nạn ? » Hai chị em liền giấu thuyền trong một bụi hoa lau bông vàng phơi phới, rồi cùng lạc vào một đường lối rất lạ, chân dẫm lên cát mà cứ ngỡ là bước trên phiến lụa. Nước suối chảy ở hang đá trắng, tinh-khiết như mạch nước

1. — Một làng ở hải khẩu tỉnh Quảng-Ngãi.

ngọc-tuyền, chồm lên những vừng lá, hễ trông đến là kinh hãi vì ngó giống con bạch-hoa xà như tạc...

Sao đêm nay kiều-diễm như bức tranh linh động thế này ? Tôi muốn hỏi xem chị tôi có thấy ngọt ngào trong cổ họng như vừa uống xong một ngụm nước lạnh, mát đến tê hết cả lưỡi và hàm răng ? Chị tôi làm thinh, — mà từng lá trăng rơi lên xiêm áo như những mảnh nhạc vàng. Động là một thứ hòn non bằng cát, trắng quá, trắng hơn da thịt của người tiên, hơn lụa bạch, hơn phẩm-giá của tiết-trinh — một màu trắng mà tôi cứ muốn lăn lộn điên cuồng, muốn kề môi hôn, hay áp má lên để hưởng sức mát rượi dịu dàng của cát ..

Hai chị em đồng giang tay níu áo gượng vào nhau dấn bước lên cao... Thỉnh thoảng mỏi hai đầu gối quá, cả chị liền em đồng ngã lăn ra. Lại một dịp cho tiếng cười của chị tôi được nở ra, dòn tan trong không khí. Lên tới đỉnh là hao mòn đi một ít. Nhưng mà ngợp quá, sáng quá, húng trí làm sao ? Đây có phải là nước Nhược non Bồng, động phủ thần-tiên ngàn xưa còn sót lại ? Nhìn xuống cát cố tìm dấu tích gì lưu lại một vết chân của Đào nguyên Tiên-nữ, nhưng tấm cát phẳng lờ như lụa căng, trinh-bạch làm sao :

Bất tri thử địa qui hà xứ
Tu tựu Đào-nguyên vấn chủ-nhân ?

Bây giờ chúng tôi đương ở giữa mùa trăng. mở mắt cũng không thấy rõ đâu là chín phương trời, mười phương phật nữa. Cả không-gian đều chập chờn những màu sắc phiếu diều đến nỗi đôi đồng-tử của chị tôi và tôi lờ đi vì chói lói.. Ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như bầu thế-giới chở chúng tôi đây cũng đang ngập trong lụt trăng và đang trôi nổi bình bồng đến một địa cầu nào khác.

Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lan, chị tôi và tôi đều ngả vạt áo ra bọc lấy, như bọc lấy đồ châu báu ..

Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh-thoát quá, tinh-khôi, tươi tốt và oai nghi như pho tượng đức bà Maria là bực tinh-truyền chí-thánh. Tôi muốn sốt sắng qùy lạy mong ơn bào chữa. Nhưng trời ơi, sao đêm nay chị tôi đẹp đẽ đến thế này. Nước da của chị tôi đã trắng, mà vận áo quần bằng hàng trắng nữa, trông thanh sạch quáđi.

Tôi nắm lay chị tôi đặc lia lịa và hỏi một câu hỏi tức cười làm sao : « Có phải chị không hở chị ?» Tôi run run khi tôi có cái ý nghĩ : Chị tôi là một nang Ngọc-nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và vội reo lên : « A ha, chị Lễ ơi, chị là trăng, mà em đây cũng là trăng nữa ! »

Ngó lại, chị tôi và tôi, thì quả nhiên là trăng thiệt...

NGHE-THUAT CUA HAN-MAC-TU

Nhờ ở một nguồn cảm-thụ-lực phát-triển đến cực điểm như thế, Hàn-Mạc-Tử là nhà thơ Việt-Nam đầu tiên biết nghe ngóng những lời âm-thầm của Tạo-Vật. Như nhà đại-văn hào Nga Ivan Tourgueniew, Hàn-Mạc-Tử có một thính-giác đặc biệt để nghe được cả hơi thở của một cành lá, hay tiếng chạm nhau của hai đường tơ ánh sáng :

Đang khi mầu nhiệm phủ ban đêm
Có thứ gì rơi giữa khoảng im,
Rơi tự thượng tầng không-khí xuống,
Tiếng vang nhè nhẹ dội vào tim.

Ánh trăng mỏng quá không che nổi :
Những vẻ xanh-xao của mặt hồ.

Những nét buồn buồn tơ liễu rủ,
Những lời năn-nỉ của hư-vô.

Hãy quỳ nán lại, tiếng sao rơi
Khua ánh trăng xanh động khí trời.
Gió thở hay là hoa thở nhỉ ?
Ô hay ! người ngọc biến ra hơi !

Và :

Thu héo nấc thành những tiếng khô,
Một vì sao lạ mọc phương mô...

Hơn hết cả thi-hào trên thế-giới, Hàn-Mạc-Tử đã phóng thoát cái bản năng loài người, cỗi lột được bao nhiêu cốt cách của loài người để mà ăn nhập vào với vũ-trụ, để biến thành một hiện tượng của vũ-trụ. Người đời xưa có lối khen : Kẻ kia có tiên cốt. Hàn-Mạc-Tử lại thoát lên trên cái tiên cốt ấy nữa. Thi-sĩ đã bọc trong vạt áo từng bọc vàng, đã lặn hụp trong những vũng vàng trăng như con vịt trong hồ sen, và đã đắp trăng mà ngủ một giấc đầy mộng. Thi-sĩ đã từng chạy theo phương trời mà hứng những mảnh sao băng rụng, và may không hỏng chân mà chết như Lý-Thái-Bạch.

Không kém Bồ Tùng-Linh, một tâm-hồn bệnh hoạn khác, Hàn-Mạ -Tử có một nghệ-

thuật yêu quái, một ảo-thuật đích-thị cho nên dưới ngòi bút thi-sĩ, những tư-tưởng, những chữ, hóa thành linh-động một cách dễ sợ, như dưới cái quyết của một viên phù-thủy cao tay ấn.

In lên trên tờ giấy trắng, ta thấy chừng như những lời ấy, những chữ ấy quằn quại ngo-ngoe, vắt mình qua bên này, qua bên kia như những con lõa-trùng nào cứ nhô nhúc, đòi thêm ánh sáng và không khí. Trong sự hóa phép ấy, ta thấy có một cái gì rùng rợn. Ấy là biểu-hiệu của thiên-tài.

Ta hãy lấy một tỉ dụ nho nhỏ để tả một mối buồn trông man mác, Hàn-Mạc-Tử có lần đã viết :

Lòng ra ra mãi như hình nhớ thương.

Thế là đối với thi-sĩ, trước hết sự nhớ thương không còn là một cái gì vô hình, không phải là một ý tưởng nữa, mà chính là một vật hữu hình, vật ấy nó phải dài như một con rắn, như một cây giây bò có cái đọt cứ đưa tới trước mãi như để với cho tới một cái gì. Bây giờ ta thấy rõ ràng lòng của ta cứ trong bụng bò ra, trườn tới, cứ trườn tới mãi, cứ tự kéo dài ra mãi, giống hệt như một « con » nhớ thương.

Thật không còn gì dễ sợ bằng.

Một khi, như các bạn đã thấy, chàng đã viết : « Anh thử đem hơ lửa cái thư này, xem có tiếng gì rên siết chăng ?»

Một khi khác chàng lại viết : « Buồn dồn lại từng đống, đừng có ai đem đến cho ai biết là bao nhiêu » *(Khao-khát*, thơ bằng văn xuôi). Một đặc tính của thơ Hàn-Mạc-Tử nữa, là chàng rất sở-trường về lối mà các cụ nho xưa của ta gọi là khẩu-khí.

Ngày xưa, các cụ làm thơ khẩu-khí để tỏ chí-hướng của mình, hay là để cho người khác tưởng là mình có chí-hướng lớn. Tựu-trung, khẩu-khí của các cụ không quá cái mộng làm quan.

Kể về khẩu-khí thì Hàn-Mạc-Tử chấp hết thảy đến hàng muôn trượng xa cách, vì đây là khẩu khí của một đấng siêu phàm. Giá một cụ xưa ta mà sống lại và đọc được thơ của Hàn-Mạc-Tử, thì cụ mới đoán thế nào về con người ấy :

Nhớ khi xưa, ta là chim Phượng-hoàng
Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất,
Bay từ Đao-Ly đến thời Đâu-Suất,
Và lìa theo không biết mấy là hương,
Lúc đằng.vân ...p ánh sáng chặn đường,

Chạm tiếng nhạc, va nhằm thơ thiên cổ,
Ta lôi đình, thấy trăng sao liền mổ ;
Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao,
Trăng tan tành rơi xuống một cù lao,
Hóa đài-điện đã rất nên tráng lệ,
Ở ngôi cao ngước mắt ra ngoài bể,
Phong lưu ghê, sang trọng nỏ vừa chi !..

. . . .

Ta có thể nói là bao nhiêu tài nghệ của Hàn-Mạc-Tử nằm trong lối khẩu khí vậy. (Xem lại bài CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG).

Được phú dữ một nghệ-thuật diễn tả hết sức tài tình, văn thơ Hàn-Mạc-Tử có thể ví như lời Tô-Đông-Pha đã tự ví văn mình : một nguồn nước chẩy thao thao, quanh co uốn khúc, có khi lách nhẹ qua các áng hoa luống cỏ, nhưng đến khi cần cũng đục xẽ nổi cả những tảng núi sườn non, đánh đổ tất cả cái gì cản trở.

Tài nghệ diễn tả ấy sở dĩ được thế là vì thi-sĩ có một khoa dụng-ngữ tuyệt phẩm dồi dào, nó dung hòa cả những danh từ xưa và nay, những ngôn pháp Á và Âu, lại ảnh hưởng ở cả hai nguồn văn hóa Phật-giáo và Thiên-Chúa-giáo nữa. Ta nên nhớ rằng Hàn-Mạc-Tử là người theo đạo Thiên-chúa. Mà đạo Thiên-chúa là đạo nghiêm khắc nhất về

phương-diện tín ngưỡng. Ấy thế mà người tín đồ hết sức nhiệt thành ấy lại có gan sưu tầm đến cả những kinh điển nhà Phật. Thi-sĩ nói : « Tôi lợi dụng văn chương và triết lý nhà Phật để mà làm thơ thôi. Tôi dung hòa cả hai thể văn chương tôn-giáo : Thiên-chúa và nhà Phật. Đó chỉ là muốn làm giàu cho nền văn chương chung ». Một người đạo Thiên-chúa nghiên-cứu Phật học đến dùng được những từ ngữ Phật-học như ở trong câu thơ vừa mới đọc ở trên đây :

Bay từ Đao Lỵ đến thời Đâu-Suất.

hay là :

Đường ngạ quỷ phơi nhiều trang gấm vóc,
Bước êm ru như hoan lạc mời đưa...

hay là :

« Ở đời chỉ có một hạnh phúc, làm chi có đến hai cảnh Tịnh Độ và Niết Bàn »... (*Kêu gọi.* — Thơ bằng văn xuôi) thì kể cũng đã là một bậc kỳ tài không khỏi làm cho ta ngạc nhiên khâm phục vậy.

AM NHAC TRONG THO' HAN-MAC-TU

Một phần hết sức quan-trọng trong việc tác-thành giá-trị và nghệ-thuật của Hàn-Mạc-Tử là âm-nhạc trong thơ của thi-sĩ.

Người ta đã biểu-đồng-tình về chỗ phải công nhận rằng âm nhạc là nửa phần nếu không là phần lớn nhất, trong giá-trị của thơ. Phái tượng-trưng của Stéphane Mallarmé thì lại đi xa hơn. Theo họ, thơ không có chi hơn là nhạc, nhạc trong những âm-thanh đọc lên nghe bổng-trầm, réo rắt vào tai đã đành, mà nhạc cả trong lối viết, lối dàn chữ trên mặt giấy, y như những dấu hiệu trong một bản đàn.

Hàn-Mạc-Tử là nhà thi-sĩ Việt-Nam có c[illegible]-thuật âm-nhạc tài-tình nhất.

Trong suốt sự-nghiệp thi-ca, kể cũng đã là vĩ-đại đối với đời ngắn ngủi của chàng, không có bài nào, đến cả không có câu nào làm ra mà không dóng theo âm điệu.

Đã đành rằng âm-điệu, khi nó nằm trong lối thơ bảy chữ, bao giờ cũng phải là cái âm-điệu đã được các thi-sĩ nhà Đường tìm ra. Sự ấy hầu như đã thành một điều hiển nhiên bất di bất dịch, không còn bẻ bác được nữa. Cho nên hầu hết thơ bảy chữ của Hàn-Mạc-Tử, không kể bài thơ dài ngắn, đều đã theo luật bằng trắc của Đường-thi.

Trong làn nắng ửng, khói mơ tan
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sột soạt gió trêu tà áo biếc
Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang...
Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi
— Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

. . . .

Một bài khác như bài « Dalat trăng mờ » :

Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu
Trời mơ trong cảnh thật huyền mơ
Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt
Như đón từ xa một ý thơ.

Ai hãy làm thinh chớ nói nhiều,
Để nghe dưới đáy nước hồ reo ;
Để nghe tơ liễu run trong gió,
Và để xem trời giải nghĩa yêu.
Hàng thông lấp loáng đứng trong im
Cành lá in như đã lặng chìm.
Hư thực làm sao phân biệt được ?
Sông Ngân Hà nổi giữa màn đêm.
Cả trời say nhuộm một màu trăng
Và cả lòng tôi chẳng nói rằng,
Không một tiếng gì nghe động chạm
Dẫu là tiếng vỡ của sao băng !

THƠ ĐIÊN

Hay là bài « Đây Thôn Vỹ Giạ » :

Sao anh không về chơi thôn Vỹ ?
Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên,
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc,
Lá trúc che ngang mặt chữ điền

Gió theo lối gió, mây đường mây ;
Giòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó ?
Có chở trăng về kịp tối nay ?

Mơ khách đường xa, khách đường xa ;
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà ?

XUÂN-NHƯ-Y

Thì thật là những bản âm-nhạc hoàn-toàn, đọc lên ta có cảm tưởng êm như gió thông reo trong một buổi mai tốt trời, và mát đến thấy dịu cả làn da mái tóc.

Sở dĩ tôi đã lựa hai bài ấy làm tỉ-dụ, không phải vì đó là những bài hay nhất của nhà thi-sĩ mà chính là vì trong mỗi bài ấy có một chỗ hỏng mà tôi chắc các bạn đọc không ai hề để ý đến. Trong bài « Dalat trăng mờ » cái vần thứ nhất không ăn nhập đâu hết. « *Đầu* » không thể vần với « *mơ* », với « *thơ* » được.

Cũng như bài thứ hai; câu thứ nhất :

Sao anh không về chơi thôn Vỹ.

Câu ấy là một câu nói thường, chứ không thể là một câu thơ, « *Vỹ* » cũng không vần với « *lên* », với « *điền* » hay vói « *ngọc* » được.

Như thế, vì sao người đọc thơ lại không thấy trái tai? Là vì âm nhạc của bài thơ đã quán hết cả, áng hết cả, che chở hết cả chỗ sơ suất. Tôi cam đoan rằng khi làm ra bài « Dalat trăng mờ », thi-sĩ đã không biết rằng đã lỡ để cái vần « *đầu* » lơ chơ lỗng chỗng. Khi làm, nhạc thơ reo lên một lần với chữ thơ, cả bốn câu cùng tuôn ra một lượt không nghĩ lượng đắn đo gì hết. Ấy chính là dấu-hiệu

của thiên-tài.

Nhưng đến một lúc thi-sĩ bỏ cả niêm-luật, không cần câu kéo ngắn dài, không cần đến cả ý-tứ mạch lạc của lời thơ nữa. Người đọc có hiểu hay không hiểu cũng mặc.

Bây giờ nhà thơ chỉ cần có dóng âm thanh của những chữ, sắp đặt lại đôi tí cái bản nhạc đã reo đàu tự trong lòng :

Ta không nhấp rượu
Mà lòng ta say.
Vì lòng nao nức muốn
Ghì lấy đám mây bay...
Té ra ta vốn làm thi-sĩ,
Khát khao trăng gió mà không hay.
Ta đi bắt nắng ngừng, nắng reo, nắng cháy
Trên sóng cành — sóng áo cô gì má đỏ hây hây...
Ta rình nghe niềm ý bâng khuâng trong gió lãng,
Với là hơi thở nồng nàn của tuổi Thơ Ngây.
Gió nâng khúc hát lên cao vút
Vần thơ uốn éo lách rừng mây.
Ta hiểu ra rồi trong một phút
Lời tình chới với giữa sương bay,
Tiếng vàng rơi xuống diếng
Trăng vàng ôm bờ ao...

Gió vàng đang xao xiếng,
Áo vàng hỡ chị chưa chồng đã mặc đi đêm,
Theo tôi đến suối xa miền
Cỗi thơ, cỗi mộng, cỗi niềm yêu đương.
Mây trôi lơ lửng trên giòng nước
Đôi tay vốc uống quên lạnh lùng
Ngả nghiêng đồi cao bọc trăng ngủ
Đầy mình lốm đốm những hào-quang.

Hàn-Mạc-Tử là người đầu tiên đã tìm ra cái mà ta có thể gọi là qui luật cho lối thơ tám chữ. Trước nhà thi-sĩ ấy lối thơ tám chữ làm ra còn lổn chổn, mặc dầu ý thơ có thể đẹp, lời thơ có thể xinh, nhưng đọc lên nghe vẫn lủng củng không xuôi. Với Hàn-Mạc-Tử, âm-nhạc lối thơ tám chữ đã trở thành vững chãi, rõ ràng. Ấy là nhờ sự tìm ra được rằng chỗ ngắt hơi (césure) trong lối thơ tám chữ phải nằm sau chữ thứ ba.

Chỉ trừ một vài câu, một vài câu thôi, trong ấy thi-sĩ muốn đổi dọng cho thơ thêm sức mạnh, tỉ-dụ như :

Thơ trong trắng — như một khối băng tâm
Luôn luôn reo — trong hồn trong mạch máu,
Cho vỡ lở — cả muôn ngàn tinh đẩu,
Cho đê mê — âm nhạc và thanh hương
Chim hay tên ngọc — đá biết tuổi vàng,

Lòng vua chúa — cũng như lòng lê thứ...

. . . .

Còn bao nhiêu thơ về lối tám chữ của Hàn-Mạc-Tử đều vâng theo lệ ấy cả. Lệ ấy, ở đây, rõ rệt đến nỗi trong bầu hết các câu, thi sĩ đều đã dùng những dấu phết, dấu hỏi, dấu cảm-thán để tỏ rõ chỗ ngắt hơi của mình:

Thượng thanh-khí — tiết ra nguồn linh khí,
Xa xuôi đời, — trăng mọc nước huyền vi,
Đây miên trường, — đây vĩnh-cửu tê phi
Cao, cao vượt, — với hai hàng bóng vía.
Trời nhật nguyệt, — cầu vồng bắt tứ phía,
Ôi Hoàng Hoa! — Hồn phách đến nơi đây?

. . . .

Đàn cung-bực, — gió dồn lên âm điệu,
Sững lòng chưa? — say chấp cả thanh bai.
Sang chơi thôi! — Sang chơi thôi! mà ai?
Thu đây rồi! — Bước lên cầu ô-thước!

. . . .

Đừng cho lòng bay xa—
THƯỢNG-THANH-KHÍ

Hơn nữa, ba chữ đầu của mỗi câu thơ, thi-sĩ thường hay dùng những chữ thuộc bình-thanh, nhiều nhất là chữ đầu và chữ thứ ba thuộc trường-bình thanh (không có dấu) còn chữ thứ hai thì thuộc đoản bình-thanh (có dấu huyền). Những câu như sau này là năng gặp nhất trong thơ Hàn-Mạc-Tử:

Chim ngàn trăng *đem tiếng lạ về ca*
Ca *cầm* ca *tơ đồng vọng dan ra...*

đọc lên nghe nhịp nhàng nhè nhẹ, dập dìu như chiếc lá gió đưa.

Những câu như câu sau này thì thật là những bản đàn dạo thật tình, nghe rõ ràng như là những tiếng tơ đồng rời khỏi các đầu ngón tay của nhạc sĩ mà đồng dâng lên, phương phi làm sao và sang trọng làm sao?

Đây vườn trăng tình căng lên muốn đứt
Thương toàn thương đương vây muôn
giây hường...

Nhờ đâu thi sĩ đi tới được một kết-quả hoàn-toàn như vậy? Ấy là do sự lựa chữ, phần nhiều là chữ bằng, và ăn vần với nhau, nó chồng chất lên nhau theo từng nhịp chặt chẽ.

Cũng như câu:

À hả hả! Say sưa chê chán đã!
Ta là ta, hay không phải là ta!

thì trừ một hai chỗ không kể, còn mỗi chữ đều có một chữ vần với nó cả, xa gần tùy theo nhịp, làm câu thơ thành ra linh-động như một con chim nhảy nhót từng tầng nhánh để lên đến một ngọn cây cao.

Riêng về một phương-diện âm-nhạc của

thơ, ảnh-hưởng của Hàn-Mạc-Tử trong làng thơ Việt-Nam hiện cũng đã to tát, rõ ràng lắm.

Hàn-Mạc-Tử là một nhà thơ biệt lập hẳn ra một cõi, một cõi nguy nga đồ sộ, ngát hơi hương và vang tiếng nhạc, từ trên ấy, người cho chiếu xuống cái nước non thanh tú là làng thơ Việt-Nam, những luồng ánh-sáng đầy phép lạ, có cái tài lực biến hóa được những vật đã chạm đến.

Rồi đây, khi văn-thơ Hàn-Mạc-Tử đã được in ra, đã được truyền-bá một cách phổ-thông thì làng thơ Việt-nam sẽ có thay đổi lớn nữa, sẽ bước vào một con đường mới, để chiếm thêm nhiều lãnh thổ tốt đẹp, qui tụ nhiều khí hậu thần tiên. Chúng ta sẽ được đưa vào những động Đào-nguyên mới lạ, sẽ được chở bay dạo trên những thượng tầng không khí chỉ có đầy trăng là trăng, những cõi trời Đao Ly và Đâu Suất vô vàn diễm ảo.

Cuộc mạo hiểm đã hoàn toàn thành công. Lindberg đã vượt qua Đại-Tây-Dương bằng một cái cất cánh. Tha hồ cho các phi công kế tiếp sau theo gương đó mà đi chinh phục những bầu trời xa lạ khác.

Sau đây chúng ta sẽ thấy xuất hiện những danh từ, thành ngữ do Hàn đã chế tạo nên.

Cách diễn tả trong văn chương sẽ phong phú, hùng cường ra nhiều. Lối hành văn sẽ đổi khác, nóng sốt hơn, tha thiết hơn, dày đặc hơn và linh động hơn lên, như một mặt bể dưới cơn dông hay một bãi chiến trường khi hồn chiến.

Hàn-Mạc-Tử là người đầu tiên trong thế-kỷ thứ 20 mở một cuộc cải cách lớn cho văn-chương Việt-nam và thành công một cách vinh-quang rực rỡ.

Còn như muốn tổng-hợp lại mà phê bình Hàn, thiên-tài, thân-thế và thi-nghiệp Hàn, thì tôi thấy không còn chi đúng hơn là mượn câu của Walt Whitman, nhà thi-sĩ Mỹ đã được nhắc đến ở trang đầu sách, khi tác-giả tập « Lá cỏ » (Feuilles d'herbe) phê-bình Edgar Poë :

« Có một lần, trong giấc chiêm bao, tôi thấy một chiếc tàu đi giữa biển, lúc nửa đêm, trong cơn bão. Đó không phải là một chiến hạm lớn hay một chiếc thương-thuyền nào oai nghiêm, cương quyết lướt phong-ba, mà nó lại giống một chiếc ghe mành như tôi đã từng thấy thả neo đưa nhẹ theo làn nước quánh thành Nữu-Ước hay trong eo bể Long-Ích-Lăng, mà bây giờ thì nó vượt vùn vụt, không kể đường lối, buồm tan cột gẫy, giữa

giông tố dữ dội, và gió, và sóng ban đêm. Trên cầu tàu, một hình dáng mảnh-khảnh, cao cao, xinh đẹp, hình dáng của một kẻ trầm-sầu, hắn hình như đang tìm sự vui sướng trong cơn kinh khủng, trong bóng tối và trong sự tàn phá mà chính hắn là cả vừa trung-tâm-điểm, cả vừa người bị đưa ra làm mồi. Con người trong giấc chiêm-bao ma quái ấy, có thể biểu tượng cho Edgar Poe, cho thiên-tài ông, thân thế ông, và thi-phẩm ông; những thứ ấy, toàn thị cũng là những giấc chiêm-bao ma quái nữa.»

THÔN TẤN

Năm 1940, Hàn-Mạc-Tử vừa được 28 tuổi. Khoảng đầu năm, một người đàn ông làm nghề chài lưới ở miệt Vạn-Tấn (gần ven biển cách Qui-nhon 4 cây số) năm trước mắc phải bệnh hủi hết sức nặng, tự nhiên thấy bớt đi một cách nhanh chóng lạ thường.

Vợ con người ấy đã về nhìn nhận chồng cha, và gia-đình lại thấy lại vẻ sum vầy đầm ấm của thời mới lập nên. Việc lạ ấy đồn khắp cả Qui-nhơn và thấu tai gia-đình Hàn-Mạc-Tử. Mẹ Hàn nguyên trước kia cũng biết bệnh trạng người kẻ chài, vội vã tìm thăm. Người chài khai rằng nhờ uống thuốc ở nhà bà thầy Đ., ở cùng xóm. Mẹ Hàn băng mình đến tìm bà thầy Đ. Hai bên thỏa thuận để Hàn ở lại nhà bà thầy.

Bà Đ. rất tốt, biết thương người hiền lành, lại biết trọng đãi kẻ văn nhân. Bà biết nhà Hàn nghèo nàn, nên có khi thiếu tiền cơm thuốc đến ba bốn tháng bà cũng không hỏi.

Sáu tháng vừa qua, bệnh tình của Hàn khá lên nhiều lắm. Một lần chàng đi bộ từ Tấn về Qui-nhơn, khi vào nhà, mẹ chàng không nhìn ra con, vì Hàn mập mạp trắng trẻo ra nhiều.

Tuy nhiên tiền cơm thuốc cũng không có đủ, mặc dầu bà mẹ già đã tận tâm tận lực với con.

Ngày 20 Juillet 1940, Hàn-Mạc-Tử viết thư cho Trần-Thanh-Địch :

« Địch ơi ! Cuộc đời Trí rung rinh lắm rồi, hiện nay Trí khổ lắm, không có tiền uống thuốc, Địch ạ ! Bệnh Trí mỗi ngày một khá nhiều lắm lắm, thế mà không biết làm sao có tiền để uống thuốc, Lâu nay Trí không mấy khi làm phiền gia đình về sự thuốc men nữa cả. Không bao giờ Trí nói cho ai biết cả. Người thầy thuốc có lòng thương Trí, cho Trí uống chịu thuốc, nhưng bây giờ họ cũng không thể cho nữa, vì họ cũng nghèo khổ quá ».

Một bận sau nữa, không biết ai xui khiến chàng đến tìm bác sĩ G. giám đốc bệnh viện

Qui-nhơn. Lần này là lần đầu tiên mà chàng đến cho một nhà y học tây khám xét. Bác sĩ G. tuyên bố rằng tỳ vị Nguyễn-Trọng-Trí đã bị hư hỏng, có lẽ vì uống thuốc độc nhiều quá.

Từ hôm ấy, Hàn-Mạc-Tử yên trí là chàng không còn sống lâu được nữa. Một hôm với một lẽ điềm tĩnh mà bà sương phụ phải lấy làm kinh dị, chàng nói với mẹ : — « Mẹ ơi ! Con sắp chết nay mai. Con không sợ chết, mẹ ạ ! Nhưng nghĩ rằng con sẽ phải bỏ mẹ, con đau lòng quá !»

Từ đấy, chàng không thiết đến một việc gì nữa. Chàng coi chàng như người không còn nữa. Đây lại là một đặc điểm làm cho nhà thi-sĩ Việt-Nam Hàn-Mạc-Tử giống thi sĩ Anh John Keats. John Keats, trong buổi sau cùng, cũng không thiết gì đến đời, và thường tỏ ý coi sự chết như không. John Keats gọi mấy năm sau cùng của đời ngắn ngủi của chàng là cuộc đời sau khi đã chết (sa vie posthume). John Keats đến 27 tuổi thì mất. Hàn-Mạc-Tử 28. John Keats bảo người bạn thân tưởng tượng tả cảnh ngôi mộ của chàng sau này. Bạn chàng bảo là sẽ trồng đầy hoa đồng thảo, John Keats cười nói : « Vâng, hình như tôi đang cảm thấy hoa đồng thảo mọc cả lên người

tôi đây !»

Hàn-Mạc Tử hỏi Thanh-Địch về ý nghĩa của sự chết. Rồi chàng tự nói cái ý kiến của chàng. Chàng bảo đấy là một ngưỡng cửa mà một khi mình đã bước qua, mình sẽ có ý nghĩ tự đắc rằng giá mình không bước qua thì mình dại dột biết bao nhiêu. Thanh-Địch gửi cho chàng xem tập thơ không vần của Oscar Wilde, trong ấy nhà thi-sĩ Anh ca tụng cái chết một cách rất tài tình. Hàn sung-sướng lắm, cho là Orcar Wilde đã dọn cho chàng một con đường hết sức tốt đẹp để chàng làm cái cuộc « nhất khứ bất phục phản ».

Có một điều lạ mà chúng ta nên chú ý qua là đời Hàn-Mạc-Tử giống đời nhiều thi-sĩ Đông, Tây. Đời Đường thì có Vương-Bột, nhà thơ bất tử của Đằng-Vương-Các bị bỏ mình trong làn sóng bạc cuộn cũng khi tuổi mới 28. Vương cũng như Hàn, nằm mà làm thơ, khi nào thành bài xong xuôi mới dậy chép lại (phúc cảo).

Ở Pháp có Gilbert về thế-kỷ thứ 18, Gilbert cũng là một tâm-hồn đau thương, cũng chết trên một chiếc giường gỗ mục trong một bố thí viện, cũng thuở 28 tuổi, và là người đã viết mấy câu thơ :

Au banquet de la vie, infortuné convive,

J'apparais un jour et je meurs
Je meurs et sur la tombe où lentement
j'arrive,
Nul ne viendra verser des pleurs.

Dịch tạm :

Là thực khách đau thương trong tiệc sống
Ta hiện ra một lúc để chết thôi,
Ta chết rồi, bên nấm mồ trơ trống,
Không người mô đến nhỏ lệ đầy vơi.

Thì Hàn Mạc-Tử lại chẳng đã viết những câu :

Một mai kia ở bên khe nước ngọc
Với sao sương, anh nằm chết như trăng.
Không tìm thấy nàng tiên mô đến khóc,
Đến hôn anh và rửa vết thương tâm !

DUYÊN-KỲ-NGỘ

Bây giờ, nhà thi sĩ đã sẵn sàng để đợi chết. Đối với Trần-Thanh-Địch là người không bao giờ chàng che đậy một ý nghĩ nào, bây giờ chàng cũng dồi dọng : Ngày 18-8-40 chàng viết : « Trí có nhận được thư Địch rồi, lũa nào đây, ha ha, tại làm sao Địch lại khóc trong khi Trí cười vui vẻ thế này ! Trí có đi đến Médecin-Chef để khám bệnh và rất được ông ta thương yêu. Hiện nay Trí nghe lời ông không uống thuốc nữa để bồ dưỡng cho mạnh

rồi có đi cưới vợ nữa chứ! Ha ha!»

Cũng ở thôn Tấn, có một ông lang danh tiếng về tài trị các bệnh thông thường. Mẹ con Hàn-Mạc-Tử, tìm đến cho ông chẩn mạch cho Hàn. Ông ta cũng nói một lời như Bác-sĩ G, là ngũ-tạng Hàn bị thương tổn dữ lắm. Ông thảo đơn thuốc bổ và trao cho mẹ chàng, người đàn bà còn nhà Chánh, Phó Ngự-y đã mấy đời ấy. Không hay làm thuốc, nhưng khi bà cụ ghé con mắt bé ti ti và hiền hậu ấy vào tờ giấy súc, cũng biết là vị thuốc gì bổ gan, vị thuốc gì bổ thận. Bà bổ về, tự tay sắc lấy cho con. Hết một thang. Hết hai thang. Đến thang thứ ba, bỗng nhiên Hàn-Mạc-Tử nổi cơn sốt rét, rồi chứng bệnh kéo về rùng rùng, những chỗ nhức nhối ngày trước lại lở lói ra; cánh tay sưng lên; ở lỗ tai chảy mãi một thứ nước vàng; ngón tay, ngón chân co rút vào lại lần cuối cùng để mà không thẳng ra bao giờ nữa.

Bà Đ. thất-vọng, và tiền nợ thiếu lại vẫn còn nhiều, bà không dung nạp Hàn nữa. Lại thêm bọn lý-hào trong làng đệ thư điềm chỉ. Ngày 8 Septembre 1940, Nguyễn-Trọng-Trí phải đưa vào bệnh-viện Qui-nhơn để khám xét. Tấm «phích» của sở Thí-nghiệm chứng nhận chàng «quả mang bệnh hủi có sâu.»

(Lèpre bactériologiquement confirmée).

Ngày 20 Septembre, trong một buổi sáng tinh-sương, âm iu và đầy hơi lạnh của mùa thu, Hàn-Mạc-Tử lau nước mắt bước lên chiếc xe cam-nhông trùm màn vải xám tro bọc kín như một chiếc chăn liệm. Xe mở máy nhắm ngả Qui-hòa tiến tới trong khi người bệnh lưng lẽo trông lui, nhìn lần cuối cùng cái hình ảnh của Sum-Hiệp và nhìn lần cuối cùng cái hình ảnh thân yêu của mẹ già lọm khọm, của người chị hiền lành, của bầy cháu ngây dại, xa xót bùi ngùi như một tên tù bước chân lên đường đi đày để đến một hòn hoang-đảo, ở đấy hắn biết rồi sẽ muôn năm gửi nắm xương tàn.

Thì ra cái cảnh tượng chia ly mà ngày xưa đã có lần chàng cảm thấy ở trong tưởng tượng và đã xui chàng tả lên những câu não nùng tha-thiết, nay lại rõ ràng với tất cả những chi-tiết của nó :

Trời hỡi! Bao giờ tôi chết đi?
Bao giờ tôi hết được yêu vì?
Bao giờ mặt nhựt tan thành máu,
Và khối lòng tôi cứng tợ si?

Họ đã xa rồi khôn níu lại,
Lòng thương chưa đã mến chưa bưa!
Người đi, một nửa hồn tôi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ!

Tôi vẫn còn đây hay ở đâu?
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu...
Sao bông phượng nở trong màu huyết,
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu?

QUI-HOA

Thành phố Qui-nhơn có thể ví như một vành móng ngựa nằm lọt giữa ba mặt núi vây quanh của dãy Trường-sơn. Mặt trước là bề. Qui-hòa nằm ở mút đầu phía bên mặt. Đứng ở Qui-nhơn, trông ra xa, thăm thẳm mù mù, người ta có thể thấy màu đỏ của mái ngói nhà thương phung.

Người ta đến đấy do một con đường đèo cao chót vót ; qua hết đèo là xuống một thung lũng rộng, toàn là trồng thứ dừa Bình-định, thân cao và rất sây trái, nó đã cho chỗ đất ấy một cái tên đã rất nên thơ : Vũng-dừa.

Dân sự làng Qui-hòa trước kia gồm chừng dăm chục nóc nhà rơm lụp xụp, quanh năm nhờ vào món tức lợi của nghề trồng dừa.

Nhưng từ khi nhà thương Qui-hòa thành lập thì họ phải lui dần vào phía trong.

Người du-khách mới xuống hết dốc đèo tức là đến chỗ địa đầu làng Qui-hòa, sẽ thấy ngay một khóm nhà nằm bên đường, trên mô đất cao, ở đấy luôn luôn có người ở để giữ ngõ ra vào, như tên lính canh cửa ải biên-thùy, để cấm người bệnh ở trong trốn ra ngoài.

Bây giờ ở trước mặt ta, bày ra cả một bức toàn cảnh ngót 500 mẫu đất, một tấm thảm cỏ xanh bao la, ở trên ấy nổi bật lên mươi tòa nhà mái ngói đỏ lòe, nhoi cao lên trên một rừng bích-đào quanh năm trổ hoa nhuộm mầu hồng phấn dịu cả một vùng thênh thang rộng, chạy từ ba phía núi tím nâu ra đến ngay mặt bể mà mầu lam cứ chìu theo sắc trời, đậm nhạt. Xen lẫn vào mầu hồng của đào-hoa, còn có sắc vàng của mấy dãy trại lợp mái rơm (rơm chứ không phải tranh) của người hủi ở, và sắc trắng tinh của những con đường trải đá phẳng lỳ, bao giờ cũng sạch như mặt người học-sinh ngày tựu-trường.

Vừa mới để chân lên cái đất đặc biệt ấy khách liền bị các cư-dân nhìn lật mặt, ngờ khách là một kẻ đến tăng số đinh cho làng.

Vì ở đây, người như khách đã thuộc về một loại người riêng, một loại người mà họ

gọi là « người mạnh ».

Ở đây, người ta nói : « Người mạnh thềnh thoảng cũng có vào buôn bán ». Về phía tây Qui-hòa, « phía trên gió », trên một chóp đồi cao, có vài ba túp nhà tranh. Khách có hỏi là nhà ai, thì họ đáp : « Ấy là nhà của « người mạnh », bồi bếp của các bà Phước.»

Dàn ra hai bên đường rộng, phân cách nhau bằng những hàng rào xương-rồng cắt rất phẳng, những chiếc nhà, gồm mấy dãy trại ấy, vuông tượng nhỏ nhoi, đều làm theo một kiểu, bằng phên trục trịch tô vôi chạy viền đỏ, trông có vẻ như những gian hàng của một hội chợ nào.

Cách trang hoàng có hơi khác nhau, tùy theo sự giàu nghèo của chủ-nhân. Nhiều nhà, ngoài sân có đủ bể cạn, non bộ, cây cảnh, và bên trong thì bàn ghế chùi láng bóng như để chờ những vị quí-khách nào. Có nhà treo hoành trướng, liễn đối, gương dựng, và có cả những bức ảnh đóng khung rất kỹ của chính chủ-nhân thuở đang còn là « người mạnh ». Người hủi có thể trong một lần nhìn ảnh cũ của mình và soi bóng trong gương để kiểm soát lối đi của bệnh-trạng. Người ta thấy trong sự ấy cả một thái-độ nhẫn nại anh-hùng rất đông-phương.

Một gian nhà cao rộng, có nhiều cửa, ở trong có bàn ghế và một chiếc trống tỏ cho khách biết rằng trại hủi cũng không thiếu trường học. Khách bước vào. Một lớp học nhóm họp đủ các hạng tuổi học trò, từ mười hai, mười lăm cho đến bốn năm mươi. Một nhà mô phạm chỉ lần từng chữ một trên bảng đen bằng một cái vật xưa kia chính là cánh tay đấy, nhưng bây giờ nó chỉ là một thanh củi khó mà tả cho hết cái rùng rợn ghê quái nó đang mang.

Khách vớ một quyển vở nhơ bẩn mà góc mỗi tờ đều vàng vọ và cuốn tròn lên hay xơ xát cả ra, và khách đọc những hàng viết tập như thế này : « Chúng ta phải kính trọng đức Chúa Trời ». « Chúng ta phải thương yêu cha mẹ », hay là những câu mà sự ngớ ngẩn vô-tình chỉ đem lại ở đây một mối ngậm-ngùi chua xót : « Chúng ta phải chăm lo học, cho dặng hơn người và để giúp ích cho xã-hội ! »

Trại hủi chia ra nhiều xóm, mang mỗi xóm mỗi tên, cũng như các đường. Có xóm Độc-Thân, trong mỗi nhà ở đến bốn người, hoặc đàn ông không vợ, hoặc đàn bà không chồng. Có xóm Đôi-Bạn (nên thơ và dễ thương làm sao !) thì trong mỗi nhà chỉ ở độc hai vợ chồng phung cui cút với nhau. Nếu khi nào sự sum

vầy trong nền hạnh-phúc tương đối ấy mà có kết quả, thì các bà Phước cai quản nhà thương đã chực sẵn mang ngay đứa bé đi một khu khác, đến một nhà lầu cao rộng, xây riêng để nuôi trẻ con của người bệnh đẻ trong trường hợp như vừa nói.

Thành thử những cha mẹ hủi, đẻ xong con ra thì không bao giờ được thấy mặt chúng nữa, và về sau, ví có đứng xa xa mà nhìn lên cái nhà lầu cao rộng kia, vì có thấy bóng dạng cười đùa của một bầy trẻ tốt tươi khỏe mạnh, thì họ cũng không biết được trong ấy đứa nào là con mình. Chung quanh nhà Mồ-Côi (người ta vẫn gọi nhà ấy là nhà Mồ-côi, tuy có đôi phần sai, nhưng chính sự sai ấy mới là cảm động) trong một đường bán kính chừng trăm bước người bệnh không được thấp thoáng đến. Trừ chỗ ấy ra, người bệnh có thể dạo chơi khắp vùng. Vì thế mà du-khách có thể thấy trên những đường đá đánh chữ thập trắng trên thảm cỏ xanh, dưới rặng bích-đào phơi phới, trong một bầu khí hậu quanh năm êm-đềm thanh khiết, dạo rong những người không mắt, không mũi, có những lỗ tai to tướng như lỗ tai voi, hay có cặp môi phồng lên như một hòn đá bọt, trùm che cả mặt. Những người ấy chập chựng đi trên hai cổ

chân không có bản, như kẻ đi cà-khêu, và vụng về hái hoa, — hái làm gì ?—vớ những bàn tay không có ngón, Thỉnh thoảng có một vài bóng dạng của các bà phước về dòng thánh François d'Assise vội vàng đi qua, tha thướt dịu dàng trong màu trắng tinh của mũ áo, với những bộ mặt hồng hào, quả là những đấng thiên thần, luôn luôn phân phát cho mỗi người bệnh gặp qua ngang những nụ cười tươi dịu, đầy an ủi và đầy tình thương ; cả cảnh ấy, cả người ấy họp lại thành một bức phong-quang ly kỳ, siêu-việt, không khỏi gây cho khách du-ngoạn một mối cảm-kích bàng-hoàng. Hãy thêm vào đấy một hồi chuông chiều dóng tự nhà sảnh-đường nguy-nga của bệnh viện, cùng hợp sức với tiếng sóng ở bề ngoài mà rền lên, như van lơn, như kêu gọi lòng người trở về chính đạo, thì người viễn-du không thể không cảm thấy tâm-hồn nao nao, chỉ muốn sụp xuống đất, chấp tay cầu nguyện đức Chúa Trời mà tự xin nhận làm tôi tớ.

Từ khi Hàn-Mạc-Tử vào nhà thương Qui-hòa, vì bệnh tình chàng quá nặng, nên người ta đưa thẳng chàng vào bệnh viện chính, chứ không để ở nhà riêng ngoài trại.

Lúc bấy giờ, trông thân-thể nhà thi-sĩ thật là thảm-thê. Tuy mặt mày chàng không

bị chứng bệnh tàn phá đến nỗi nhàu nát hay hóa nên quái-gở, nhưng da thịt bầm tím lên hết thảy, « hai mắt nằm lọt vào hai lỗ hũm sâu hoắm, đến không còn mở ra được. Thân hình chỉ có da bọc xương, chân tay thì co rút lại, mà đầu tóc bù xù rối trết lại từng về, trong ấy nhô nhúc những chí là chí ! » (Thư của ông Nguyễn-Văn-Xê, đề tại Qui-hòa ngày 25.3-1941).

Bệnh tình nhà thi-sĩ trầm-trọng cho đến nỗi qua chiều hôm sau, 21 Septembre 1940, thì chàng ngất lịm đi mà miệng thì cứ kêu khe khẽ những tên cực trọng « Giê-su ! Maria ! Giu-sê ! » luôn. Các bà phước được tin đều đến đủ mặt rồi cho rước cha tư-tế (aumônier) xuống rửa tội và làm phép xức dầu thánh. Khi ấy thì Hàn-Mạc-Tử đã bất tỉnh nhân-sự không còn hay biết gì nữa. Tuy nhiên, đến khuya chàng lại tỉnh ra, cựa quậy được, chàng ra hiệu nhờ một người sĩ đọc kinh cho nghe. Thế rồi chàng sống lại dần dần. Chàng nằm liệt trên giường bệnh, khi tỉnh, khi mê, hơn một tuần như vậy, trong thời kỳ ấy hễ lúc nào khỏe thì chàng hỏi mượn sách đọc, và bắt đầu làm quen với những bạn đồng bệnh đầu tiên đến thăm mình.

Hàn-Mạc-Tử xưa nay vẫn là người hiền

lành nhã nhặn, đối với bất kỳ ai, cũng có lễ-độ, nên không mấy lúc mà chinh-phục được lòng bao nhiêu người ở trong nhà thương, từ các bà phước đến người bệnh.

Cách mười ngày sau, chàng đã dậy đi ra ngoài được. Bây giờ thì lại đến lượt chàng đi thăm và an ủi anh em, chị em đồng bệnh khác. Chàng vui vẻ, ăn nói đậm đà, ưa đùa bỡn với bạn mới, biết lựa lời để cho vừa ý từng người.

Lòng trắc ẩn, tính nhường nhịn ngày xưa vẫn không bỏ chàng trong lúc này. Nhiều khi trong túi có một đồng, năm bảy hào của nhà gửi vào mà chàng thấy không cần dùng lắm, thì chàng đem chia cho các bạn nghèo túng hơn. Có một dạo, gia-đình chàng trong Qui-nhơn gửi ra cho chàng hai cặp áo quần vải trắng mới. Một tuần sau, có người vào thăm; trông thấy chàng vẫn mặc bộ áo quần đen cụt của những ngày ốm liệt, lấy làm lạ, gạn hỏi, thì chàng bảo là cất kỹ « để khi nào về thăm nhà sẽ mặc cho oai ». Nhưng người nhà đã biết tính chàng, đã rõ mặt cái người đi Saigon với một chiếc va ly đầy để trở về nhà với hai tay không và đầu không mũ ấy. Họ phát nghi hung, và hỏi riết, chàng mới đành thú là cho lỡ một người ốm rồi.

Từ khi Hàn-Mạc-Tử vào bệnh-viện Qui-hòa, chàng không nói việc ấy cho ai biết hết. Các bạn bè chàng có gửi thư cho chàng, cũng đề theo địa chỉ ở Qui-nhơn. Không hiểu vì sự ngần ngại gì, bao giờ nhà thi-sĩ cũng dấu kín những tin kinh khủng đã xẩy đến cho mình. Có lẽ theo ý chàng nghĩ, tin chàng vào Qui-hòa sẽ làm cho các bạn chàng khiếp sợ ghê tởm chăng? Dẫu sao, trong các thư chàng gửi trả lời cho bạn — những thư bây giờ cũng thưa thớt vắn tắt nhiều — có khi chàng vô ý để lộ sự chàng đã sống cách biệt với đời thường.

Ngày 8-10-41, chàng viết cho Trần-Thanh-Địch, hỏi : «Mới rồi Trí có viết thư cho Địch, Địch nhận được chưa ?» Ngày 21 Octobre, chàng báo tin cho Trần-Tái-Phùng là bao nhiêu thư Phùng gửi cho chàng, chàng đều nhận được cả.

Người không hiểu cảnh-ngộ đặc biệt của chàng có thể cho những lời nói ấy là ngớ ngẩn. Một hôm trằn trọc không ngủ được, chàng lồm cồm ngồi dậy soạn giấy bút viết một bài văn bằng chữ Pháp, để ca-tụng nhân đức của các bà Phước dòng Franciscaines là những người đã săn-sóc đến chàng. Bài ấy

cất mãi trong túi, đến khi mất, người ta đến liệm mới thấy. Ấy là bài văn cuối cùng mà chàng đã viết.

Theo lệ, đồ vật gì của người hủi chết phải thiêu hủy cả, bài văn kia cũng phải chung số phận ấy, nhưng người bạn đồng bệnh mới và hết sức trung thành là Nguyễn-văn-Xê đã kiếm được cách chép lại để dành. Tôi xin chép ra đây, gọi là ghi tạc dấu tích sau cùng của một thiên-tài :

LA PURETÉ DE L'AME

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaîté, apportez-moi une couronne.

Je veux baigner dans l'Océan de lumière et d'amour divin.

Car ici-bas s'accomplissent des miracles qui tiennent les hommes muets d'admiration en comtemplant l'œuvre mystique du Très Haut.

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaité, voyez-vous cette lueur diaphane qui se précise, cette blancheur de neige, cette forme immaculée, cette âme apparue au monde ?... Je crois dès le premier abord que c'est l'esprit des saints, la poésie, la quintessence de la prière, qui au lieu de s'exhaler en parfum et en éther, prend la modeste résolution de se faire créature !

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaîté, applaudissez : car ce sont les Mères et Sœurs de Saint François d'Assise qui descendent au monde pour calmer les douleurs et les peines des faibles mortels, des malades et des lépreux tels que nous sommes.

Je veux chanter des louanges, me désaltérer de leurs douces paroles quand elles chantent : Hosanna ! Hosanna !

Je veux toujours admirer cette blancheur immaculée, cette fraicheur, cette lumière, cette poésie, car tout cela est l'emblème de la

PURETÉ DE L'AME !

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaîté, lancez-vous des roses et des nénuphards, des chants mélodieux et des notes embaumées et versez avec effusion les vertus, le courage et le bonheur parmi les servantes de Dieu.

François Trí

Déo gratias

Nuit de Mercredi

24 Octobre 1940

Dịch :

« Hỡi các vị thiên-thần của trời, thiên-thần của Chúa, thiên-thần của hòa bình và hoan-lạc, xin hãy mang lại cho tôi một vòng hoa,

Tôi muốn tắm trong bể ánh sáng và lòng yêu kính thiêng liêng.

Bởi vì dưới cõi trần-gian, đã thành-tựu nhiều phép lạ nó làm cho người ta phải ngẹn ngào vì khâm phục khi ngưỡng vọng cái sự nghiệp thần-bí của đấng Tối Cao.

« Hỡi các vị thiên thần của Trời, thiên thần của Chúa, thiên thần hòa bình và hoan lạc, các người có thấy cái ánh sáng trong mờ càng ngày càng rõ rệt, cái màu sắc trắng tuyết kia, cái hình hài không vết bợn kia, cái linh hồn hiện lên nơi cõi thế kia, ngay khi mới thấy, tôi đã chắc đó là cái hồn phách của các vì Thánh, cái thi tứ, cái tinh-hoa của sự cầu nguyện đáng lẽ thì bốc lên hương thơm và tinh khí, nhưng đây chỉ khiêm tốn quyết-định hóa ra Người.

Hỡi các vị thiên thần của Trời, thiên thần của Chúa, thiên-thần hòa bình và hoan-lạc, xin hãy vỗ tay lên : bởi vì đó là các Mẹ và các Chị dòng Saint François d'Assise, xuống cõi trần gian để an ủi những đau khổ, lo âu của loài người yếu đuối, của các bệnh nhân tàn tật, của những kẻ phong hủi là chúng tôi đây.

Tôi muốn ca lên những bài khen ngợi, hứng uống cho thật đã những lời êm dịu của các bà, khi các bà đồng hát bài thánh ca : Hosanna ! Hosanna ? (xin cứu với, xin cứu với !)

Tôi muốn bao giờ cũng thán thưởng cái hình thể trắng tinh không vết ấy, sức tươi mát, nguồn ánh sáng, bầu thơ ấy, vì tất cả đó là biểu-tượng của :

TẤM LINH HỒN THANH KHIẾT

Hỡi các vị thiên thần của Trời, thiên thần của Chúa, thiên thần hòa bình và hoan lạc, xin hãy ném cho nhau những đóa hoa hồng, hoa súng, những điệu hát réo rắt và những hơi nhạc thơm tho, và xin hãy rưới trút cho tràn trề nào là đức-hạnh, can-đảm và hạnh-phúc cho những vị nữ-tỳ của Đức-Chúa.

Đêm thứ tư 24 Ocobre 1940
François Trí
Cảm tạ Thượng-đế.

Từ đây, chứng bệnh cứ tăng lên mãi, làm cho chàng không dậy được nữa, những cơn sốt dữ dội khiến chàng mê man bất tỉnh hay nói sảng huyên-thiên. Nhưng đến lúc mạch máu dịu lại thì chàng tỉnh táo ngay, mặc dầu thân thể đau nhức vô cùng, chàng vẫn không rên siết, chỉ thỉnh thoảng lại nói : « E tôi chết mất ». Chàng đòi xem sách. Với một ý nghĩa sâu xa, Nguyễn-văn-Xê lựa giùm cho chàng ở thư-viện quyển sách « Dọn Mình Chết ». Xem xong sách, chàng có vẻ bình tĩnh hơn, chàng đọc đi đọc lại câu « Kính lạy Đức Mẹ hằng cứu giúp, xin thương con với ! » Chàng viết

sẵn một cái thư dặn Xê khi chết rồi thì nhờ gửi cho mẹ chàng ở Qui-nhơn. Ấy là mấy hàng vĩnh biệt người mẹ thân yêu và tạ tội bất hiếu của chàng, vì đã phụ phàng công lao dưỡng dục.

Ngày 11 Novembre 1940, vào lối bảy giờ sáng, bệnh-tình chàng có giảm hơn mấy ngày trước, chàng nằm yên, vẻ mặt tươi, tinh-thần tỉnh táo lắm. Anh em đồng-bệnh đến thăm, chàng gọi đích từng tên, và tỏ vẻ đắc ý với bạn rằng trí não chàng không suy kém. Người ta xúm quanh, ân cần săn sóc, chàng đều hỏi han trò chuyện vui vẻ. Chàng bàn đến qua sang năm đồng rủ nhau xin phép đi Huế chơi và dự lễ kiệu đức bà La-vang ở Quảng-trị. Bên cạnh thi-sĩ, có một người sĩ (cũng là người bệnh) đọc kinh luôn luôn, vì tuy bề ngoài như thế, nhưng ai cũng đã hiểu rằng cái lúc cuối cùng không còn bao xa nữa. Đến tới 11 giờ trưa thì Hàn-Mạc-Tử nhắm mắt, nói: « Thôi, bây giờ nằm nghỉ một chốc, kẻo nãy giờ nói chuyện mệt ». Thế là nhà thi-sĩ ngủ luôn, không còn thức lại đời nầy nữa.

Được tin người bệnh số hiệu 1134, tên Nguyễn-Trọng-Trí chết, bà Giám-đốc và các bà Phước dặn để xác đến một giờ chiều mới cho phép liệm, đến hai giờ rưỡi thì đưa vào

nhà thờ làm lễ, xong đem chôn ở đất Thánh Qui-hòa. Đám đưa đơn sơ lắm. Người nhà Hàn-Mạc-Tử không ai hay biết gì hết. Chỉ có một ông chức-việc, hai người sĩ và người bạn không rời là Nguyễn-văn-Xê đi theo.

Nghĩa-địa ở đất Thánh Qui-hòa nằm xuôi theo sườn núi, ở phía tây, trải rộng trên một mảnh đất vuông ước ba sào. Mộ của người hủi được chôn theo thứ tự ngày chết, và un lên từng nấm dài như một đoạn vồng khoai. Một giá thập tự gỗ dựng lên ở đầu mỗi mộ, ở xa trông chi chít như nghĩa địa của tử-sĩ dựng ngay giữa một bãi chiến trường nào.

Gia-đình người hủi nào giàu có thì cho dựng những chiếc giá bằng vôi, có chạm tên tuổi, ngày chết của người nằm đấy. Mộ Hàn-Mạc-Tử chỉ có một chiếc thập-tự làm bằng hai que củi đóng một cái đinh ở giữa. Mười tháng sau khi thi-sĩ mất, chiếc thánh-giá đỡ đầu cho mộ chàng đã sụp đổ. Thì ra từ khi người ta đã đắp lên thi-thể bị tàn phá của thi-sĩ một nấm đất khô khan, không có lấy một người nào từ ngoài đời sống kia chịu vào đấy mà xem thử mộ kẻ thân yêu mình ra sao nữa. Sự ấy tôi đã hỏi chắc chắn ở bà mẹ Marie de Saint-Venant và ở anh Nguyễn-Văn-Xê. Không một ai hề cảm thấy xoắn vó

và bị thúc dục do tínnh hiếu-kỳ nữa kia đấy. Mẹ nhà thi sĩ là một người sương-phụ già yếu quá rồi. Bà có quyền tránh trút một mối thương-tâm đã không ích chi mà còn rước thêm vào buồng tim đã tan nát từ lâu. Nhưng còn những em trai đã thành niên của thi-sĩ? Còn bạn bè thân thích ở quanh vùng? Còn các môn-đệ thường say mê tài nghệ của bậc thầy mà họ từng coi như một vì á-thánh?

Thì ra Hàn-Mạc-Tử đã tham lam nhiều quá, đã đòi hỏi nhiều quá, khi chàng bảo :

Không tìm thấy nàng tiên mò đến khóc,
Đến hôn anh và rửa vết thương tâm.

Như Gilbert thế mà lại thiết thực hơn, ít ra cũng thích-hợp với trường-hợp hiện giờ hơn. Nhưng nghiệm lại cho chín, hay là Hàn-Mạc-Tử nói khẩu-khí chơi thế mà thành sự thật? Và ai xui nên sự tình-cờ mầu nhiệm chi, để cho câu thơ than gió khóc mây ấy mà lại trở nên một lời tiên-tri bây giờ thành-tựu? Vì nàng tiên ấy đã hiện hiện hoàn-toàn nơi bà Mẹ Marie de Saint-Venant, phó-giám-đốc bệnh-viện Qui-hòa khi bà đưa tác-giả tập sách này đi quan-chiêm ngôi mộ nhà thi-sĩ, trong một ngày đầu thu năm vừa qua. Nơi bà ấy, mà chúng ta không còn có phép khen ngợi cái sắc đẹp và cái

tuổi trẻ hiện thời vẫn đang lộng lẫy, nơi bà ấy chỉ là dịu dàng, chỉ là trong sạch, chỉ là nguồn Đạo Hạnh hoàn toàn,—một nàng Tiên, tôi đã nói.

Tiếp theo câu chuyện về « những buổi sau cùng của François Trí » mà bà kể cho nghe, câu chuyện của « con người nhỏ nhoi làm sao, lễ phép làm sao và chí-thành làm sao » ấy (il était si petit, si poli et si bon chrétien) bà trỏ nắm cát khum khum mà bảo :

— Rồi thế đấy ! Bây giờ thì anh ấy nằm đây, nằm nghỉ yên tịnh để đợi ngày Phục. Sinh.

Vì trời lại đổ xuống một trận mưa to, (ở đây về tiết thu, thì cứ cách vài giờ lại có một trận mưa ngẫu) tôi xin bà Marie cứ về trước một mình, vì tôi thấy cần phải ở lại ít chốc.

Dưới cơn mưa thu rào rạt, tôi suy nghiệm đến cái cứu cánh của một thiên-tài. Có lẽ trong giờ này Hàn-Mạc-Tử, theo như lời bà de Saint-Venant, đã «phục-sinh» trong trí nhớ những người hâm-mộ thơ chàng. Nhưng mà khi nghĩ rằng, cái phần sửa lại cho ngay chiếc giá chữ thập mục nát kia lại lọt về cho tôi, một du khách từ phương xa đến, cái ý nghĩ ấy không khỏi khiến cho lòng tôi bồi-hồi. Tôi vẫn biết trước

trong một ngày không lâu, người ta sẽ dành nhau cái vinh dự xây dựng cho thi-sĩ Hàn-Mạc-Tử những chiếc thánh-giá vĩ-đại, đến cả những lăng-tẩm nguy-nga nữa. Nhưng mà cái viễn ảnh tươi đẹp ấy hiện bây giờ vẫn không an-ủi được một tấm lòng ngậm-ngùi trước cảnh tàn-tạ thê-lương của một cuộc an nghỉ cuối cùng.

HẾT

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

MỤC-LỤC

Tựa
I Đồnghới, 1912
II *Thơ Đường-Luật*
III Đời làm báo
IV *Gái-Quê*
V Chứng nan-y
VI Ảnh-hưởng của bệnh trong thi-văn Hàn-Mạc-Tử
VII *Đau-Thương*
VIII Bệnh-trạng
IX Cô-liêu
X Nghèo-túng
XI Mộng-Cầm
XII Những người đàn-bà đá kinh quá vào đời Hàn-Mạc-Tử
XIII Mai Đình nữ sĩ
XIV Cuộc sống hằng ngày
XV *Xuân-Như-Ý — Thượng-Thanh-Khí*
XVI *Cầm-Châu-Duyên*
XVII Nguồn cảm-thụ-lực ở Hàn-Mạc-Tử
XVIII Nghệ-thuật của Hàn-Mạc-Tử
XIX Âm-nhạc trong thơ Hàn-Mạc-Tử
XX Thôn Tấn
XXI Qui-hòa
Mục-lục

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS